TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 388/PTSC-BTK

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2024

V/v Công bố Báo cáo thường niên 2023

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty : Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
2. Mã chứng khoán: **PVS**
3. Trụ sở chính : Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
4. Điện thoại : 028.3910 2828 Fax: 028.3910 2929
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Đức Thủy
6. Nội dung của thông tin công bố:

   Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam công bố Báo cáo thường niên 2023 của Tổng công ty được lập theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo thường niên 2023: www.ptsc.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

TUQ.TỔNG GIÁM ĐỐC
NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Nguyễn Đức Thủy

Nơi nhận:
- Như trên;
- Website: www.ptsc.com.vn;
- Lưu: VT, BTK (NĐT,04).

NGUYỄN ĐỨC THUỶ

Digitally signed by NGUYỄN ĐỨC THUỶ
DN: c=VN, st=HỒ CHÍ MINH, l=Quận 1, o=TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM, ou=TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM, title=Trưởng Ban Thư ký/Người PTQT Tổng công ty, cn=NGUYỄN ĐỨC THUỶ, 0.9.2342.19200300.100.1.1=CMND:182338475
Date: 2024.04.03 16:47:46 +07'00'

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

NĂNG LƯỢNG MỚI
ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG

MỤC LỤC

I. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Thông điệp của Lãnh đạo

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thông điệp của Tổng Giám đốc

2. 12 dấu ấn năm 2023

II.GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

1. Thông tin doanh nghiệp

Thông tin khái quát

Ngành nghề kinh doanh

Quá trình hình thành và phát triển

2. Mô hình quản trị

Sơ đồ tổ chức

Giới thiệu Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

Mạng lưới hoạt động

Cơ sở vật chất

Tầm nhìn-Sứ mệnh-Giá trị cốt lõi

Chiến lược phát triển

Định hướng phát triển

3. Các giải thưởng tiêu biểu năm 2023

III.BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Đánh giá tổng quan hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023

Đánh giá về chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Kết quả các hoạt động dịch vụ

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

2. Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị

Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Kế hoạch hoạt động năm 2024

3. Báo cáo của Ban kiểm soát

Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát

Kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát

Kế hoạch công tác năm 2024

4. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

Tác động liên quan đến môi trường
Chính sách liên quan đến người lao động
Các hoạt động đầu tư cộng đồng

IV.QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Tổng quan về Hệ thống quản trị của PTSC

Giới thiệu Hệ thống quản trị của PTSC
Quan hệ giữa Công ty Mẹ-Công ty con-Công ty Liên doanh, liên kết
Hoàn thiện hệ thống quản trị
Vai trò của HĐQT trong việc thực hiện quản trị rủi ro và các cơ hội liên quan đến phát triển bền vững của PTSC

2. Cơ cấu Hội đồng Quản trị

3. Tăng cường quản trị rủi ro

4. Thù lao và các lợi ích khác

V.BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Tổng quan về mô hình phát triển bền vững

2. Mục tiêu phát triển bền vững

3. Gắn kết các bên liên quan

VI.CHỨNG KHOÁN PVS

1. Thông tin cơ bản

2. Cổ đông

3. Quan hệ Cổ đông

4. Đánh giá cổ phiếu PVS

5. Lịch sử tăng vốn điều lệ

6. Lịch sử chi trả cổ tức

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT:

ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
ĐHCĐ: Đại hội cổ đông
HĐQT: Hội đồng Quản trị
BKS: Ban Kiểm soát
TGĐ: Ban Tổng Giám đốc
CBCNV: Cán bộ công nhân viên
SXKD: Sản xuất kinh doanh
KHCN: Khoa học công nghệ
NLĐ: Người lao động
TĐDKVN: Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
NLTTNK: Năng lượng tái tạo ngoài khơi

I. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Thông điệp của Lãnh đạo

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thông điệp của Tổng Giám đốc

2. 12 dấu ấn năm 2023

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý vị,

Kéo dài từ nửa cuối năm 2022 đến hết năm 2023, hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước tiếp tục gặp nhiều khó khăn, số lượng doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường cao hơn nhiều so với cùng kỳ năm trước, năng lực hấp thụ vốn sụt giảm khiến tăng trưởng tín dụng chậm, sự suy giảm nhu cầu đầu tư và sức chống chịu thể hiện rõ mức độ khó khăn của doanh nghiệp trong năm 2023. Ngành dầu khí toàn cầu cũng đối mặt với những biến động và thách thức, sự biến động về nguồn cung dầu khí, tác động của các cuộc xung đột trên thế giới và sự chuyển dịch nguồn năng lượng từ hóa thạch sang năng lượng xanh, sạch theo xu hướng, cam kết của các quốc gia trên thế giới và khu vực. Với bối cảnh khó khăn, thách thức cả bên trong và bên ngoài, việc đầu tư các dự án mới cho thăm dò khai thác, gia tăng trữ lượng trong nước gặp nhiều khó khăn, chậm tiến độ, sự cạnh tranh gay gắt từ các công ty tư nhân khi khối lượng công việc thuộc lĩnh vực truyền thống khan hiếm; giá xăng dầu, nguyên vật liệu, chi phí vận tải, hàng hóa dịch vụ đầu vào biến động mạnh gây ảnh hưởng lớn đến nhiều lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Tổng công ty PTSC và các Đơn vị.

Nhận diện, liên tục đánh giá các rủi ro, quản trị biến động, Tổng công ty PTSC đã chủ động đổi mới, nắm bắt cơ hội kinh doanh trong xu hướng chuyển dịch năng lượng để phát triển các sản phẩm mới, mở rộng tham gia đấu thầu, các công việc trong lĩnh vực năng lượng tái tạo ngoài khơi, đẩy mạnh phát triển dịch vụ ra thị trường nước ngoài góp phần bù đắp khối lượng công việc truyền thống liên tục bị suy giảm trong suốt thời gian qua, Tổng công ty PTSC đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu Kế hoạch SXKD năm 2023, doanh thu hợp nhất

đạt **21.742 tỷ đồng**, lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt **1.277** tỷ **đồng**, tương ứng đạt 165% và 164% so với Kế hoạch năm, tỷ trọng doanh thu cung cấp dịch vụ ra nước ngoài năm 2023 của Tổng công ty đạt trên **55%**, tăng nhiều so với các năm trước cho thấy nỗ lực của PTSC trong việc thích ứng và duy trì phát triển. Kết quả tích cực của Năm 2023 khẳng định vị thế, tầm vóc, thương hiệu của PTSC trên thị trường năng lượng và tinh thần nhiệt huyết, khát vọng, nỗ lực thay đổi, thích nghi với khó khăn, thách thức, chuyển đổi linh hoạt, tìm kiếm công ăn, việc làm, tìm kiếm các cơ hội trong khó khăn, khủng hoảng để vươn tới các thị trường, công việc có tính khả thi, triển khai áp dụng hàng loạt, đồng bộ hệ thống các giải pháp hiệu quả để đẩy mạnh công tác phát triển kinh doanh, nâng cấp năng lực toàn diện, đẩy mạnh tham gia trong quá trình chuyển dịch năng lượng, năng lượng tái tạo, quyết liệt tháo gỡ, xử lý các khó khăn…nâng cao hiệu quả SXKD, đảm bảo quyền, lợi ích Nhà nước, Cổ đông, Người lao động, duy trì ổn định, phát triển Tổng công ty.

Trong năm 2024 ngành dầu khí có nhiều triển vọng nhờ giá dầu đang ở mức tích cực và tiềm năng các dự án thượng nguồn (Dự án Lô B – Ô Môn, Sư Tử Trắng 2B, Lạc Đà Vàng) đang được đẩy nhanh tiến độ phê duyệt FID trong tháng 6/2024 và sự chuyển dịch điện khí LNG; tập thể Lãnh đạo, Cán bộ công nhân viên và Người lao động Tổng công ty PTSC với văn hóa về sự tuân thủ pháp luật, luôn đặt lợi ích chung, sự thành công của các dự án, công việc lên trên hết, văn hóa về sự đoàn kết, phối kết hợp, văn hóa về sự tăng trưởng…cùng với sự chỉ đạo, hỗ trợ của các cấp, Tập đoàn DKVN, bề dày tích lũy, phát triển, quyết tâm thực hiện thành công, hoàn thành cao nhất nhiệm vụ SXKD năm 2024 mà ĐHĐCĐ, cấp trên giao, quan tâm đầy đủ, hài hòa các quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, Quý cổ đông, Người lao động.

Thay mặt HĐQT Tổng công ty, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất tới Ban Điều hành, các cấp quản lý, toàn thể CBCNV Tổng công ty PTSC vì tất cả sự đóng góp, cống hiến, những nỗ lực, cố gắng, lao động; và tới các Cơ quan quản lý Nhà nước, cấp trên, chức năng các cấp, Quý Cổ đông, Tập đoàn DKQGVN, Nhà đầu tư, Quý khách hàng, Đối tác đã luôn đồng hành, tin tưởng, hợp tác, hỗ trợ to lớn, hiệu quả đối với Tổng công ty; kính chúc Quý vị, Quý cơ quan năm 2024 luôn dồi dào sức khỏe, ngày càng phát triển và thêm thành công mới.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Phan Thanh Tùng

THÔNG ĐIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính thưa Quý vị cổ đông,

Đến hẹn lại lên, cứ mỗi kỳ tổ chức Đại hội cổ đông, cuốn Báo cáo thường niên PTSC lại được gửi đến Quý vị. Với chúng tôi, mỗi bản Báo cáo hằng năm gửi đến quý cổ đông không chỉ là một văn bản, một tài liệu hay một bản công bố chỉ số tài chính. Mà hơn thế, đây còn là một ấn phẩm quan trọng nhằm tổng kết, cung cấp những tư liệu, thông tin về tình hình sản xuất, kinh doanh và nhiều khía cạnh hoạt động của PTSC trong năm qua. Ấn phẩm cũng là nơi thể hiện hình ảnh PTSC, văn hóa PTSC, khẳng định uy tín, sự minh bạch, trách nhiệm của PTSC với các cổ đông, đối tác, khách hàng. Đó cũng là những yếu tố góp phần tạo dựng tin cậy, củng cố niềm tin từ các cổ đông, đối tác, khách hàng và những nhà đầu tư trong nhiều năm qua.

Và khi cuốn Báo cáo thường niên 2023 chính thức lên trang, bức tranh tổng thể, khái lược nhất về PTSC trong năm 2023 cũng được phác thảo. Ở tuổi 30, "tam thập nhi lập", trong Lễ kỷ niệm 30 năm Ngày thành lập (1993-2023), PTSC đã tổng kết, cùng đánh dấu một chặng đường quan trọng của Tổng công ty. 2023 không chỉ là năm tôn vinh thành tựu, nền tảng, văn hóa và những giá trị tốt đẹp của PTSC trong suốt 30 năm xây dựng và trưởng thành mà còn là năm tiếp tục khẳng định vị thế, tầm vóc thương hiệu PTSC. Đó không chỉ là một năm thành công trọn vẹn, mà còn là năm mở ra cho PTSC nhiều điều mới mẻ.

Quý vị thân mến!

Sau giai đoạn dài nỗ lực vượt khó, vượt khủng hoảng, kết quả doanh thu của năm 2023 đã đưa PTSC chính thức trở lại "sân chơi 20 ngàn tỷ". Tổng công ty đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Trong lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật dầu khí truyền thống, thương hiệu PTSC tiếp tục được khẳng định, củng cố.

PTSC cũng ghi dấu ấn đậm nét trong lĩnh vực năng lượng tái tạo ngoài khơi. Từ những tín hiệu mới vài năm trước, PTSC đã nhanh chóng biến cái mới thành cơ hội hành động và có những bước chuyển mình đầy mạnh mẽ sang lĩnh vực mới và có được những thành tựu nền tảng vô cùng quan trọng, nhiều hợp đồng dịch vụ được ký kết và triển khai. PTSC có bước tiến ngoạn mục với tổng doanh số 1,5 tỷ USD đơn hàng trong lĩnh vực NLTTNK. Sản phẩm chế tạo của PTSC được xuất khẩu sang nhiều thị trường trên thế giới. Nhiều khách hàng đã chủ động tìm đến. Bước qua giai đoạn hậu khủng hoảng, bước qua thời kỳ chật vật, khó khăn tìm việc, PTSC giành được các hợp đồng bảo đảm công ăn việc làm ổn định đến 2027.

Vị thế, tầm vóc PTSC trong sân chơi mới đã có những bước tiến mới, thương hiệu PTSC đang khởi sắc từng ngày.

Đó cũng là thành quả chung của đội ngũ PTSC đoàn kết, năng động, sáng tạo.

Kính thưa quý vị!

Tiếp tục với các mục tiêu mới, kể cả ở các mảng dịch vụ dầu khí truyền thống và NLTTNK, trong tương lai gần, để có thể thực hiện thành công Kế hoạch 2024 và các năm tiếp theo, PTSC sẽ phải linh hoạt các giải pháp, đẩy mạnh tái cấu trúc, tập trung quyết liệt vào các vấn đề năng suất, công suất, hiệu suất sử dụng nguồn lực, áp dụng phương thức sản xuất tinh gọn, quản trị tinh gọn và tư duy tinh gọn.

Với năng lượng và nhiệt huyết, niềm tin và khát vọng, năng lực và kinh nghiệm của tuổi 30, chúng tôi đang tiếp tục kề vai sát cánh, tiếp tục nỗ lực, khẳng định chính mình để cho những mùa quả ngọt bội thu, bền vững, ổn định hơn. Đội ngũ PTSC vẫn luôn đồng sức đồng lòng cho nhiệm vụ duy trì và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, vận dụng nhiều giải pháp dịch vụ để đảm bảo doanh thu, lợi nhuận, đảm bảo dòng cổ tức bền vững, duy trì được niềm tin của các nhà đầu tư cũng như các cổ đông cũng như hiện thực hóa mục tiêu, chiến lược, sứ mệnh, tầm nhìn của PTSC trong tương lai.

Đối với quý vị cổ đông, nhà đầu tư, PTSC vẫn luôn nỗ lực, toàn tâm toàn ý hướng đến sự chuyên nghiệp, minh bạch, hiệu quả, đúng cam kết để luôn được ghi nhận là một trong những đơn vị niêm yết tốt nhất và giành trọn Niềm tin của quý vị.

Kính chúc quý vị nhiều sức khỏe, hạnh phúc, may mắn và thành công.
Trân trọng!

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Mạnh Cường

12 DẤU ẤN 2023

01. Ký Hợp đồng chế tạo và cung cấp chân đế ĐGNK dự án CHW2204

Ngày 12/01/2023, Tổng công ty PTSC và khách hàng Orsted Taiwan Ltd đã ký Hợp đồng chế tạo và cung cấp 33 chân đế trụ điện gió cho dự án ĐGNK Greater Changhua 2204 (CHW2204) tại Đài Loan (Trung Quốc), đánh dấu việc PTSC chuyển đổi sang mô hình sản xuất hàng loạt, quy mô lớn, năng suất cao, chính thức bước chân vào chuỗi cung ứng cho các dự án NLTTNK toàn cầu, đặt nền móng cho nhiều cơ hội dịch vụ mới trong lĩnh vực NLTTNK trong tương lai.

02. Đẩy mạnh hoạt động cung cấp dịch vụ sang khu vực Trung Đông

Ngày 17/05/2023, Chi nhánh PTSC Abu Dhabi đã được Bộ Kinh tế UAE cấp Giấy phép hoạt động, đánh dấu quá trình đẩy mạnh phát triển cung cấp dịch vụ sang khu vực Trung Đông, nổi bật là việc PTSC Marine trúng thầu cung cấp tàu dịch vụ, PTSC G&S cung cấp ROV cho khách hàng Saudi Aramco, PTSC M&C và POS tiếp tục thực hiện các dự án tại Qatar và Saudi Arabia.

03. Cấp Giấy phép khảo sát biển dự án xuất khẩu ĐGNK sang Singapore

Ngày 24/08/2023, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Quyết định chấp thuận hoạt động quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên biển của Tổng công ty PTSC phục vụ dự án đầu tư, phát triển ĐGNK xuất khẩu sang Singapore. Lễ trao Quyết định diễn ra long trọng vào ngày 29/08/2023 dưới sự chứng kiến của Thủ tướng Chính phủ hai nước Việt Nam và Singapore. Tiếp theo đó vào ngày 24/10/2023, dự án cũng đã được Cơ quan Quản lý thị trường năng lượng Singapore (EMA) cấp Phê duyệt có điều kiện về việc nhập khẩu 1,2 GW điện sạch vào Singapore. Các sự kiện này là các mốc sự kiện quan trọng đánh dấu

việc hiện thực hóa Thỏa thuận phát triển chung về đầu tư, xuất khẩu ĐGNK sang Singapore giữa PTSC và đối tác Sembcorp Utilities Ltd ký kết trước đó vào ngày 10/02/2023.

04. Hoàn thành xử lý tồn đọng và sẵn sàng chuyển giao Dự án FSO Rong Doi MV12

Ngày 27/09/2023, Tổng công ty PTSC đã đàm phán thành công với các bên liên quan để thống nhất xử lý toàn bộ các tồn đọng, sẵn sàng cho việc chuyển giao quyền lợi, nghĩa vụ Hợp đồng của Dự án cung cấp FSO Rong Doi MV12 phục vụ tại mỏ Rồng Đôi – Rồng Đôi Tây, góp phần quan trọng trong việc gia tăng thị phần dịch vụ FSO/FPSO của PTSC trong các năm tiếp theo.

05. Ký hợp đồng EPC OSS thứ 9 – bước tiến dài trong lĩnh vực EPC trạm OSS ĐGNK

Ngày 06/10/2023, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC (PTSC M&C) đã ký Hợp đồng Thiết kế, Mua sắm, Thi công xây lắp (EPC) trạm biến áp ngoài khơi (OSS) cho Dự án ĐGNK Fengmiao 1 tại Đài Loan (Trung Quốc) của khách hàng Copenhagen Infrastructure Partners (CIP), là OSS thứ 9 mà PTSC đã ký kết và thực hiện, đánh dấu bước tiến dài trong lĩnh vực Thiết kế, Mua sắm, Thi công xây lắp trạm OSS cho các dự án ĐGNK.

06. Hoàn thành xây dựng 6 xưởng sơn hiện đại nhất khu vực

Ngày 07/10/2023, Tổng công ty PTSC đã hoàn thành xây mới và đưa vào sử dụng 04 xưởng làm sạch bề mặt và sơn (WS-01 đến WS-04) và ngày 26/12/2023 đã hoàn thành xây mới và đưa vào sử dụng 02 xưởng sơn WS-05 và WS-06, là các xưởng sơn hiện đại bậc nhất khu vực châu Á – Thái Bình Dương được xây dựng trong thời gian ngắn kỷ lục phục vụ chế tạo các hạng mục công trình NLTTNK.

07. Trao LLOA gói thầu EPC#1 Dự án Lô B

Ngày 30/10/2023, Tổng công ty PTSC đã được Chủ đầu tư là Công ty Điều hành Dầu khí Phú Quốc (PQPOC) trao Thư trao thầu hạn chế (LLOA) - Gói thầu Thiết kế, mua sắm, vận chuyển, lắp đặt và chạy thử giàn xử lý trung tâm, giàn nhà ở, tháp đuốc (gói thầu EPCI #1), Dự án Khí Lô B, là dự án dầu khí lớn nhất từ trước tới nay tại Việt Nam. Buổi Lễ đã được long trọng diễn ra tại Hà Nội dưới sự chứng kiến của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính. Việc được trao LLOA một lần nữa khẳng định vị thế, thương hiệu PTSC trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ kỹ thuật dầu khí chất lượng cao, tạo đà phát triển hơn nữa cho các dịch vụ trong chuỗi dịch vụ dầu khí truyền thống của PTSC.

08. PTSC tròn 30 tuổi

Ngày 04/11/2023, Tổng công ty PTSC đã tổ chức Lễ kỷ niệm 30 năm thành lập (09/2/1993 – 09/2/2023) với chủ đề "Tuổi 30 vững vàng, vươn mình đón gió mới". Sự kiện đánh dấu cột mốc quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển của Tổng công ty PTSC, khẳng định vị thế, tầm vóc thương hiệu PTSC, tôn vinh thành tựu, nền tảng, văn hóa và những giá trị tốt đẹp của PTSC trong suốt 30 năm xây dựng và trưởng thành.

09. Đẩy mạnh sắp xếp lại, nâng cấp cơ sở hạ tầng khu vực bãi chế tạo Cảng hạ lưu Vũng Tàu

Ngày 23/11/2023, Tổng công ty PTSC đã chính thức hoàn thành toàn bộ các thủ tục thông tuyến đường trục chính, một trong những dấu mốc tiêu biểu cùng với việc hoàn thành đầu tư 20m cầu cảng và bố trí lại các nhà xưởng, đánh dấu việc đẩy mạnh sắp xếp lại và nâng cấp cơ sở hạ tầng khu vực bãi chế tạo căn cứ Cảng hạ lưu Vũng Tàu, nâng cao hiệu quả sử dụng bãi, tạo tiền đề cho việc đẩy mạnh công tác đầu tư, gia tăng mạnh mẽ tỷ trọng doanh thu dịch vụ của khu vực căn cứ Cảng, bãi chế tạo trong thời gian tới.

10. Ký hợp đồng EPC tuyến ống bờ Dự án Đường ống dẫn khí Lô B – Ô Môn

Ngày 22/12/2023, Tổng công ty PTSC và Công ty Điều hành Đường ống Tây Nam (SWPOC) đã ký Hợp đồng Thiết kế chi tiết cho toàn bộ dự án, mua sắm, thi công lắp đặt tuyến ống bờ, các trạm và chạy thử cho toàn bộ Dự án Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn, là dự án thành phần quan trọng trong chuỗi Dự án khí – điện Lô B.

11. Tiếp tục quản lý, khai thác hiệu quả các FSO/FPSO

Tính đến ngày 31/12/2023, Tổng công ty PTSC đã tổ chức quản lý, khai thác các FSO/FPSO đạt thời gian hoạt động liên tục (uptime) trên 99%, cao hơn quy định hợp đồng, đóng góp lớn vào kết quả SXKD của Tổng công ty. Trong đó FSO PTSC Biển Đông 01 đạt 10 năm liên tục (2013-2023) không xảy ra LTI, được khách hàng Biển Đông POC tin tưởng gia hạn hợp đồng thêm 5 năm (2023-2028); FPSO Ruby II đạt 5.000 ngày liên tục (2010-2023) không xảy ra LTI.

12. Hoàn thành vượt mức Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

Tính đến ngày 31/12/2023, Tổng công ty PTSC đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu, nhiệm vụ SXKD với việc doanh thu đạt 21.742 tỷ đồng (bằng 165% kế hoạch năm), lợi nhuận trước thuế đạt 1.277 tỷ đồng (bằng 164% kế hoạch năm), nộp ngân sách nhà nước 843 tỷ đồng (bằng 145% kế hoạch năm), khép lại một năm thành công trọn vẹn với Tổng công ty PTSC. Sau nhiều năm vắng bóng, PTSC chính thức trở lại "sân chơi 20 ngàn tỷ"

II. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

1.1 THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Với nền tảng vững chắc và bề dày truyền thống hơn 50 năm, trải qua quá trình từ thành lập, sáp nhập, cổ phần hóa, chuyển đổi mô hình… PTSC đã từng bước phát triển, nâng cao vị thế và trở thành Tổng công ty hàng đầu tại Việt Nam - thương hiệu lớn trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ kỹ thuật dầu khí, công nghiệp trong khu vực. Kể từ khi xuất hiện chính thức trên thị trường vào năm 1993, thương hiệu PTSC luôn thể hiện năng lượng, sức sống và nội lực mạnh mẽ cùng ý chí, khát vọng, quyết tâm chinh phục đầu sóng ngọn gió.

Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) đã ra đời ngày 09 tháng 02 năm 1993 và là Đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam. PTSC đã ghi được nhiều dấu ấn với vị trí hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ kỹ thuật dầu khí, công nghiệp và năng lượng tại Việt Nam và là một thương hiệu lớn trong khu vực. Hoạt động chính của PTSC là cung cấp dịch vụ kỹ thuật trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp. Trong đó, các dịch vụ mang tính chiến lược, mũi nhọn đã được chuyên nghiệp hóa, phát triển đạt trình độ quốc tế như: EPCI công trình biển; EPC công trình công nghiệp; Kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô FSO/FPSO; Tàu dịch vụ dầu khí; Khảo sát địa chất và công trình ngầm; Lắp đặt, vận hành và bảo dưỡng công trình biển; Cảng dịch vụ và Dịch vụ cung ứng nhân lực kỹ thuật cao… Đặc biệt, trong xu hướng chuyển dịch năng lượng nhằm phát huy tối đa giá trị chuỗi dịch vụ, PTSC đang đẩy mạnh và chú trọng phát triển lĩnh vực năng lượng tái tạo, cụ thể là năng lượng tái tạo ngoài khơi.

Với nền tảng nguồn lực, phương tiện, đội ngũ lao động chuyên nghiệp, sáng tạo, đã thực hiện thành công, có chất lượng cao nhiều dự án ngoài biển, PTSC cam kết phát huy mọi thế mạnh về năng lực, kinh nghiệm của mình, đảm bảo thành công các dự án, khẳng định và tăng cường vị thế là một nhà thầu tin cậy, đối tác tin cậy, doanh nghiệp tin cậy với các khách hàng.

Tên giao dịch: Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
Tên giao dịch nước ngoài: Petrovietnam Technical Services Corporation
Tên giao dịch viết tắt: PTSC
Mã chứng khoán: PVS
Số chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0100150577
Vốn điều lệ: 4.780 tỷ đồng
Vốn chủ sở hữu hợp nhất: 13.544 tỷ đồng (theo số liệu của Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán)
Địa chỉ: Tầng 5 - Tòa nhà Petrovietnam, Số 1 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
Số điện thoại: (+84) 028.39102828
Fax: (+84) 028.39102929
Website: ptsc.com.vn

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Cơ khí dầu khí

Kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô (FSO/FPSO)

Lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng công trình biển

Căn cứ cảng dịch vụ

Tàu dịch vụ dầu khí

Khảo sát địa chất, khảo sát sửa chữa công trình ngầm

Công trình công nghiệp

Năng lượng tái tạo

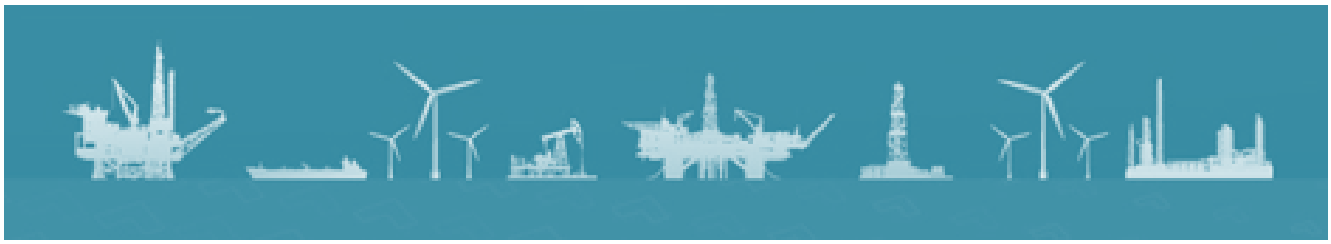

1.3 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1993: Thành lập Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC) trên cơ sở sáp nhập Công ty Dịch vụ Dầu khí (PSC) và Công ty Địa vật lý và Dịch vụ Dầu khí (GPTS), là doanh nghiệp Nhà nước duy nhất cung cấp dịch vụ kỹ thuật dầu khí với lĩnh vực hoạt động chính ban đầu là cung cấp tàu dịch vụ kỹ thuật dầu khí, căn cứ cảng dịch vụ dầu khí và cung cấp lao động kỹ thuật cho các nhà thầu dầu khí.

1994 – 2005: Tách một số bộ phận của PTSC để làm nòng cốt thành lập các đơn vị dịch vụ chuyên ngành mới của ngành dầu khí.

» Đầu tư phát triển đội tàu dịch vụ chuyên dụng hiện đại và mở rộng xây dựng căn cứ cảng dịch vụ dầu khí PTSC Vũng Tàu trở thành căn cứ dịch vụ đa năng, hiện đại.

» Thực hiện thành công khối nhà ở LQ- CPC 99 cho Khách hàng Vietsovpetro, đặt nền móng cho sự phát triển mạnh mẽ của dịch vụ cơ khí dầu khí.

» Triển khai hợp đồng O&M Nhà máy Xử lý khí Dinh Cố, đường ống dẫn khí 2 phase dài 370 km và Giàn công nghệ Lan Tây, đặt nền móng cho sự ra đời và làm chủ loại hình dịch vụ O&M.

» Ký hợp đồng hợp tác kinh doanh FPSO Ruby Princess với PVI và PVFC, đánh dấu sự ra đời một lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật cao đầy tiềm năng, dịch vụ FSO/FPSO.

2006 – 2010:

» Năm 2006: Thực hiện quá trình cổ phần hóa, chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO).

» 01/01/2007: Chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, tạo ra bước ngoặt lịch sử trong quá trình phát triển của PTSC với sức mạnh mới.

» 09/02/2007: Chuyển đổi hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

» 20/9/2007: Cổ phiếu của PTSC chính thức niêm yết trên sàn HNX với mã cổ phiếu PVS.

» Thành lập mới PTSC G&S; hoàn thành đầu tư tàu khảo sát địa chấn 2D, ROV, tàu khảo sát địa vật lý, nâng cao năng lực lĩnh vực khảo sát địa chấn, địa chất và khảo sát công trình ngầm lên một tầm cao mới.

» Tham gia đầu tư kho nổi FSO Orkid và FPSO Ruby II, nâng cao năng lực trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ FSO/FPSO.

» Năm 2010: Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 2.978 tỷ đồng.

» Thực hiện thành công tổng thầu EPC Dự án Biển Đông với tổng khối lượng thi công chế tạo trên 30.000 tấn và giá trị trên 1 tỷ USD, là dự án thi công chế tạo các cấu kiện dầu khí lớn nhất Việt Nam từ trước đến nay.

2011 – 2015:

» Thực hiện đầu tư sở hữu 51% 2 kho nổi FSO PTSC Bien Dong 01 và FPSO Lam Son, làm chủ hoàn toàn công nghệ đóng và vận hành FSO/FPSO, đưa PTSC trở thành đơn vị hàng đầu trong nước và khẳng định vị thế trong khu vực đối với lĩnh vực cung cấp, vận hành và khai thác FSO/FPSO.

» Thực hiện thành công tăng vốn điều lệ lên 4.467 tỷ đồng.

» Năng lực triển khai các dự án EPCI và khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế trong lĩnh vực cơ khí dầu khí được khẳng định và nâng cao bằng việc thắng thầu quốc tế và thực hiện thành công các dự án: Khối thượng tầng giàn công nghệ HRD cho Khách hàng Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Ấn Độ - ONGC, Dự án EPCC Maharaja Lela South tại Brunei cho Khách hàng Total E&P.

» Các Liên doanh ở nước ngoài thực hiện chuyển lợi nhuận về nước.

2016 – 2019:

» Tăng vốn điều lệ lên 4.780 tỷ đồng.

» Tính đến 31/12/2018, tổng giá trị PTSC đã thu về từ các Liên Doanh ở nước ngoài là 105 triệu USD.

» Thắng thầu EPC và thực hiện thành công các dự án công trình công nghiệp dầu khí trên bờ: Nhà máy Phân bón NPK; Nhà máy sản xuất Amoniac NH3 của Khách hàng Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo); Nhà máy Xử lý khí Cà Mau của Khách hàng Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP (PV GAS); Dự án kho chứa LNG Thị Vải và Dự án EPC đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng - Đại Nguyệt của khách hàng PV GAS; Dự án tổ hợp hóa dầu miền Nam Việt Nam - Gói A1 (LSP - A1) của khách hàng Liên danh tổng thầu TPSK (Ý - Hàn Quốc).

» Thắng thầu và triển khai thực hiện các dự án cho các Khách hàng ngoài ngành: Nhà máy kho cảng Hải Phòng, mở rộng nhà máy Gò Dầu cho Khách hàng Top Solvent (Thái Lan) và mở rộng kho cảng Vopak (Hà Lan) giai đoạn III, Dự án "Kho cảng Nhiên liệu Hàng không Nam Đình Vũ của khách hàng Công ty CP Kho cảng Nhiên liệu Hàng không Nam Đình Vũ (NDV Seaport); Dự án gia công chế tạo, lắp đặt hệ đường ống công nghệ ISBL và lắp đặt thiết bị - Nhà máy sản xuất polypropylene của khách hàng Hyosung Vietnam.

» Thắng thầu và triển khai Dự án Gallaf (Al Shaheen) cho Khách hàng North Oil Company (NOC) tại Qatar với tổng giá trị hợp đồng hơn 320 triệu USD; Hoàn thành đóng mới, hạ thủy, bàn giao và đưa vào vận hành, khai thác thành công và an toàn đội tàu 8 tàu cho khách hàng Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn (NSRP).

» Ngày 4/10/2019, chân đế giàn Công nghệ Trung tâm Sao Vàng nặng 12.500 tấn thuộc Dự án Sao Vàng - Đại Nguyệt, đã được lắp đặt và bàn giao thành công cho Chủ đầu tư IGP, khẳng định năng lực tổng thầu EPCIC của PTSC.

» PTSC về đích trước kế hoạch, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, kế hoạch tài chính và bước qua thời kỳ khó khăn nhất.

2020

» Hoàn thành Dự án Thiết kế, Chế tạo, Vận chuyển, Lắp đặt, Đấu nối và Chạy thử Giàn xử lý khí trung tâm CPP Sao Vàng và chính thức nhận dòng khí đầu tiên ngày 16/11/2020. Dự án vinh dự được gắn biển "Công trình chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng".

» Ngày 16/11/2020, Kho nổi FSO Golden Star đã chính thức đón dòng condensate đầu tiên, đánh dấu mốc son thành công vô cùng quan trọng trong chuỗi Dự án Sao Vàng - Đại Nguyệt, cùng với giàn xử lý trung tâm Sao Vàng CPP và hệ thống đường ống nội mỏ cũng do chính PTSC làm tổng thầu thực hiện.

» Dự án Gallaf (Al Shaheen) tại Qatar - dự án do PTSC thắng thầu quốc tế EPCI với khối lượng lớn và tổng giá trị trên 320 triệu USD đã được thực hiện thành công công tác Thiết kế, Mua sắm, Chế tạo tại Việt Nam và Vận chuyển, Lắp đặt, Chạy thử 3 giàn khai thác Dự án Gallaf 1 với hơn 800 NLĐ PTSC làm việc tại Qatar trong bối cảnh đại dịch Covid-19.

» Trong bối cảnh vô cùng khó khăn và nhiều thách thức, cùng với nỗ lực và nội lực, PTSC triển khai đồng bộ các giải pháp ứng phó vượt qua "khủng hoảng kép" do giá dầu giảm sâu và dịch bệnh Covid-19 để đạt được nhiều kết quả ấn tượng, tăng trưởng ổn định: doanh thu hợp nhất hơn 21.313 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 1.025 tỷ đồng, nộp ngân sách Nhà nước 909 tỷ đồng

2021- 2022

» PTSC bổ sung ngành nghề kinh doanh: sản xuất điện; truyền tải và phân phối điện; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng (xây dựng công trình công nghiệp - năng lượng tái tạo, xây dựng công trình khác không phải nhà) để tiếp tục mở ra cơ hội phát triển khi tham gia trực tiếp từ đầu tư đến cung cấp các dịch vụ liên quan với sở trường là nhà cung cấp dịch vụ hàng đầu về công trình công nghiệp - biển tại Việt Nam.

» Tháng 7/2021, PTSC tiếp tục được Chủ đầu tư NOC trao thầu thực hiện dự án Gallaf - Giai đoạn 3 tại Qatar với khối lượng trên 19.000 tấn sau khi vượt qua sự cạnh tranh khốc liệt với các nhà thầu quốc tế trên toàn thế giới.

» Tháng 9/2021, Chủ đầu tư Northland Power Development Services Inc. và Yushan Engergy Co., Ltd. lựa chọn ký Thỏa thuận ưu tiên thực hiện công tác thiết kế, mua sắm, chế tạo 02 trạm biến áp dự án điện gió Hai Long 2 và Hai Long 3 ngoài khơi Đài Loan, đánh dấu lần đầu tiên một doanh nghiệp Việt Nam thực hiện được loại hình công việc này cho dự án điện gió ngoài khơi tại nước ngoài.

» PTSC hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD, đảm bảo an toàn cho Người lao động trên tất cả các công trường, dự án trong và ngoài nước, đảm bảo thu nhập tốt cho Người lao động trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 trên toàn cầu diễn biến vô cùng phức tạp.

» Hoàn thiện cơ sở pháp lý và trở thành đơn vị duy nhất trong Tập đoàn có chức năng đầu tư trong lĩnh vực NLTTNK.

» Tham dự thầu quốc tế vào đến vòng cuối cùng và có khả năng trúng thầu dự án chế tạo chân đế Điện gió ngoài khơi CHW2204 tại Đài Loan; được phê duyệt vào danh sách nhà cung cấp chân đế ĐGNK cho khách hàng Orsted - nhà đầu tư số một thế giới về Năng lượng tái tạo. Đây là cột mốc quan trọng đánh dấu sự thay đổi to lớn của PTSC, chuyển dịch từ mô hình sản xuất đơn chiếc sang mô hình sản xuất hàng loạt, quy mô lớn, năng suất cao, mở ra một hướng đi mới, ổn định, lâu dài, bền vững cho Tổng công ty trong nhiều năm tới, phù hợp xu thế chuyển dịch năng lượng đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu.

» Thành lập chi nhánh PTSC Abu Dhabi tại UAE, mở rộng phạm vi hoạt động.

» Năm 2022, PTSC đã chủ động nắm bắt cơ hội kinh doanh trong xu hướng chuyển dịch năng lượng để phát triển các sản phẩm mới, mở rộng cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực năng lượng tái tạo ngoài khơi cũng như đẩy mạnh phát triển dịch vụ ra thị trường nước ngoài như khu vực Trung Đông, Ấn Độ, Malaysia, Brunei, Indonesia, Cambodia…Tỷ trọng doanh thu cung cấp dịch vụ ra nước ngoài năm 2022 đạt trên 40%, tăng nhiều so với những năm trước đây cho thấy nỗ lực chuyển dịch cơ cấu doanh thu sang thị trường nước ngoài của PTSC nhằm đảm bảo duy trì sự phát triển ổn định, bền vững.

2023

Năm 2023 ghi dấu ấn Tuổi 30 với những thành tựu vẻ vang, khẳng định vị thế, tầm vóc, thương hiệu của PTSC trên thị trường năng lượng. Công tác đầu tư đạt kết quả khả quan, các sự kiện sản xuất kinh doanh sôi động. Hoạt động phát triển kinh doanh – dịch vụ đạt hiệu quả tích cực với nhiều hợp đồng quan trọng được ký kết và triển khai. Sau nhiều năm vắng bóng, PTSC chính thức đạt doanh thu 20 ngàn tỷ đồng.

Ngày 24/08/2023, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Quyết định chấp thuận hoạt động quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên biển của Tổng công ty PTSC phục vụ dự án đầu tư, phát triển ĐGNK xuất khẩu sang Singapore;

Ngày 17/05/2023, chi nhánh PTSC Abu Dhabi đã được Bộ Kinh tế UAE cấp giấy phép hoạt động, đánh dấu quá trình đẩy mạnh phát triển cung cấp dịch vụ sang khu vực Trung Đông;

Ngày 23/11/2023, Tổng công ty PTSC đã chính thức hoàn thành toàn bộ các thủ tục thông tuyến đường trục chính, một trong những dấu mốc tiêu biểu cùng với việc hoàn thành đầu tư 20m cầu cảng và bố trí lại các nhà xưởng, đánh dấu việc đẩy mạnh sắp xếp lại và nâng cấp cơ sở hạ tầng khu vực bãi chế tạo căn cứ cảng hạ lưu Vũng Tàu.

Thắng thầu và triển khai các dự án: chế tạo và cung cấp 33 chân đế trụ điện gió cho Orsted Taiwan Ltd - dự án ĐGNK Greater Changhua 2204 (CHW2204) tại Đài Loan (Trung Quốc); Thiết kế, Mua sắm, Thi công xây lắp (EPC) trạm biến áp ngoài khơi (OSS) cho dự án ĐGNK Fengmiao 1 tại Đài Loan (Trung Quốc) của khách hàng Copenhagen Infrastructure Partners (CIP); Thiết kế, mua sắm, vận chuyển, lắp đặt và chạy thử giàn xử lý trung tâm, giàn nhà ở, tháp đuốc (gói thầu EPCI #1), dự án khí Lô B của Chủ đầu tư Công ty điều hành dầu khí Phú Quốc (PQPOC) Thiết kế chi tiết cho toàn bộ dự án, mua sắm, thi công lắp đặt tuyến ống bờ, các trạm và chạy thử cho toàn bộ Dự án Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn - Công ty điều hành đường ống Tây Nam (SWPOC), là dự án thành phần quan trọng trong chuỗi dự án khí – điện Lô B; Cung cấp tàu dịch vụ, cung cấp ROV cho khách hàng Saudi Aramco.

2. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

2.1 SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

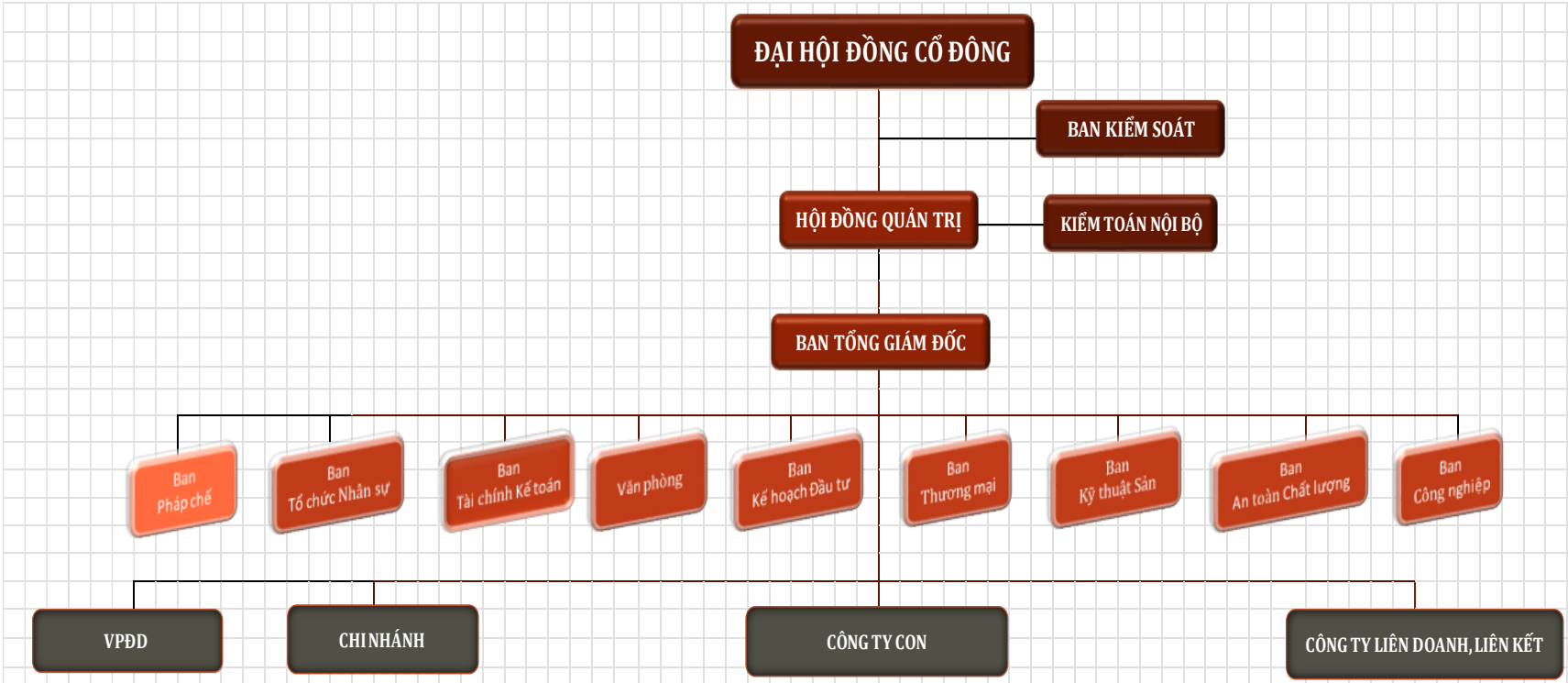

1. VPĐD PTSC TẠI HÀ NỘI

1. CÔNG TY CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ
2. CÔNG TY TÀU DỊCH VỤ DẦU KHÍ
3. CÔNG TY DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÀ NẴNG
4. CÔNG TY CẢNG DV DK TỔNG HỢP QUẢNG BÌNH
5. BAN DỰ ÁN NHIỆT ĐIỆN LONG PHÚ
6. PTSC ABU DHABI

1. CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ KHẢO SÁT VÀ CÔNG TRÌNH NGẦM PTSC **(100%)**
2. CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CƠ KHÍ HÀNG HẢI PTSC **(100%)**
3. CÔNG TY TNHH MTV KHÁCH SẠN DẦU KHÍ PTSC **(100%)**
4. CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ LABUAN **(100%)**
5. CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ QUẢNG NGÃI PTSC **(95,19%)**
6. CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC **(84,95%)**
7. CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PHÚ MỸ **(59,61%)**
8. CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA **(54,69%)**
9. CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KHAI THÁC DẦU KHÍ PTSC **(51%)**
10. CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ ĐÌNH VŨ **(51%)**
11. CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẢO VỆ AN NINH DẦU KHÍ VIỆT NAM **(51%)**
12. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH **(51%)**
*13. CÔNG TY TNHH KHẢO SÁT ĐỊA VẬT LÝ CGGV **(51%)***

1. CÔNG TY LIÊN DOANH VOFT **(60%)**
2. CÔNG TY LIÊN DOANH PTSC SOUTH EAST ASIA **(51%)**
3. CÔNG TY LIÊN DOANH PTSC ASIA PACIFIC **(51%)**
4. CÔNG TY LIÊN DOANH MVOT **(49%)**
5. CÔNG TY LIÊN DOANH RỒNG ĐỎ MV12 **(33%)**
6. CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ **(28,75%)**

2.2 GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hội đồng Quản trị

Ông **Phan Thanh Tùng**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Sinh năm: 1970 tại Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kỹ thuật sản xuất và công nghiệp, Kỹ sư Khai thác máy tàu biển, Cử nhân Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Anh Văn

Ông **Lê Mạnh Cường**

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1974 tại Hải Dương

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điều khiển tàu biển

Ông **Đỗ Quốc Hoan**

Thành viên Hội đồng Quản trị

Sinh năm: 1969 tại Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế, Kỹ sư Kinh tế vận tải biển, Kỹ sư Điều khiển tàu biển

Ông **Nguyễn Xuân Ngọc**

Thành viên Hội đồng Quản trị

Sinh năm: 1976 tại Nam Định

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí

Ông **Trần Ngọc Chương**

Thành viên Hội đồng Quản trị

Sinh năm: 1978 tại Nam Định

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị nhân sự

Ông **Hoàng Xuân Quốc**

Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

Sinh năm: 1957 tại Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Cơ khí năng lượng, Cử nhân Kinh tế

Ông **Đoàn Minh Mẫn**
(được bầu làm Thành viên độc lập ngày 29/5/2023)

Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

Sinh năm: 1958 tại Bến Tre

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán, cử nhân Quản trị kinh doanh

Ban Tổng Giám đốc

Ông **Lê Mạnh Cường**

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1974 tại Hải Dương

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điều khiển tàu biển

Ông **Nguyễn Trần Toàn**

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1964 tại Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác máy tàu biển, Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp

Ông **Tạ Đức Tiến**

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1968 tại Thái Bình

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác máy tàu biển, Kỹ sư Quản trị kinh doanh

Ông **Trần Hồ Bắc**

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1978 tại Nam Định

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp, Kỹ sư Cơ khí

Ông **Nguyễn Xuân Cường**

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1977 tại Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp

Ông **Trần Hoài Nam**

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1978 tại Bình Định

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Điện - Điện tử, Cử nhân Kinh tế

Ông **Phạm Văn Hùng**

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1977 tại Quảng Ngãi

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế

Ông Lê Cự Tân (Bổ nhiệm ngày 08/11/2023)

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1967 tại Hải Phòng

Trình độc chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật tự động hóa

Kế toán trưởng

Ông **Nguyễn Văn Bảo**
Kế toán trưởng

Sinh năm: 1977 tại Hải Dương

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Tín dụng

Ban Kiểm soát

Bà **Bùi Thu Hà**
Trưởng Ban Kiểm soát

Sinh năm: 1980 tại Thái Nguyên

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Cử nhân Quản trị kinh doanh

Ông **Bùi Hữu Việt Cường**
Kiểm soát viên

Sinh năm: 1981 tại Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Điều hành Quản trị Kinh doanh quốc tế, Kỹ sư Kinh tế vận tải biển, Cử nhân Kế toán

Ông **Phạm Văn Tiến**
Kiểm soát viên

Sinh năm: 1983 tại Thái Bình

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ, Cử nhân Kinh tế

2.3 MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Thành phố Hồ Chí Minh: Trụ sở Tổng công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)

Bà Rịa- Vũng Tàu: PTSC Marine - PTSC Supply Base - PTSC M&C - PTSC G&S-Petro Hotel - PTSC Phu My – PPS – PVSB – POS - PV Shipyard

Sóc Trăng: PTSC Long Phu

Quảng Ngãi: PTSC Quang Ngai

Đà Nẵng: PTSC Da Nang

Quảng Bình: PTSC Quang Binh

Thanh Hóa: PTSC Thanh Hoa

Hải Phòng: PTSC Dinh Vu

Hà Nội: PTSC Ha Noi

Malaysia: PTSC Labuan, VOFT, MVOT

Singapore: SEA, AP, MV12

UAE: PTSC Abu Dhabi

Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí (PTSC Marine)

Địa chỉ: Số 73, đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: Trực thuộc Công ty Mẹ

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý khai thác và cung cấp tàu dịch vụ

Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí (PTSC Supply Base)

Địa chỉ: Số 65A, đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: Trực thuộc Công ty Mẹ

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng

Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng (PTSC Da Nang)

Địa chỉ: Số 11, đường 3/2, quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

Vốn điều lệ/đầu tư: Trực thuộc Công ty Mẹ

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng

Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình (PTSC Quang Binh)

Địa chỉ: Cảng Hòn La, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình

Vốn điều lệ/đầu tư: Trực thuộc Công ty Mẹ

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng

Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú (PTSC Long Phu)

Địa chỉ: Ấp Thạnh Đức, xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng

Vốn điều lệ/đầu tư: Trực thuộc Công ty Mẹ

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, tổ chức các hoạt động thiết kế, mua sắm, xây lắp, chạy thử, hoàn thiện các dự án nhà máy điện và công trình công nghiệp

VPĐD PTSC tại Hà Nội (PTSC Ha Noi)

Địa chỉ: Số 142 Nguyễn Khuyến, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội

Vốn điều lệ/đầu tư: Trực thuộc Công ty Mẹ

Ngành nghề kinh doanh chính: Thực hiện công tác phát triển kinh doanh, các dự án sản xuất và các nhiệm vụ khác do Tổng công ty giao

PTSC Abu Dhabi

Địa chỉ: Phòng 1721, tầng 17 The Offices World Trade Center, Central Market. Al Markazyia, Abu Dhabi, UAE

Vốn điều lệ/đầu tư: Trực thuộc Công ty Mẹ

Ngành nghề kinh doanh chính: Lắp đặt và bảo dưỡng các thiết bị tại mỏ dầu và khí tự nhiên; Vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu và khí; Dịch vụ hàng hải liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí; Dịch vụ cho các công trình khai thác và mỏ dầu, khí trên bờ và ngoài khơi.

CÔNG TY CON

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC (PTSC M&C)

Địa chỉ: Số 31, đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Vốn điều lệ/đầu tư: 628 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 100%

Ngành nghề kinh doanh chính: Chế tạo và xây lắp công trình dầu khí, công nghiệp

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC (PTSC G&S)

Địa chỉ: Tầng 14, Khách sạn Dầu khí, số 9-11, đường Hoàng Diệu, phường 1, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: 300 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 100%

Ngành nghề kinh doanh chính: Vận hành các tàu địa chấn 2D, 3D; khảo sát địa chấn, địa chất công trình, khảo sát và sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV

Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC (Petro Hotel)

Địa chỉ: Tầng 14, Khách sạn Dầu khí, số 9-11, đường Hoàng Diệu, phường 1, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: 20 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 100%

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh du lịch và dịch vụ sinh hoạt cho các công ty dầu khí trong và ngoài nước

Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Labuan (PTSC Labuan)

Địa chỉ: Unit 3A-25, UO350, 3rd Floor, Labuan Times Square, 87007 Labuan F.T Malaysia Vốn điều lệ/đầu tư: 572.565 USD

Tỷ lệ nắm giữ: 100%

Ngành nghề kinh doanh chính: Cung cấp tàu dịch vụ phục vụ hoạt động khai thác dầu khí

Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC (PTSC Quang Ngai)

Địa chỉ: Lô 4H, Tôn Đức Thắng, phường Lê Hồng Phong, Tp. Quảng Ngãi Vốn điều lệ/đầu tư: 300 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 95,19%

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, khai thác và cung cấp các tàu dịch vụ, Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp; Chế tạo, xây lắp, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình dầu khí và công nghiệp

Công ty CP Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC (POS)

Địa chỉ: Cảng hạ lưu PTSC, số 65A, đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: 400 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 84,95%

Ngành nghề kinh doanh chính: Vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, chạy thử, vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng, di dời, thu dọn các công trình dầu khí và công nghiệp

Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ (PTSC Phu My)

Địa chỉ: Khu CN Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: 350 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 59,61%

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp

Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa (PTSC Thanh Hoa)

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ/đầu tư: 400 tỷ đồng Tỷ lệ nắm giữ: 54,69%

Ngành nghề kinh doanh chính: » Quản lý, điều hành, kinh doanh khai thác cảng tổng hợp » Chế tạo, xây lắp, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình dầu khí và công nghiệp » Dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động. » Cung cấp dịch vụ lặn, khảo sát và thi công các công trình ngầm dưới nước. » Tái chế phế liệu (Phá hủy tàu) » Xây dựng công trình thủy (đường thủy, cảng và các công trình trên sông.)

Công ty CP Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC (PPS)

Địa chỉ: Tầng 16, Khách sạn Dầu khí, số 9-11, đường Hoàng Diệu, phường 1, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: 200 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 51%

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, khai thác, vận hành và bảo dưỡng các kho nổi chứa dầu thô (FSO), kho nổi chứa và xử lý dầu thô (FPSO), cung ứng lao động chuyên ngành dầu khí

Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ (PTSC Dinh Vu)

Địa chỉ: Khu CN Đình Vũ, phường Đông Hải II, quận Hải An, Tp. Hải Phòng

Vốn điều lệ/đầu tư: 400 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 51%

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp và cảng container

Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam (PV Security)

Địa chỉ: Tầng G3, tòa nhà B4 Kim Liên, đường Phạm Ngọc Thạch, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội

Vốn điều lệ/đầu tư: 30 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 51%

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ

Công ty CP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (PVSB)

Địa chỉ: Số 65A3, đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: 500 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 51%

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp

Công ty Liên doanh

Công ty Liên doanh Vietnam Offshore Floating Terminal (VOFT)

Địa chỉ: BO1-D-10-1 Level 10, Menara 2, Boutique Office 1 (Pillar 11), KL Eco City, No. 3 Jalan Bangsar, 59200 Kuala Lumpur, Malaysia

Vốn điều lệ/đầu tư: 14.640.000 USD

Tỷ lệ nắm giữ: 60%

Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất và xử lý dầu thô (FPSO)

Công ty Liên doanh PTSC South East Asia (SEA)

Địa chỉ: 600 North Bridge Road, #23-01 Parkview Square, Singapore

Vốn điều lệ/đầu tư: 32.000.000 USD

Tỷ lệ nắm giữ: 51%

Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất dầu thô (FSO)

Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific (AP)

Địa chỉ: 600 North Bridge Road, #23-01 Parkview Square, Singapore

Vốn điều lệ/đầu tư: 60.000.000 USD

Tỷ lệ nắm giữ: 51%

Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất và xử lý dầu thô (FPSO)

Công ty Liên doanh Malaysia Vietnam Offshore Terminal (MVOT)

Địa chỉ: BO1-D-10-1 Level 10, Menara 2, Boutique Office 1 (Pillar 11), KL Eco City, No. 3 Jalan Bangsar, 59200 Kuala Lumpur, Malaysia

Vốn điều lệ/đầu tư: 35.222.268 USD

Tỷ lệ nắm giữ: 49%

Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất dầu thô (FSO)

Công ty Liên doanh Rồng Đôi MV12 (MV12)

Địa chỉ: 9 North Buona Vista Drive #04-05, The Metropolis Tower 1, Singapore 138588

Vốn điều lệ/đầu tư: 20.000 USD

Tỷ lệ nắm giữ: 33%

Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất dầu thô (FSO)

Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)

Địa chỉ: Số 65A2, đường 30/4, phường 9, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: 595 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 28,75%

Ngành nghề kinh doanh chính: Đóng mới, sửa chữa, hoán cải giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, các phương tiện nổi

2.4 CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA PTSC

Đội tàu dịch vụ của PTSC

PTSC hiện đang sở hữu, quản lý đội tàu dịch vụ dầu khí với tổng số 21 tàu đa dạng về công suất và chủng loại như tàu kéo, thả neo và vận chuyển, tàu định vị động học (DP), tàu hỗ trợ lặn khảo sát, tàu chống cháy, tàu trực mỏ, tàu bảo vệ… được vận hành hoàn toàn bởi đội ngũ thuyền viên Việt Nam có năng lực, giàu kinh nghiệm. Chi tiết đội tàu dịch vụ của PTSC như sau:

STT	TÊN TÀU	CÔNG SUẤT
1.	Tàu PTSC Sao Vàng	6.500 BHP
2.	Tàu PTSC Crescent	7.000 BHP
3.	Tàu Phong Nha (AHTS DP1)	5.300 BHP
4.	Tàu Bình An (AHTS)	8.900 BHP
5.	Tàu PTSC Vũng Tàu (AHTS DP1)	7.080 BHP
6.	Tàu PTSC Hải Phòng (AHTS DP1)	5.220 BHP
7.	Tàu PTSC Thái Bình (AHTS DP2)	8.080 BHP
8.	Tàu PTSC Thăng Long (AHTS DP2)	7.200 BHP
9.	Tàu PTSC Tiên Phong (AHTS)	7.080 BHP
10.	Tàu PTSC Sài Gòn (AHTS DP2)	5.150 BHP
11.	Tàu PTSC Hải An (AHTS DP1)	5.150 BHP
12.	Tàu PTSC Ngàn năm TLHN – 02 (Utility towing)	3.500 BHP
13.	Tàu PTSC Ngàn năm TLHN – 03 (Utility towing)	4.750 BHP
14.	Tàu PTSC 04 (Utility towing)	2.140 BHP
15.	Tàu PTSC 05 (Tug)	3.200 BHP
16.	Tàu PTSC 06 (Tug)	3.200 BHP
17.	Tàu PTSC 07 (Tug)	1.600 BHP
18.	Tàu PTSC 08 (Tug)	800 BHP
19.	Tàu PTSC 09 (Tug)	5.000 BHP
20.	Tàu PTSC 10 (Tug)	2.700 BHP
21.	Tàu PTSC 11 (Tug)	1.600 BHP
22.	Tàu PTSC 12 (Service boat)	1.430 BHP

- *AHTS: Tàu dịch vụ đa năng*
- *Utility towing, Tug: Tàu lai kéo, tàu kéo*
- *DP1: có hệ thống định vị động học DP 1*
- *DP2: có hệ thống định vị động học DP 2*

Kho nổi chứa xử lý và xuất các sản phẩm dầu khí (FSO/ FPSO/ MOPU/ MOPSU/ FSRU/ FPU...)

Dịch vụ cung cấp kho nổi chứa, xử lý và xuất các sản phẩm dầu khí là một trong những dịch vụ chiến lược mang tính ổn định, lâu dài do gắn liền với hoạt động khai thác các mỏ

dầu. Hiện tại, PTSC đang sở hữu/đồng sở hữu 06 FSO/FPSO phục vụ các hoạt động khai thác của khách hàng tại các mỏ trong và ngoài nước, cụ thể như sau:

STT	TÊN KHO NỔI	SỨC CHỨA	KHU VỰC HOẠT ĐỘNG
1.	FSO Orkid	745.000 thùng	Mỏ PM3 CAA
2.	FPSO Ruby II	645.000 thùng	Mỏ Hồng Ngọc
3.	FSO PTSC Bien Dong 01	350.000 thùng	Mỏ Hải Thạch và Mộc Tinh
4.	FPSO PTSC Lam Son	350.000 thùng	Mỏ Thăng Long - Đông Đô
5.	FSO Golden Star	777.695 thùng	Cụm Mỏ Sao Vàng - Đại Nguyệt
6.	FSO Rồng Đôi MV12	300.000 thùng	Mỏ Rồng Đôi

Căn cứ cảng PTSC

Hiện nay, PTSC đang quản lý, vận hành và tiếp tục triển khai đầu tư mở rộng hệ thống 08 căn cứ Cảng dịch vụ dầu khí trên cả ba miền Bắc - Trung - Nam Việt Nam với tổng diện tích trên 310ha và trên 3.100 m cầu cảng, phục vụ các khách hàng đang hoạt động thăm dò khai thác dầu khí Việt Nam cũng như các thành phần kinh tế khác tại địa phương. Cụ thể các căn cứ cảng trong hệ thống của PTSC như sau:

STT	TÊN CẢNG	ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ
1.	Cảng Hạ lưu Vũng Tàu	Số 65A, đường 30/4, phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Diện tích: 82,2 ha Số cầu bến: 09 Tổng chiều dài cầu bến: 753,7m Khả năng tiếp nhận: + Tàu 10.000 DWT + Sà lan 10.000 DWT Độ sâu thủy diện: -6,2m đến -9,3m
2.	Cảng Hòn La	Xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	Diện tích: 10,3 ha Số cầu bến: 01 Chiều dài cầu bến: 215m Khả năng tiếp nhận tàu: 29.500 DWT giảm tải Độ sâu thủy diện: -8,5m
3.	Cảng Sơn Trà	Đường Yết Kiêu, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng	Diện tích: 7,5 ha Số cầu bến: 01 Chiều dài cầu bến: 200m Khả năng tiếp nhận tàu: 10.000 DWT Độ sâu thủy diện: -9,5m
4.	Cảng Dung Quất	Huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Diện tích: 14,5 ha Số cầu bến: 02 + Bến số 1: chiều dài 281m (210m cầu + 71m phao), khả năng tiếp

STT	TÊN CẢNG	ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ
			nhận tàu 70.000 DWT, độ sâu thủy diện -11m. + Bến số 3: chiều dài 160m, khả năng tiếp nhận tàu 3.000 DWT, độ sâu thủy diện -4,2m. + Bến tàu lai dắt và tàu chuyên ngành dầu khí: chiều dài 70m, khả năng tiếp nhận tàu 3.000 DWT, độ sâu thủy diện -7,0m
5.	Cảng PTSC Phú Mỹ	Đường số 3, Khu công nghiệp Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Diện tích: 26,5 ha Số cầu bến: 04 + Bến số 1: chiều dài 384,3 m; khả năng tiếp nhận tàu 80.000 DWT, độ sâu thủy diện -14,5 m. + Bến số 2: chiều dài 130m; khả năng tiếp nhận tàu 2.500 DWT, độ sâu thủy diện -4,8 m. + Bến số 3: chiều dài 130m, khả năng tiếp nhận tàu 1.500 DWT, độ sâu thủy diện -2,7 m. + Bến số 4: chiều dài 60m, khả năng tiếp nhận tàu 2.500 DWT, độ sâu thủy diện -4,8 m.
6.	Cảng Nghi Sơn	Xã Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Diện tích: 44,9 ha Số cầu bến: 02 + Bến số 1: chiều dài 165m, khả năng tiếp nhận tàu 30.000 DWT (giảm tải), độ sâu thủy diện -9,5m. + Bến số 2: chiều dài 225m, khả năng tiếp nhận tàu 70.000 DWT (giảm tải), độ sâu thủy diện -12m.
7.	Cảng PTSC Đình Vũ	Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải II, quận Hải An, TP. Hải Phòng	Diện tích: 15,28 ha Số cầu bến: 01 Chiều dài cầu bến: 330m Khả năng tiếp nhận tàu: 20.000 DWT Độ sâu thủy diện: -8,0m
8.	Cảng Sao Mai - Bến Đình	Số 65A3, đường 30/4, phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Diện tích: 113 ha

Cơ sở vật chất phục vụ chế tạo, đóng mới công trình dầu khí, năng lượng tái tạo

Lĩnh vực dịch vụ cơ khí chế tạo và xây lắp công trình biển là một trong số những loại hình dịch vụ quan trọng có đóng góp lớn nhất vào doanh thu, lợi nhuận của PTSC. Để thực hiện các dự án, PTSC hiện đang sở hữu các khu căn cứ thi công chế tạo công trình dầu khí tại Vũng Tàu, Quảng Ngãi, Thanh Hóa với điều kiện cơ sở vật chất, cảng bãi, kho hàng, thiết bị cẩu kéo, thiết bị nâng hạ và các máy móc thiết bị cơ sở khác… luôn đáp ứng đầy đủ yêu cầu của khách hàng, cụ thể:

- Công trường thi công chính tại Vũng Tàu với diện tích gần 160 ha. Ngoài ra, PTSC còn có các bãi chế tạo tại Quảng Ngãi, Thanh Hóa với diện tích trên 40 ha.
- Hệ thống cầu cảng tại Vũng Tàu, Quảng Ngãi, Thanh Hóa đủ khả năng đáp ứng các nhu cầu thi công chế tạo và hạ thủy các cấu kiện dầu khí. Riêng tại Vũng Tàu có cầu cảng dài gần 1.000 mét được thiết kế 03 đường trượt chuyên dụng cho công tác thi công, hạ thủy các cấu kiện dầu khí lớn (6.000 tấn; 15.000 tấn và 25.000 tấn) với tải trọng phân phối trên khu vực mở trên 50 tấn/m2.
- Hệ thống nhà xưởng, kho bãi thi công và văn phòng làm việc được đầu tư đồng bộ và hiện đại: xưởng thi công lắp ráp (150.000m2), phân xưởng có mái che (22.000m2), xưởng phun làm sạch (8.000m2), xưởng sơn có mái che (3.500m2)… Đặc biệt, năm 2023 vừa qua PTSC đã đầu tư 6 xưởng sơn mới (gần 6.800m2) với chiều cao tối đa lên đến gần 45m, được trang bị những thiết bị hiện đại với công nghệ tiên tiến nhất, sẵn sàng phục vụ công tác sơn chống ăn mòn cho các cấu kiện chân đế của các dự án năng lượng tái tạo ngoài khơi.
- Hàng loạt các phương tiện, máy móc thiết bị phục vụ các hoạt động thi công chế tạo công trình dầu khí như xe cẩu từ 50 – 550, 1.200 tấn, xe nâng, máy hàn, máy phát điện, máy nén khí cùng nhiều thiết bị dụng cụ chuyên dụng khác.

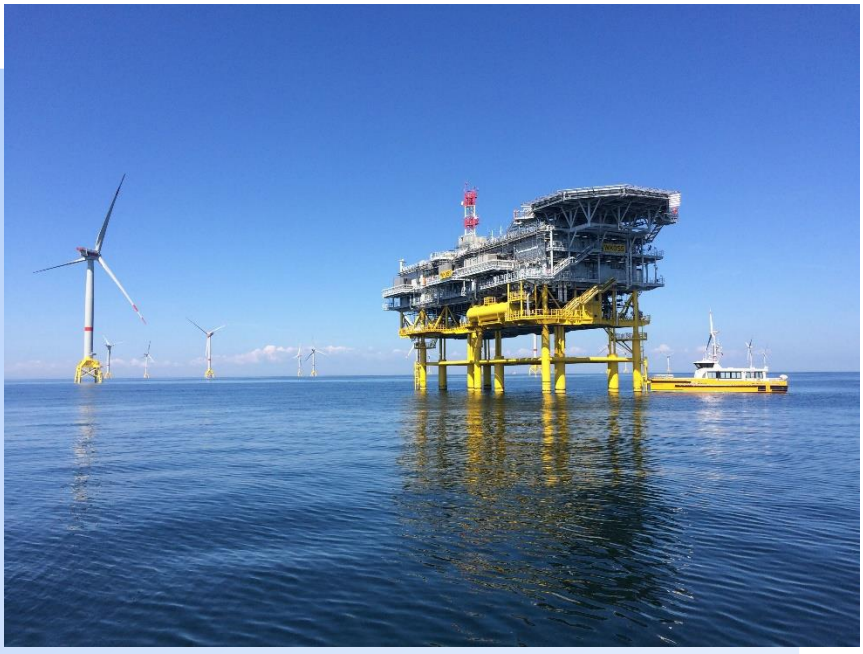

Cơ sở vật chất phục vụ công tác vận chuyển, đấu nối, xây lắp, bảo dưỡng sửa chữa, tháo dỡ các công trình dầu khí biển:

Nguồn lực cơ sở vật chất phục vụ công tác vận chuyển, đấu nối, xây lắp, bảo dưỡng sửa chữa, tháo dỡ các công trình dầu khí biển được PTSC đầu tư thời gian qua đã cơ bản đáp ứng nhu cầu dịch vụ, gồm các cơ sở vật chất chủ đạo sau:

STT	TÊN PHƯƠNG TIỆN	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT
1.	Sà lan nhà ở 300 chỗ PTSC Offshore 1	Sà lan không tự hành, chiều dài 111,6m, chiều rộng 31,7m, chiều cao mạn 7,3m, mớn nước 4,5m, trọng tải 9.582 tấn, được trang bị một cẩu lớn với sức nâng 300 tấn.
2.	Sà lan 5.000 tấn PTSC 01	Sà lan có thể vận chuyển các giàn WHP, chân đế, các cấu kiện… lên đến 5.000 tấn phục vụ các công việc xây lắp, sửa chữa, bảo dưỡng, hoán cải ngoài khơi.
3.	Xưởng cơ khí bảo dưỡng	Hệ thống Xưởng tại Vũng Tàu, Quảng Ngãi, Thanh Hóa được đầu tư phương tiện trang thiết bị hiện đại để phục vụ cho công tác bảo dưỡng sửa chữa các thiết bị có hàm lượng kỹ thuật cao như máy nén khí (Gas Compressor), máy phát điện, van, thiết bị trao đổi nhiệt, thiết bị bình bồn công nghệ của các công trình dầu khí và các công trình công nghiệp trên bờ.

Cơ sở vật chất phục vụ các công tác khảo sát

Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV (Remote Operated Vehicle) là loại hình dịch vụ kỹ thuật cao, phức tạp với các hoạt động quản lý, vận hành tàu khảo sát địa chấn 2D, 3D, khảo sát địa chất, địa vật lý, cung cấp vận hành các phương tiện, thiết bị khảo sát chuyên dụng ROV.

STT	TÊN PHƯƠNG TIỆN	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT
1.	Tàu khảo sát địa chất Bình Minh	Tàu có hệ thống định vị động học DP1, chiều dài 61,0 m, chiều rộng 14,95 m, mớn nước 4,8 m, tổng dung tích 1624 GT; Tổng công suất máy chính 2x2753 = 5506 HP được tổ chức đăng kiểm VR-LR kiểm tra cấp giấy chứng nhận. Tàu được trang bị hệ thống khoan khảo sát địa chất công trình trên biển và hệ thống tời 4 điểm neo.

STT	TÊN PHƯƠNG TIỆN	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT
2.	Tàu khảo sát địa vật lý PTSC Researcher	Chiều dài 50,3 m, chiều rộng 11,58 m, mớn nước 4,27 m, tổng dung tích 798 GT; Tổng công suất máy chính 2x1200 = 2400 HP được tổ chức đăng kiểm VR-LR kiểm tra cấp giấy chứng nhận. Tàu được trang bị hệ thống thiết bị khảo sát địa vật lý bao gồm khảo sát Analogue và địa chấn phân giải cao.
3.	Thiết bị khảo sát ROV Observation (02 thiết bị)	ROV Panther Plus 911 và ROV Panther Plus 954 là thiết bị lặn điều khiển từ xa dùng khảo sát, sửa chữa các công trình ngầm dưới nước, có thể lặn sâu tới 1.000m.
4.	Thiết bị khảo sát ROV WorkClass (02 thiết bị)	ROV Quasar Compact 007 và ROV II-30 là thiết bị lặn điều khiển từ xa dùng khảo sát, sửa chữa với mức độ phức tạp các công trình ngầm dưới nước, có thể lặn sâu tới 2.000m-3.000m. Trong đó, ROV II-30 vừa được đầu tư trong năm 2021, công suất 150HP thuộc loại mạnh và hiện đại nhất Việt Nam hiện nay.

1.5 TẦM NHÌN- SỨ MỆNH – GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tầm nhìn

Xây dựng PTSC trở thành thương hiệu quốc tế uy tín - nhà cung cấp giải pháp trọn gói hàng đầu trong lĩnh vực năng lượng với trọng tâm là ngành dầu khí ngoài khơi.

Sứ mệnh

Gia tăng lợi ích, niềm tin của cổ đông, khách hàng, đối tác và NLĐ, góp phần xây dựng, phát triển xã hội, cộng đồng và bảo vệ môi trường.

Giá trị cốt lõi

Professional/Chuyên nghiệp: Tính chuyên nghiệp là tiêu chí hàng đầu quyết định sự thành công của thương hiệu PTSC.

Trustworthy/Tin cậy: Niềm tin của cổ đông, khách hàng, đối tác và NLĐ tạo nên sức mạnh, gia tăng lợi thế cạnh tranh cho PTSC.

Sustainable/Bền vững: Với quá trình 47 năm hình thành và phát triển, PTSC có bề dày thành tích và xây dựng được cơ sở vật chất, hệ thống nguồn lực lớn mạnh với lợi thế đa dịch vụ, đảm bảo sự phát triển ổn định, bền vững trong chuỗi giá trị của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.

Creative/Sáng tạo: Luôn đổi mới, sáng tạo là đặc tính tiêu biểu tạo nên thương hiệu PTSC. Với nguồn nhân lực có trình độ cao, tiêu chuẩn quốc tế, PTSC luôn sẵn sàng chủ động hội nhập, phát triển, mở rộng các loại hình dịch vụ mới nhằm chiếm lĩnh thị trường trong nước và quốc tế.

1.6 CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Quan điểm phát triển

Giai đoạn 2021-2025

- Phát triển ổn định, bền vững, khẳng định vị thế là nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật dầu khí chất lượng cao hàng đầu Việt Nam.
- Từng bước gia tăng thị phần dịch vụ ngoài ngành, ngoài nước dựa trên lợi thế cạnh tranh riêng của PTSC và phát huy vai trò thành viên Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.
- Tăng cường hợp tác với các đối tác có năng lực trong và ngoài nước để nâng cao sức cạnh tranh, phát triển các loại hình dịch vụ mới, chủ động tiếp thu công nghệ mới nhằm chiếm lĩnh thị trường trong nước, mở rộng ra khu vực Đông Nam Á và Trung Đông.

Giai đoạn 2026-2030 và định hướng đến năm 2035

- Xây dựng PTSC trở thành thương hiệu quốc tế uy tín - nhà cung cấp giải pháp trọn gói hàng đầu trong lĩnh vực năng lượng với trọng tâm là ngành dầu khí và Năng lượng tái tạo ngoài khơi.
- Gia tăng lợi ích, niềm tin của cổ đông, khách hàng, đối tác và người lao động, góp phần xây dựng, phát triển xã hội, cộng đồng và bảo vệ môi trường.
- Tính chuyên nghiệp là tiêu chí hàng đầu quyết định sự thành công của thương hiệu PTSC. Tạo niềm tin cho cổ đông, khách hàng, đối tác để gia tăng sức mạnh, lợi thế cạnh tranh cho PTSC. Xây dựng cơ sở vật chất, nguồn lực lớn mạnh, đa dịch vụ đảm bảo phát triển ổn định, bền vững trong chuỗi giá trị của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Luôn đổi mới, sáng tạo sẵn sàng chủ động hội nhập để chiếm lĩnh thị trường trong nước và quốc tế.

Tầm nhìn đến năm 2045:

- Xây dựng PTSC trở thành Tổng công ty dịch vụ kỹ thuật Dầu khí - Năng lượng, công nghiệp mạnh có thương hiệu trong khu vực và trên thế giới, có đóng góp quan trọng vào nền kinh tế đất nước, góp phần xây dựng nước ta thành nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Phấn đấu trở thành 1 trong 3 đơn vị dịch vụ kỹ thuật Dầu khí - Năng lượng hàng đầu của khu vực Đông Nam Á.

Mục tiêu tổng quát

- **Về dài hạn**: Xây dựng PTSC trở thành thương hiệu quốc tế uy tín với lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật dầu khí chất lượng cao là trụ cột cốt lõi và đồng thời phát triển các dịch vụ ra ngoài ngành, ngoài nước phù hợp với năng lực và thế mạnh riêng của Tổng công ty trong đó có lĩnh vực điện gió ngoài khơi.

- **Về trung và ngắn hạn**: Giữ vững và duy trì ổn định các hoạt động SXKD, xúc tiến các giải pháp dịch vụ trọn gói/chuỗi dịch vụ, kết hợp các mảng dịch vụ chính của PTSC, tăng giá trị dịch vụ cho khách hàng. Tận dụng bối cảnh thị trường dịch vụ dầu khí đang còn khó khăn nhưng có dấu hiệu hồi phục để xây dựng, hoàn thiện các kịch bản và kế hoạch thu xếp vốn, củng cố năng lực tài chính lành mạnh của PTSC để tăng cường đầu tư, nâng cao năng lực, sẵn sàng đón nhận xu hướng tăng trưởng trong tương lai gần.

2.7 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2030 ĐỐI TỪNG LĨNH VỰC DỊCH VỤ

Dịch vụ tàu chuyên ngành Dầu khí

- Duy trì ổn định hiệu quả hoạt động SXKD đội tàu dịch vụ PTSC và đội tàu thuê ngoài, trong đó lấy nguồn lực nội bộ đội tàu PTSC là chủ đạo.
- Đẩy mạnh công tác đầu tư bổ sung đội tàu PTSC phù hợp với điều kiện thị trường và khả năng tài chính của PTSC để nhanh chóng nâng cao quy mô, chất lượng đội tàu PTSC. Tổ chức tốt công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa đội tàu và các trang thiết bị trên tàu nhằm đảm bảo phương tiện luôn trong tình trạng kỹ thuật tốt, đáp ứng thỏa mãn các yêu cầu của khách hàng.

Dịch vụ phương tiện nổi chứa, xử lý và xuất các sản phẩm dầu khí (FSO/FPSO/ MOPU/ MOPSU/ FSRU/ FPU...)

- Quản lý và khai thác an toàn hiệu quả các kho nổi FPSO/FSO đang có Hợp đồng, đảm bảo thời gian làm việc liên tục, đáp ứng đầy đủ yêu cầu của khách hàng.
- Tăng cường công tác marketing, tiếp cận các khách hàng, đặc biệt theo dõi sát tiến trình khai thác các mỏ mới. Tích cực làm việc với các bên liên quan, chuẩn bị nguồn lực để tham gia thực hiện các dự án cung cấp FPSO/FSO.

Dịch vụ cơ khí dầu khí và công trình công nghiệp

- Bám sát các dự án trọng điểm trong nước, tiếp cận hỗ trợ khách hàng/ chủ đầu tư từ những giai đoạn sớm để tăng cơ hội được chọn lựa làm nhà thầu EPC/EPCI. Tiếp tục đề xuất với các ban bộ chủ quản, cơ quan quản lý nhà nước liên ngành để thúc đẩy việc ban hành các chính sách, cơ chế hỗ trợ ngành dầu khí trong nước.
- Tập trung theo đuổi các khu vực thị trường tiềm năng, ký kết thỏa thuận hợp tác với các đối tác bản địa để gia tăng khả năng thâm nhập và cung cấp dịch vụ cho thị trường.

Dịch vụ căn cứ Cảng

- Tổ chức khai thác an toàn, hiệu quả, tiếp tục phát huy các dịch vụ thế mạnh tại các căn cứ Cảng Hạ lưu Vũng Tàu, Cảng DVDK Tổng hợp Phú Mỹ, Bến số 1,2 - Cảng Dung Quất, Cảng Hòn La, Cảng PTSC Đình Vũ, Cảng Nghi Sơn, Cảng Sơn Trà. Nghiên cứu, mở rộng và phát triển năng lực các dịch vụ hậu cần, dịch vụ hỗ trợ khác gắn liền

với căn cứ cảng góp phần đa dạng hóa và nâng cao tỷ trọng doanh thu từ loại hình dịch vụ này.

- Nghiên cứu sắp xếp kho bãi, cầu cảng và đầu tư thiết bị phù hợp, đẩy mạnh việc marketing khả năng tiếp nhận tàu tại cảng hạ lưu PTSC tới 20.000 DWT, bãi chứa hàng hóa 3-5 ha cùng các phương tiện vận chuyển, cẩu hạng nặng tới các khách hàng tiềm năng để cung cấp các dịch vụ trung chuyển hàng hóa, thiết bị, module từ nước ngoài về Việt Nam trước khi chuyển đi lắp đặt.
- Sắp xếp lại mặt bằng cụm Cảng hạ lưu PTSC tại Vũng Tàu khoa học, phù hợp để có thể triển khai đồng loạt các dự án lớn trong và ngoài ngành dầu khí, đặc biệt là các dự án điện gió ngoài khơi và tận dụng được tối đa cơ sở vật chất, trang thiết bị của các Đơn vị tại đây trong việc triển khai dự án, cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

Dịch vụ lắp đặt, đấu nối, vận hành, bảo dưỡng và tháo dỡ các công trình dầu khí

- Khai thác tối đa mọi nguồn lực có sẵn duy trì thực hiện tốt các dự án vận chuyển, lắp đặt, đấu nối chạy thử các công trình dầu khí ngoài biển cũng như trên đất liền; hợp tác với các nhà thầu nước ngoài để thực hiện các dự án lắp đặt công trình dầu khí và công trình công nghiệp, công trình ngầm; đầu tư nâng cao năng lực phương tiện thiết bị, chuẩn bị tốt các điều kiện về nhân lực và năng lực quản lý để tiến tới tự đảm nhận thực hiện trọn gói các dự án lắp đặt, đấu nối chạy thử, hoán cải, thu dọn mỏ cho các công trình dầu khí trên biển và đất liền.
- Đẩy mạnh công tác phát triển nguồn nhân lực đặc biệt là các nhân lực quản lý chủ chốt theo yêu cầu khắt khe trong các dự án bảo dưỡng tổng thể các nhà máy chế biến dầu khí lớn. Tiếp tục đầu tư đồng bộ hệ thống nhà xưởng theo định hướng phát triển các dịch vụ chuyên sâu kỹ thuật cao để từng bước chiếm lĩnh thị phần.
- Đẩy mạnh số hóa trong công tác quản lý vận hành bảo dưỡng tại PTSC, tiến tới tích hợp các ứng dụng quản lý vận hành bảo dưỡng về một giải pháp duy nhất để nâng cao hiệu quả quản lý.

Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm

- Giữ vững và phát triển thị phần cung cấp dịch vụ khảo sát trong nước. Tăng cường công tác marketing cung cấp dịch vụ ra nước ngoài và ngoài ngành; chủ động tìm kiếm cơ hội kinh doanh, nắm bắt kịp thời nhu cầu khảo sát của Công ty dầu khí tại thị trường Đông Nam Á, khu vực Trung Đông... Nghiên cứu hợp tác với các đối tác có uy tín để phát triển các loại hình dịch vụ khảo sát mới, đặc biệt là các dịch vụ khảo sát phục vụ dự án phát triển năng lượng tái tạo.
- Nâng cao hơn nữa tính chủ động trong việc cung cấp dịch vụ, tăng tỷ trọng khối lượng công việc tự thực hiện để tiết giảm chi phí, tăng tính cạnh tranh trong việc đấu thầu cung cấp dịch vụ, tiến tới mục tiêu hoàn toàn tự thực hiện dịch vụ khảo sát biển cho khách hàng.

Đầu tư và kinh doanh lĩnh vực điện gió, năng lượng tái tạo ngoài khơi

- Nghiên cứu, bám sát các chính sách thúc đẩy chuyển dịch năng lượng theo hướng xanh, sạch, bền vững, tăng tỷ trọng năng lượng tái tạo của Chính phủ, đảm bảo phù hợp với quy hoạch điện lực quốc gia.
- Tăng cường tiếp cận và hợp tác với đối tác nước ngoài có uy tín để tham gia vào chuỗi cung ứng, đầu tư, triển khai các dự án điện gió ngoài khơi tại Việt Nam và khu vực trên nguyên tắc phát huy tối đa sức mạnh tổng thể của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và thế mạnh chuỗi dịch vụ của PTSC, thu về tối đa nguồn công việc cho PTSC cả trong giai đoạn đầu tư và vận hành khai thác.

Phát triển dịch vụ ra nước ngoài

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển các dịch vụ cung cấp tàu chuyên ngành dầu khí, dịch vụ cơ khí dầu khí, dịch vụ kho nổi FSO/FPSO, dịch vụ khảo sát ra nước ngoài, đặc biệt tập trung vào khu vực chồng lấn giữa Việt Nam, các nước trong khu vực, các nước Trung Đông và các quốc gia Việt Nam có mối quan hệ tốt.
- Xây dựng và phát triển mạng lưới các Nhà cung cấp bản địa tại các thị trường nước ngoài thông qua nhiều hình thức như liên danh, liên kết để tối đa nội địa hóa (local content) cho các gói thầu/dịch vụ của PTSC, đáp ứng các yêu cầu bảo hộ ngày càng khắt khe của các nước bản địa
- Thành lập thêm các đơn vị của PTSC tại các nước trong khu vực tùy theo quy mô dịch vụ PTSC đang cung cấp cũng như các cơ hội kinh doanh phù hợp tại các thị trường tiềm năng.

3. CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU NĂM 2023

VIE50 - Top 50 Doanh nghiệp sáng tạo và kinh doanh hiệu quả 2023

Năm 2023 là năm đầu tiên Báo Đầu tư phối hợp cùng Công ty cổ phần Nghiên cứu Kinh doanh Việt Nam (Viet Research) tổ chức Lễ công bố Danh sách Top 50 Doanh nghiệp Sáng tạo và Kinh doanh hiệu quả Việt Nam 2023 (VIE50) và Top 10 Doanh nghiệp Sáng tạo và Kinh doanh hiệu quả Việt Nam 2023 (VIE10) trong các ngành nổi bật.

Nằm trong số các doanh nghiệp đạt giải lần này, Tổng công ty PTSC được vinh danh hai lần tại cả hai danh sách VIE50 và VIE10 với kết quả sản xuất kinh doanh ấn tượng cùng nỗ lực ngoạn mục trong việc tham gia chính thức vào lĩnh vực Năng lượng tái tạo với vai trò nhà đầu tư và phát triển dự án.

Top 10 Vietnam best workplaces - Top 10 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam (ngành Năng lượng)

Các doanh nghiệp được tôn vinh trong Bảng xếp hạng Top 500 Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam (VBE500) và Top 10 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2023 trong các ngành kinh tế trọng điểm (VBW10) là những đơn vị có thành tích xuất sắc trong tạo công ăn việc làm, đãi ngộ người lao động, tạo dựng môi trường làm việc bền vững và có kết quả kinh doanh tốt, ổn định. Chương trình có ý nghĩa chính trị - xã hội nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng, doanh nghiệp và người lao động về hình ảnh, uy tín cũng như tầm quan trọng của việc sử dụng, phát triển nguồn nhân lực, xây dựng văn hóa doanh nghiệp và thu hút nguồn nhân sự tài năng thông qua truyền thông Thương hiệu Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam. Sánh vai cùng nhiều Nhà tuyển dụng Top đầu, Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) tự hào là Top 10 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam năm 2023 – ngành Năng lượng, Dầu khí, Hóa chất; là lựa chọn uy tín của nhiều ứng viên với cơ hội nghề nghiệp hấp dẫn và một môi trường làm việc chuyên nghiệp, trẻ trung, năng động, sáng tạo cùng cơ hội thăng tiến và chế độ đãi ngộ, chế độ đào tạo…

Saigon Times CSR (Corporate Social Responsibility) - Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

PTSC nằm trong số 40 doanh nghiệp có trách nhiệm cao với xã hội được vinh danh tại chương trình Corporate Social Responsibility (CSR) do báo Saigon Times tổ chức. Đây là những doanh nghiệp có đóng góp to lớn trong hành trình hiện thực hóa phát triển bền vững, góp phần tạo ra một tương lai tốt đẹp hơn cho cộng đồng.

Trong suốt hơn 30 năm hình thành và phát triển, kể cả trong những lúc khó khăn nhất, Tổng công ty PTSC luôn chú trọng phát triển nguồn nhân lực và có những đóng góp tích cực cho cộng đồng. Bên cạnh việc tập trung cải thiện, nâng cao chế độ chính sách và chăm lo đời sống tinh thần cho CBCNV, PTSC cũng đã thực hiện tốt các công tác An sinh Xã hội đối với cộng đồng, đặc biệt là các đối tượng đang gặp khó khăn và các địa phương nghèo trên khắp cả nước.

VNR500 - TOP 50 Doanh nghiệp xuất sắc nhất Việt Nam (Top 50 Vietnam The Best)

Trong 2 năm gần đây, PTSC liên tiếp thăng hạng trong bảng xếp hạng VNR 500 – 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, từ hạng 78 (năm 2021) lên hạng 56 (năm 2022) và lần đầu tiên lọt vào Top 50 doanh nghiệp xuất sắc nhất Việt Nam năm 2023. Điều này đã chứng tỏ sự nỗ lực không ngừng nghỉ của tập thể ban lãnh đạo và hơn 8.000 người lao động PTSC trong suốt quãng thời gian đầy khó khăn, thử thách sau ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế toàn cầu của đại dịch Covid 19.

Sự đánh giá khách quan này đã ghi nhận những thành quả của PTSC trong năm qua và tiếp tục một lần nữa khẳng định vị thế của PTSC trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp ở trong nước cũng như góp phần nâng tầm thương hiệu PTSC tới cộng đồng doanh nghiệp và các nhà đầu tư quốc tế. Đây sẽ là động lực để PTSC tiếp tục phát triển hơn nữa cả về quy mô và chất lượng nhằm mang lại những lợi ích, niềm tin cho khách hàng, từ đó tạo ra những giá trị bền vững cho xã hội.

III. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023

1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1.1 ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

Bối cảnh thực hiện

Năm 2023, kinh tế vĩ mô và thị trường quốc tế tiếp tục còn nhiều khó khăn, biến động phức tạp và diễn biến khó lường bất ổn do xung đột quân sự giữa Nga và Ukraine kéo dài và gần đây xuất hiện thêm xung đột giữa Israel-Hamas tại khu vực Trung Đông gây ảnh hưởng tiêu cực đến chuỗi cung ứng hàng hóa và dịch vụ xuyên biên giới, làm gia tăng áp lực cho thương mại, đầu tư toàn cầu. Tình hình trong nước trước bối cảnh khó khăn, thách thức "kép" cả bên trong và bên ngoài, việc đầu tư các dự án mới cho thăm dò khai thác, gia tăng trữ lượng trong nước gặp nhiều khó khăn, chậm tiến độ, đến cuối năm 2023 mới có tín hiệu khả quan về việc triển khai chuỗi dự án khí điện Lô B - Ô Môn; giá xăng dầu, nguyên vật liệu, chi phí vận tải biến động mạnh ảnh hưởng rất lớn đến nhiều lĩnh vực SXKD của PTSC.

Đánh giá kết quả thực hiện

Trong bối cảnh nhiều khó khăn, thách thức, PTSC đã chủ động đổi mới, nắm bắt cơ hội kinh doanh trong xu hướng chuyển dịch năng lượng và có những bước chuyển mình đầy mạnh mẽ sang lĩnh vực NLTTNK, phát triển các sản phẩm mới, mở rộng cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực năng lượng tái tạo ngoài khơi cũng như đẩy mạnh phát triển dịch vụ ra thị trường nước ngoài như khu vực Trung Đông, Ấn Độ, Đài Loan, Malaysia, Brunei, Indonesia, Thái Lan…, góp phần bù đắp khối lượng công việc truyền thống liên tục bị giảm sút trong thời gian qua và có những bước tiến ngoạn mục với doanh thu 1,5 tỷ USD đơn hàng trong lĩnh vực NLTTNK. Sản phẩm chế tạo của PTSC được xuất khẩu sang nhiều thị trường. Bước qua giai đoạn hậu khủng hoảng, bước qua thời kỳ chật vật, khó khăn tìm việc, PTSC giành được các hợp đồng bảo đảm công ăn việc làm ổn định đến 2027. Nhiều khách hàng đã chủ động tìm đến. Vị thế của PTSC trong sân chơi mới đã có những bước tiến mới, thương hiệu PTSC đang khởi sắc từng ngày.

1.2 ĐÁNH GIÁ CHỈ TIÊU DOANH THU, LỢI NHUẬN

Các chỉ tiêu SXKD hợp nhất toàn PTSC

Đvt: Tỷ đồng

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Đạt % *(so với KH năm)*	Đạt % *(so với năm trước)*
1.	Doanh thu hợp nhất	17.077	13.200	21.742	164,7%	127,3%
2.	Lợi nhuận trước thuế	1.276	780	1.277	163,8%	100,1%
3.	Lợi nhuận sau thuế	1.051	560	1.060	189,3%	100,9%
4.	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	616	580	843	145,4%	136,9%

Các chỉ tiêu SXKD Công ty mẹ-PTSC

Đvt: Tỷ đồng

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Đạt % *(so với KH năm)*	Đạt % *(so với năm trước)*
1.	Vốn điều lệ	4.780	4.780	4.780	100,0%	100,0%
2.	Doanh thu	6.882	5.300	11.334	213,8%	164,7%
3.	Lợi nhuận trước thuế	906	610	1.287	211,0%	142,0%
4.	Lợi nhuận sau thuế	725	430	1.123	261,2%	154,9%

Về chỉ tiêu doanh thu

Với kết quả doanh thu hợp nhất thực hiện năm 2023 là 21.742 tỷ đồng, đạt 165% kế hoạch năm 2023, tăng 27% so với thực hiện năm 2022 là minh chứng rõ nét về sự nhạy bén của PTSC trong việc nắm bắt các cơ hội kinh doanh trong xu hướng chuyển dịch năng lượng để phát triển các sản phẩm mới, tham gia các dự án, mở rộng cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực năng lượng tái tạo ngoài khơi cũng như đẩy mạnh phát triển dịch vụ ra thị trường nước ngoài, hoạt động phát triển kinh doanh – dịch vụ đạt hiệu quả tích cực với nhiều hợp đồng quan trọng được ký kết và triển khai. Sau nhiều năm vắng bóng, PTSC chính thức trở lại "sân chơi 20 ngàn tỷ".

Về chỉ tiêu về lợi nhuận

Lợi nhuận hợp nhất trước thuế thực hiện năm 2023 là 1.277 tỷ đồng, đạt 164% kế hoạch năm 2023, tương đương so với thực hiện năm 2022. Tỷ trọng doanh thu cung cấp dịch vụ ra nước ngoài năm 2023 đạt trên 55%, tăng nhiều so với những năm trước đây cho thấy nỗ lực chuyển dịch cơ cấu doanh thu sang thị trường nước ngoài của PTSC nhằm đảm bảo duy trì sự phát triển ổn định, bền vững. Đặc biệt, với việc tham gia lĩnh vực năng lượng tái tạo ngoài khơi PTSC đã mở ra bước ngoặt trong việc phát triển dịch vụ mới đảm bảo duy trì sự phát triển của PTSC trong thời gian tới.

1.3 ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Đvt: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023
A	**Chỉ tiêu hợp nhất**			
1	Tổng Doanh thu	14.772	17.077	21.742
2	Lợi nhuận trước thuế	969	1.276	1.277
3	Lợi nhuận sau thuế	751	1.051	1.060
B	**Chỉ tiêu Công ty mẹ**			
1	Doanh thu	6.613	6.882	11.334
2	Lợi nhuận trước thuế	908	906	1.287
3	Lợi nhuận sau thuế	729	725	1.123
4	Tỷ suất LNST/VĐL	15,26%	15,17%	23,50%

Trong thời gian vừa qua, tình hình chính trị, kinh tế vĩ mô và thị trường quốc tế biến động phức tạp, còn nhiều khó khăn và diễn biến khó lường bất ổn tác động tiêu cực đến chuỗi cung ứng hàng hóa và dịch vụ xuyên biên giới, làm gia tăng áp lực cho thương mại, đầu tư toàn cầu. Khối lượng công việc và dự án liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của PTSC trong nước tiếp tục khan hiếm; giá dịch vụ duy trì ở mức thấp và cạnh tranh vô cùng khốc liệt; các dự án mới cho thăm dò khai thác, gia tăng trữ lượng trong nước gặp nhiều khó khăn, chậm tiến độ, đến cuối năm 2023 mới có tín hiệu khả quan về việc triển khai chuỗi dự án khí điện Lô B - Ô Môn đã gây ảnh hưởng nhất định đến các hoạt động SXKD của PTSC.

Đứng trước các khó khăn, thách thức đó, Ban Lãnh đạo, Người lao động PTSC đã quyết liệt các biện pháp quản lý, triển khai tái cấu trúc mạnh mẽ để đẩy mạnh phát triển kinh doanh, nâng cao hiệu quả mô hình hoạt động, kiểm soát chặt chẽ, tiết giảm tối đa chi phí, giúp kịp thời ứng phó với những biến động thị trường và duy trì thực hiện ổn định, an toàn,

hiệu quả các hoạt động SXKD. Đặc biệt, PTSC đã nỗ lực, quyết liệt đổi mới, tìm hướng đi, cơ hội mới trong xu thế chuyển dịch năng lượng xanh trên toàn thế giới, khi bối cảnh các dịch vụ truyền thống ngày càng khó khăn, PTSC đã tích cực tiếp xúc, làm việc với nhiều đối tác, khách hàng tiềm năng trong lĩnh vực năng lượng tái tạo ngoài khơi và triển khai ký kết nhiều Bản ghi nhớ, Thỏa thuận Hợp tác trong việc đầu tư phát triển cũng như tìm kiếm các giải pháp tài chính cho các dự án năng lượng tái tạo ngoài khơi. Đến nay, PTSC đã hoàn thiện cơ sở pháp lý và trở thành đơn vị duy nhất trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam có chức năng đầu tư trong lĩnh vực NLTTNK; đang phối hợp với các đối tác nước ngoài triển khai mạnh mẽ các dự án NLTTNK phục vụ cả nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Kết quả SXKD năm 2023 đã phần nào phản ánh hiệu quả quá trình đổi mới, nắm bắt cơ hội kinh doanh trong xu hướng chuyển dịch của PTSC. Doanh thu hợp nhất thực hiện năm 2023 là **21.742 tỷ đồng,** tăng 27% so với năm 2022 và tăng 47% so với năm 2021; Lợi nhuận hợp nhất trước thuế thực hiện năm 2023 là tỷ **1.277 đồng**, tương đương với năm 2022 và tăng 32% so với năm 2021. Doanh thu Công ty mẹ - PTSC thực hiện năm 2023 là **11.334 tỷ đồng**, tăng 65% so với năm 2022 và tăng 71% so với năm 2021; Lợi nhuận Công ty mẹ - PTSC trước thuế thực hiện năm 2023 là tỷ **1.287 đồng**, tăng 42% so với năm 2022 và 2021.

1.4 ĐÁNH GIÁ VỀ CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

Công tác đầu tư của Công ty mẹ - PTSC

Công ty mẹ PTSC đã tập trung nguồn lực triển khai tốt các hạng mục trong kế hoạch đầu tư năm 2023 được phê duyệt. Một số dự án đầu tư quan trọng đã được Công ty mẹ triển khai: Hoàn thành Dự án hoàn thiện cầu cảng Giai đoạn III - Cảng Hạ lưu Vũng Tàu, Nạo vét trước bến cảng Sơn Trà, Nhà kho cho PTSC Quảng Bình; tổ chức triển khai đúng tiến độ Dự án đầu tư bến số 3 - Cảng tổng hợp Dung Quất, Dự án nhà văn phòng dự án…; Hoàn thành đầu tư các xe nâng phục vụ hoạt động tại các căn cứ cảng, các phương tiện thiết bị phục vụ thi công dự án năng lượng tái tạo ngoài khơi và dầu khí, một số hạng mục nâng cấp, mở rộng hệ thống công nghệ thông tin của Tổng công ty; Tổ chức triển khai các thủ tục đầu tư Tàu dịch vụ.

Kết quả thực hiện đầu tư năm 2023 của Công ty mẹ PTSC là 416 tỷ đồng, đạt 22,6% kế hoạch năm. Tuy kết quả đầu tư thực hiện trong năm 2023 còn thấp so với kế hoạch năm nhưng công tác đầu tư năm 2023 của PTSC đã có nhiều bước đột phá lớn với kết quả thực hiện cao hơn nhiều so với những năm gần đây, tăng gần 60% so với thực hiện năm 2022 và đặc biệt là các hạng mục đầu tư thiết yếu phục vụ thi công dự án năng lượng tái tạo ngoài khơi đã được triển khai quyết liệt, kịp thời đưa vào hoạt động phục vụ thi công dự án; nhiều dự án đã cơ bản hoàn thành các thủ tục đầu tư và sẽ sớm giải ngân trong Quý I/2024.

Công tác đầu tư của các Công ty con - PTSC

Trong năm, các Công ty con - PTSC đã triển khai thực hiện tốt các dự án đầu tư, nhiều hạng mục đầu tư cơ sở hạ tầng, phương tiện thiết bị, phần mềm được hoàn thành đầu tư và có tác dụng hỗ trợ tích cực cho các hoạt động SXKD của các Đơn vị. Tổng giá trị đầu tư thực hiện tại các Công ty con - PTSC trong năm 2023 đạt hơn 384 tỷ đồng, tăng 67% so với năm 2022.

Công tác đầu tư và kinh doanh lĩnh vực năng lượng tái tạo ngoài khơi

PTSC đã tích cực tiếp xúc, làm việc với nhiều đối tác, khách hàng tiềm năng trong lĩnh vực năng lượng tái tạo ngoài khơi và triển khai ký kết các Bản ghi nhớ, Thỏa thuận Hợp tác trong việc đầu tư phát triển cũng như tìm kiếm các giải pháp tài chính cho các dự án năng lượng tái tạo ngoài khơi. Đến nay, PTSC đã hoàn thiện cơ sở pháp lý và trở thành đơn vị duy nhất trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam có chức năng đầu tư trong lĩnh vực NLTTNK; đang phối hợp với các đối tác nước ngoài triển khai mạnh mẽ các dự án NLTTNK phục vụ cả nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

PTSC cũng đã tham gia nhiều hội nghị, triển lãm, gặp gỡ đối tác, khách hàng tiềm năng để tiếp tục tìm kiếm, phát triển thị trường, xây dựng chuỗi cung ứng (supply chain) cho các dự án điện gió ngoài khơi tại Việt Nam và khu vực.

1.4 ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Stt	Các chỉ tiêu	ĐVT	2022	2023
1	*Chỉ tiêu về khả năng thanh toán*			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1.79	1.80
	+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	1.67	1.64
2	*Chỉ tiêu về cơ cấu vốn*			
	+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0.50	0.49
	+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0.99	0.95
3	*Chỉ tiêu về năng lực hoạt động*			
	+ Vòng quay hàng tồn kho:	Lần	9.61	14.32
	+ Vòng quay doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0.76	0.63
4	*Chỉ tiêu về khả năng sinh lời*			
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5.42%	6.48%
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu.	%	8.05%	7.83%
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản.	%	4.05%	4.01%
	+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	5.63%	7.40%

Với các chỉ tiêu sinh lời tăng cùng các chỉ tiêu về thanh khoản ngắn hạn tăng đảm bảo vượt mức an toàn quy định trong quy chế tài chính của PTSC cũng như các quy chuẩn chung trong công tác quản trị tài chính. Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu và nợ trên tổng tài sản luôn ở mức thấp thể hiện nguồn vốn cho hoạt động của PTSC từ vốn chủ sở hữu dồi dào, nợ thấp, không chịu nhiều áp lực tài chính và hoạt động SXKD có hiệu quả, minh chứng cho khả năng tài chính của PTSC lành mạnh.

Cơ cấu tổng tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2022 (tỷ đồng)	Năm 2023 (tỷ đồng)	% Tăng, giảm
Tổng tài sản	26.908	26.416	1,9
Tài sản ngắn hạn	16.290	16.110	-1,1
Tài sản dài hạn	10.798	10.126	7,1

Tổng tài sản của Tổng công ty (hợp nhất) tại thời điểm 31/12/2023 là 26.416 tỷ đồng, tăng 492 tỷ đồng, tương đương tăng 1,9% so với tại thời điểm 31/12/2022. Trong đó, tài sản ngắn hạn là 16.290 tỷ đồng, giảm 180 tỷ đồng, tương đương giảm 1,1% so với thời điểm 31/12/2022. Chênh lệch tại các khoản mục chủ yếu như: Tiền và các khoản tương đương tiền là 5.757 đồng, tăng 538 tỷ đồng, tương đương tăng 10,3% so với tại thời điểm 31/12/2022 do khách hàng thực hiện thanh toán công nợ đến hạn cho Tổng công ty và thay đổi hạn mức tiền gửi kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng sang thời hạn dưới 3 tháng;

Các khoản phải thu ngắn hạn là 4.085 tỷ đồng, giảm 862 tỷ đồng, tương đương giảm 17,1% so với tại thời điểm 31/12/2022 chủ yếu do Tổng công ty ghi nhận công nợ phải thu từ việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ thấp hơn khoản công nợ đến hạn khách hàng đã thanh toán cho Tổng công ty. Tài sản dài hạn đến thời điểm 31/12/2023 là 10.126 tỷ đồng, tăng 672 tỷ đồng, tương đương tăng 7,1% so với thời điểm 31/12/2022. Chênh lệch tại các khoản mục chủ yếu như: Tài sản cố định là 3.391 tỷ đồng, tăng 343 tỷ đồng, tương đương tăng 11,3% so với tại ngày 31/12/2022, do ghi nhận tài sản tăng qua đầu tư trong năm lớn hơn chi phí khấu hao tài sản cố định vào chi phí SXKD trong kỳ. Tài sản dở dang dài hạn là 373 tỷ đồng, tăng 201 tỷ đồng, tương đương tăng 117% so với tại ngày 31/12/2022, chủ yếu do ghi nhận các khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang chưa đủ điều kiện ghi nhận tài sản hình thành trong kỳ.

Cơ cấu tổng nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2022 (Tỷ đồng)	Năm 2023 (Tỷ đồng)	% Tăng, giảm
Nợ phải trả	12.897	12.872	0,02
Nợ ngắn hạn	9.192	9.060	-1,4
Nợ dài hạn	3.944	3.812	3,7

Nợ phải trả tại ngày 31/12/2023 của Tổng công ty (hợp nhất) là 12.872 tỷ đồng, tăng 2,5 tỷ đồng, tương đương tăng 0,02% so với thời điểm 31/12/2022. Trong đó, Nợ ngắn hạn tại 31/12/2023 là 9.060 tỷ đồng, giảm 132 tỷ đồng, tương đương giảm 1,4% so với 31/12/2022, chênh lệch chủ yếu do: Phải trả người bán là 3.513 tỷ đồng, giảm 1.788 tỷ đồng, tương đương giảm 33,7% so với tại thời điểm 31/12/2022. Nguyên nhân chủ yếu là do Tổng công ty ghi nhận công nợ từ việc mua hàng hóa, dịch vụ từ nhà cung cấp thấp hơn khoản công nợ đến hạn đã thanh toán cho nhà cung cấp theo quy định của các hợp đồng trong năm 2023; Các khoản phải trả ngắn hạn khác. Là 1.233 tỷ đồng, tăng 1.121 tỷ đồng so với tại thời điểm 31/12/2022; Dư nợ tín dụng (vay ngắn hạn) là 1.176 tỷ đồng, tăng 424 tỷ đồng, tương đương tăng 56,4% so với thời điểm 31/12/2022 là do Tổng công ty thực hiện thanh toán các khoản vay dài hạn đến hạn trả nhỏ hơn khoản giải ngân để bổ sung vốn phục vụ SXKD và đầu tư và mua mới tài sản mới phục vụ SXKD. Nợ dài hạn tại 31/12/2023 là 3.812 tỷ đồng, tăng 134 đồng, tương đương tăng 3,7% so với 31/12/2022, chủ yếu do khoản dự phòng phải trả tăng 212 tỷ đồng so với 31/12/2022.

1.5 KẾT QUẢ CÁC HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

Dịch vụ Cung ứng Tàu chuyên dụng

Kết quả doanh thu thực hiện năm 2023 là 1.992 tỷ đồng, đạt 142% Kế hoạch năm 2023, tăng 2% so với thực hiện năm 2022.

Trong năm 2023, PTSC đã tiếp tục thực hiện quyết liệt các biện pháp quản lý, kiểm soát chặt chẽ và tiết giảm tối đa chi phí sản xuất kinh doanh; triển khai tái cấu trúc mạnh mẽ để nâng cao hiệu quả mô hình hoạt động của đội tàu; thay đổi, chủ động nắm bắt cơ hội kinh

doanh trong xu hướng chuyển dịch năng lượng để phát triển các sản phẩm mới; tăng cường thực hiện các giải pháp về công tác thương mại, thị trường nhằm tăng thời gian hoạt động của đội tàu PTSC. Theo đó, PTSC nỗ lực đẩy mạnh phát triển thị trường ngoài nước và đã tổ chức đưa tàu dịch vụ đi làm việc ở UAE, Đài Loan, Malaysia…, duy trì hoạt động của các tàu phục vụ các dự án điện gió cũng như bám sát các dự án truyền thống trong nước để nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD.

PTSC đã thực hiện hiệu quả việc cung cấp tàu dịch vụ trực sự cố tràn dầu, trực an ninh, an toàn, PCCC, lai dắt cho NMLD Dung Quất, Nhà máy LHD Nghi Sơn đảm bảo đáp ứng các nhu cầu của khách hàng.

Dịch vụ Cung cấp, Quản lý, Vận hành, Khai thác Tàu chứa FSO/FPSO

Kết quả doanh thu thực hiện năm 2023 là 2.618 tỷ đồng, đạt 131% Kế hoạch năm 2023, tăng 16% so với thực hiện năm 2022.

PTSC đã thực hiện tốt dịch vụ cung cấp FSO/FPSO đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của Khách hàng (FPSO PTSC Lam Sơn cho Lô 01/97&02/97, FPSO Ruby II cho Lô 01/17&02/17, FSO PTSC Biển Đông 1 cho Mỏ Hải Thạch Mộc Tinh, FSO Orkid cho Vùng chồng lấn PM3-CAA Malaysia, FSO Rong Doi MV12 cho Mỏ Rồng Đôi - Rồng Đôi Tây, FSO Golden Star mỏ Sao Vàng Đại Nguyệt). Trong đó, PTSC đảm nhận toàn bộ phần việc O&M cho một số dự án. Tỷ lệ khai thác liên tục đạt gần 100% và cao hơn quy định của hợp đồng. Duy trì cung cấp, quản lý, khai thác, vận hành an toàn kho nổi LPG lạnh Viet Dragon 68 đáp ứng các yêu cầu của Khách hàng. Tháng 4/2023, sau thời gian cung cấp dịch vụ vận hành và bảo dưỡng kho nổi FPSO Lewek Emas, PTSC đã được khách hàng POVO/HE khen thưởng 300.000 USD căn cứ KPI O&M đã đạt được với mức "Vượt chỉ tiêu", qua đó thể hiện sự tin tưởng và đánh giá cao của Khách hàng đối với công tác vận hành kho nổi mà PTSC đang thực hiện.

Đối với dịch vụ cung cấp nhân lực, PTSC tiếp tục cung cấp các nhân sự cho MODEC (FSO MV12), MVOT (FSO Orkid), Cửu Long JOC (FPSO Thái Bình – VN) và POVO (FPSO Lewek Emas) đảm bảo an toàn và hiệu quả.

Dịch vụ Cơ khí Dầu khí và Công trình Công nghiệp

Kết quả doanh thu thực hiện năm 2023 là 11.552 tỷ đồng, đạt 193% Kế hoạch năm 2023, tăng 26% so với thực hiện năm 2022. Trong đó, doanh thu các dự án cơ khí dầu khí là 5.267 đồng, doanh thu các dự án xây lắp công nghiệp là 1.997 tỷ đồng và doanh thu các dự án cơ khí năng lượng tái tạo là 4.288 tỷ đồng.

Dịch vụ cơ khí dầu khí: Trong năm, PTSC đã thực hiện an toàn, hiệu quả các dự án cơ khí dầu khí lớn, nhiều dự án đã hoàn thành và bàn giao cho khách hàng như: Dự án Gallaf 3 - EPCI6, dự án Shwe Phase 3 Jacket, dự án DBN PWM. đồng thời, PTSC tiếp tục tổ chức thực hiện tốt các hạng mục công việc của Dự án Gallaf 3 – EPCI5. Bên cạnh đó, PTSC tích cực tham gia đấu thầu các gói thầu tiềm năng tại Việt Nam cũng như các thị trường nước ngoài và đã được khách hàng tin tưởng trao nhiều gói thầu. Đặc biệt, trong quý IV/2023,

PTSC đã được trao thầu Hợp đồng EPC#1 - Thiết kế, xây dựng, lắp đặt cụm giàn công nghệ trung tâm và giàn nhà ở cho Dự án phát triển mỏ Lô B và Hợp đồng EPCI#2 - Thiết kế, mua sắm, chế tạo và lắp đặt giàn thu gom/giàn đầu giếng và hệ thống đường ống nội mỏ - Dự án khí Lô B.

Dịch vụ xây lắp công nghiệp: PTSC đã tổ chức thực hiện tốt và hoàn thành các hạng mục chính của các dự án Đường ống dẫn xăng dầu từ Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn tới kho xăng dầu Anh Phát, Dự án tổ hợp hóa dầu miền Nam - Gói A1 và Dự án mở rộng kho xăng dầu Vũng Rô; hiện đang thực hiện nghiệm thu để bàn giao cho khách hàng trong năm 2024. Bên cạnh đó, PTSC tiếp tục thực hiện an toàn, hiệu quả, đảm bảo chất lượng và tiến độ của Dự án bồn chứa LPG Thị Vải.

Dịch vụ cơ khí năng lượng tái tạo: PTSC đã tổ chức thực hiện tốt các hạng mục công việc của Dự án Hải Long OSS. Đặc biệt, ngày 19/05/2023, PTSC đã ký kết Hợp đồng chế tạo và cung cấp chân đế cho Dự án điện gió ngoài khơi Greater Changhua 2b&4 có tổng công suất 920 MW tại Đài Loan cho khách hàng (PTSC thực hiện mua sắm, chế tạo và bàn giao 33 chân đế trụ điện gió với chiều cao mỗi trụ khoảng 85m, nặng khoảng 2.300 tấn).

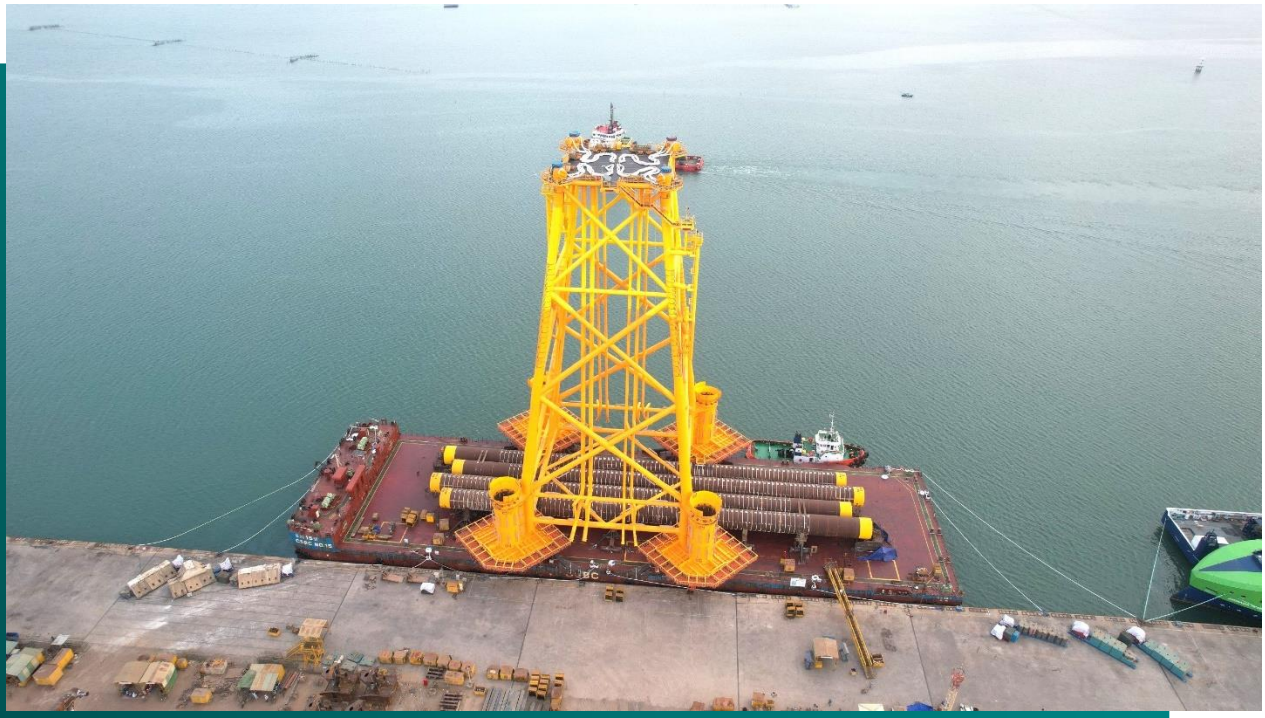

Dịch vụ Căn cứ Cảng Dầu khí

Kết quả doanh thu thực hiện năm 2023 là 1.683 tỷ đồng, đạt 120% Kế hoạch năm 2023, tăng 4% so với thực hiện năm 2022.

Trong năm 2023, hoạt động sản xuất kinh doanh tại Cảng Hạ lưu Vũng Tàu tiếp tục được duy trì, PTSC đã nỗ lực đẩy mạnh phát triển cung cấp các dịch vụ ra bên ngoài ngành, ngoài địa bàn, giúp tăng doanh thu, hiệu quả SXKD lĩnh vực này và đạt kết quả tăng trưởng tốt so với năm trước.

Hoạt động SXKD tại các cảng tổng hợp, cảng container của PTSC gặp nhiều khó khăn do lượng hàng hóa xuất nhập qua các cảng biển trong nước sụt giảm mạnh làm giảm khối lượng công việc và tăng áp lực cạnh tranh về giá dịch vụ. Các căn cứ cảng của PTSC đã nỗ lực tìm kiếm, phát triển thêm các nguồn hàng mới để bù đắp sự sụt giảm các mặt hàng truyền thống. Kết quả hoạt động kinh doanh tại Cảng Đình Vũ có sự cải thiện so với năm trước dù vẫn còn thấp hơn so với thời kỳ thuận lợi trước đây; các Cảng Hòn La, Cảng Nghi Sơn tiếp tục được duy trì ổn định; các Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ, Bến số 1 Cảng Dung Quất vẫn hết sức khó khăn và tiếp tục suy giảm so với năm trước.

Dịch vụ Vận chuyển, Lắp đặt, Đấu nối, Vận hành, Sửa chữa và Bảo dưỡng các Công trình Dầu khí:

Kết quả doanh thu thực hiện năm 2023 là 1.997 tỷ đồng, đạt 105% Kế hoạch năm 2023, tăng 7% so với thực hiện năm 2022.

PTSC đã hoàn thành Dự án TGT New Flowline - Chế tạo và lắp đặt spools và flowline tại giàn đầu giếng H1 và bàn giao cho khách hàng ngày 31/01/2023. Trong năm, PTSC đã tập trung nguồn lực thực hiện tốt các dự án: Dự án Offshore Brownfield GLF3 CPP phase A1, Dự án Offshore Brownfield GLF3 CPP phase A2, Dự án chế tạo cụm van ngầm (FLET) và thiết bị phóng thoi chạy thử đường ống ngầm (PLR), Cung cấp cáp ngầm (submarine cable) cho dự án Đại Hùng 3…

Hoạt động khai thác các phương tiện sà lan trong năm 2023 được thực hiện tốt với hiệu suất khai thác tăng cao so với năm trước. Đây là nỗ lực hết sức to lớn của PTSC trong việc tìm kiếm, phát triển thị trường ra nước ngoài cho các phương tiện này trong năm 2023.

Bên cạnh đó, PTSC tiếp tục cung cấp an toàn, hiệu quả các hợp đồng bảo dưỡng, cung cấp nhân lực dài hạn/ngắn hạn cho các công trình dầu khí/các khách hàng.

Dịch vụ Khảo sát Địa chấn Địa chất Công trình và Khảo sát Sửa chữa Công trình ngầm bằng ROV

Kết quả doanh thu thực hiện năm 2023 là 458 tỷ đồng, đạt 117% Kế hoạch năm 2023, giảm 10% so với thực hiện năm 2022.

Trong năm, PTSC đã tổ chức thực hiện tốt các công việc, hợp đồng, dự án khảo sát địa chất, địa vật lý và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV như: Dự án khảo sát ĐVL & ĐCCT tại lô 09-1, Dự án khảo sát ĐVL & ĐCCT tại vị trí DS-1X, Dự án khảo sát ĐCCT phục vụ dự án xây cầu Bataan – Cavite Interlink ngoài khơi Philippines, các dự án khảo sát UWILD, Dự án khảo sát và sửa chữa điểm treo ống tuyến ống PM3 – Cà Mau, Dự án khảo sát công trình ngầm… Hoạt động khai thác các tàu/ phương tiện khảo sát có sự cải thiện tốt so với năm trước.

PTSC đang tiếp tục thực hiện các thủ tục liên quan để hoàn thành giải thể Liên doanh PTSC CGGV.

1.7 KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

Các chỉ tiêu SXKD hợp nhất toàn PTSC

Đvt: Tỷ đồng

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2024
1.	Doanh thu hợp nhất	15.500
2.	Lợi nhuận trước thuế	858
3.	Lợi nhuận sau thuế	660
4.	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	600

Các chỉ tiêu SXKD Công ty mẹ - PTSC

Đvt: Tỷ đồng

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2024
1.	Vốn điều lệ	4.780
2.	Doanh thu	7.000
3.	Lợi nhuận trước thuế	660
4.	Lợi nhuận sau thuế	465
5.	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	330
6.	Thực hiện đầu tư	1.823

Các mục tiêu và nhiệm vụ kế hoạch cụ thể năm 2024

1. Tối đa các nguồn lực phát triển các sản phẩm mới, dịch vụ mới để phát huy thế mạnh chuỗi giá trị dựa trên lợi thế quy mô và đa dịch vụ của PTSC nằm trong chuỗi liên kết của PVN. Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ cốt lõi cho các khách hàng ngoài ngành, ngoài nước phát huy lợi thế cạnh tranh của PTSC. Tích cực tham gia đấu thầu, xây dựng giải pháp kết nối hệ thống chuyên nghiệp, xúc tiến thương mại, thiết lập mối quan hệ hợp tác liên danh, liên kết phù hợp với thế mạnh của PTSC.
2. Quản lý chặt chẽ công tác đầu tư theo kế hoạch được phê duyệt; đầu tư có trọng điểm tập trung vào các lĩnh vực dịch vụ cốt lõi. Rà soát và đánh giá kỹ nhu cầu thị trường khách hàng; bám sát thực tế bảo đảm hiệu quả và khả năng thực hiện để nâng cao năng lực cạnh tranh. Đẩy mạnh triển khai quy hoạch, đầu tư cơ sở hạ tầng nhằm đón đầu dịch vụ mới. Tập trung thực hiện quyết toán các dự án đã hoàn thành theo đúng thời hạn quy định.
3. Tái cơ cấu tổng thể PTSC phù hợp với điều kiện thực tế nhằm bảo đảm sự phát triển bền vững của PTSC hướng đến mục tiêu giảm cấp trung gian, tập trung vào hiệu quả, đúng người đúng việc đúng thu nhập, tạo động lực, năng lượng mới để phát triển sản phẩm mới, dịch vụ mới cả trong và ngoài nước.
4. Đẩy mạnh nghiên cứu, tham gia đầu tư vào các dự án năng lượng tái tạo (điện gió, thủy triều…) khu vực ngoài khơi và tham gia thi công, thực hiện các dự án công trình năng lượng tái tạo phù hợp với năng lực, kinh nghiệm hiện có. Nghiên cứu hợp tác với các nhà đầu tư tiềm năng xây dựng chuỗi cung ứng (supply chain) cho các dự án điện gió ngoài khơi tại Việt Nam và khu vực.
5. Tăng cường công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển dịch vụ dầu khí kỹ thuật cao theo mục tiêu định hướng chiến lược phát triển của PTSC.
6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nâng cao trách nhiệm đối với Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các đơn vị thành viên, đảm bảo hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn của PTSC đầu tư tại doanh nghiệp khác. Giám sát tài chính với các đơn vị có hoạt động sản xuất kinh doanh thua lỗ, có giải pháp hỗ trợ để từng bước khắc phục khó khăn ổn định tình hình tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
7. Tiếp tục đẩy mạnh công tác kiểm soát nội bộ, triệt để tiết kiệm trong quản lý, giảm chi phí, giảm giá thành dịch vụ, nâng cao sức cạnh tranh.
8. Triển khai xây dựng hệ thống quản trị rủi ro, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, cải tiến phát huy sáng kiến trong sản xuất. Nâng cấp, mở rộng khai thác hiệu quả phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại vào quản lý điều hành sản xuất kinh doanh.
9. Tiếp tục xử lý các khoản nợ tồn đọng, quá hạn; Cân đối dòng tiền, đảm bảo khả năng thanh toán và gia tăng hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

10. Duy trì và phát triển việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, an toàn sức khỏe và môi trường trong toàn Tổng công ty. Tổ chức triển khai thường xuyên công tác an toàn, phòng chống cháy nổ, trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân, đảm bảo môi trường lao động. Tuyên truyền giáo dục công tác an toàn vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật và yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.
11. Thực hiện chuyển đổi số và đầu tư hệ thống ERP, đảm bảo thống nhất, đồng bộ công tác triển khai chuyển đổi số và ERP của PVN.
12. Tham gia công tác An sinh xã hội phù hợp với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Duy trì và bảo đảm sự phát triển bền vững của đơn vị, gắn hoạt động sản xuất kinh doanh với bảo vệ chủ quyền an ninh Quốc gia, bảo vệ môi trường.

2. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2.1 ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Năm 2023, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến ngày càng phức tạp, nhất là cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột Nga-Ukraine kéo dài, xung đột tại Dải Gaza giữa Israel và Hamas; tình hình sản xuất kinh doanh (SXKD) trong nước tiếp tục gặp nhiều khó khăn, nhiều ngành, lĩnh vực chịu tác động lớn từ thị trường bên ngoài, tăng trưởng tín dụng thấp, sự hấp thụ vốn của nền kinh tế khó khăn, nợ xấu gia tăng; biến đổi khí hậu, thiên tai, bão lũ, sạt lở diễn biến phức tạp, hoạt động chuỗi cung ứng tiếp tục bị trì trệ; ngành Dầu khí Việt Nam đối mặt với cơ hội và thách thức trước xu hướng chuyển dịch năng lượng sang năng lượng tái tạo; việc đầu tư các dự án mới cho thăm dò khai thác, gia tăng trữ lượng trong nước gặp nhiều khó khăn, chậm tiến độ, khối lượng công việc liên quan dịch vụ kỹ thuật trong nước tiếp tục khan hiếm và cạnh tranh vô cùng khốc liệt, gây ra nhiều tác động ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Tổng công ty và các Đơn vị. Nhận diện rõ ràng về các thách thức, khó khăn, HĐQT đã cùng Ban điều hành lãnh đạo Tổng công ty PTSC chỉ đạo quyết liệt, tổ chức, xây dựng Chương trình hành động, triển khai và thực hiện các hoạt động SXKD, nhiệm vụ trọng tâm công tác, công việc, giải pháp, nhóm giải pháp linh hoạt ứng phó với những biến đổi liên tục, tuân thủ Quy định hiện hành của pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ theo một cách thức phù hợp nhất, vượt qua các khó khăn, thách thức và góp phần đạt được kết quả Kế hoạch mà ĐHĐCĐ đã đề ra.

Trên cơ sở Kế hoạch công tác năm 2023, các nội dung ĐHĐCĐ giao và kết quả thực tế triển khai, HĐQT đánh giá việc tổ chức, triển khai và thực hiện các hoạt động của HĐQT trong năm 2023 là đúng thẩm quyền, Điều lệ, Luật Doanh nghiệp, các quy định của pháp luật, đã bám sát các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), các nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch, các hoạt động đề ra, được duyệt và đảm bảo xử lý kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền phục vụ công tác quản lý và điều hành SXKD của Tổng công ty.

HĐQT đã tổ chức thành công Phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2023, tổ chức các cuộc họp thường kỳ, bất thường, các phiên thảo luận của HĐQT, lấy ý kiến biểu quyết của Thành viên HĐQT bằng văn bản đã được thực hiện đúng quy định, tuân thủ Điều lệ và các Quy chế quản trị hiện hành. HĐQT thực hiện tốt vai trò của mình, theo đó vai trò của thành viên

độc lập và thành viên không điều hành được thể hiện rõ đảm bảo tối đa quyền lợi của cổ đông thiểu số.

Kết quả thực hiện Nghị quyết số 308/NQ-PTSC-ĐHĐCĐ ngày 29/5/2023 của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) giao, như sau:

- Hoàn thành Kế hoạch tài chính năm 2023 và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chính của Kế hoạch SXKD năm 2023 đã được ĐHĐCĐ giao;
- Ban Điều hành đã ký kết Hợp đồng và thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 với Công ty TNHH PwC (Việt Nam), tuân thủ Quy định hiện hành;
- Thực hiện chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền cho Cổ đông, thực hiện chi trả thù lao và chi phí hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, tuân thủ quy định;
- Công bố thông tin về kết quả bầu Thành viên HĐQT, Thành viên độc lập HĐQT được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 308/NQ-PTSC-ĐHĐCĐ ngày 29/5/2023, và kết quả bầu lại Chủ tịch HĐQT, bổ nhiệm lại Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trên Website PTSC, các kỳ Báo cáo tình hình quản trị Công ty bán niên, năm 2023 và Báo cáo thường niên 2022 của PTSC.
- Trên cơ sở phê duyệt Sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh tại Nghị quyết số 308/NQ-PTSC-ĐHĐCĐ ngày 29/5/2023, Tổng công ty đã hoàn thành việc đăng ký sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh liên quan và được Sở KH&ĐT TP.HCM cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp phù hợp Quy định hiện hành, công bố thông tin trên Website PTSC.

Các quyết định của HĐQT phù hợp thực tế tình hình SXKD và định hướng quan trọng hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong quá trình điều hành; phối hợp tốt và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, đoàn thể hoạt động.

Hoạt động của HĐQT

Nguyên tắc hoạt động của HĐQT:

HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, thể hiện qua các nghị quyết, quyết định, văn bản của HĐQT. Các thành viên của HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình theo Phân công nhiệm vụ trong HĐQT và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với sự phát triển của công ty. HĐQT giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Các cuộc họp của HĐQT, nội dung, kết quả các cuộc họp:

HĐQT đã tổ chức 08 cuộc họp thường kỳ, họp khác, tổ chức 04 Chương trình kiểm tra, giám sát các Đơn vị (Công ty POS, PTSC Marine, PV Security và PTSC Quang Ngai) và 68 phiên họp, thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết của Thành viên HĐQT bằng văn bản để thống nhất, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, cụ thể như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Cuộc họp/lấy ý kiến	Tỷ lệ tham dự	Lý do
1.	Ông Phan Thanh Tùng	72/76	94,7%	Là Người đại diện phần vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PTSC, không tham gia biểu quyết đối với 04 Nội dung lấy ý kiến về các Hợp đồng, Giao dịch với Người có liên quan của Tập đoàn.
2.	Ông Lê Mạnh Cường	71/76	93,4%	
3.	Ông Nguyễn Xuân Ngọc	72/76	94,7%	
4.	Ông Đỗ Quốc Hoan	76/76	100%	
5.	Ông Trần Ngọc Chương	76/76	100%	
6.	Ông Hoàng Xuân Quốc	76/76	100%	
7.	Ông Đoàn Minh Mẫn	39/76	51,3%	Thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày 29/5/2023

Các quyết định của HĐQT phù hợp quy định và thực tế tình hình SXKD, Chiến lược phát triển của Tổng công ty, định hướng quan trọng hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong quá trình điều hành, phối hợp tốt và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, đoàn thể hoạt động. Tổng cộng 321 văn bản trong đó có 106 Nghị quyết, Quyết định và 215 văn bản khác để quản lý các hoạt động của Tổng công ty do HĐQT ban hành.

Công tác đào tạo

Các Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty tham gia các chương trình đào tạo về quản trị do UBCKNN, Công ty mẹ - Tập đoàn DKVN và các cơ quan liên quan tổ chức, đầy đủ và đúng thành phần quy định. Trong năm 2023, Thành viên HĐQT là Người đại diện vốn của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Tổng công ty đã tham gia Khóa đào tạo "Chứng nhận thành viên HĐQT tích hợp Quản trị Môi trường & Xã hội – DCP-ESG" và các buổi Tọa đàm chuyên đề về "Kinh tế vĩ mô và Tài chính tiền tệ" (định kỳ hàng Quý) do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tổ chức.

Đánh giá hoạt động của các Thành viên HĐQT

Năm 2023, HĐQT duy trì hoạt động phù hợp với quy định tại Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ Tổng công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập và thực hiện theo các trình tự, thủ tục quy định và mời Ban Kiểm soát cùng tham dự họp; thông báo mời họp, hồ sơ, tài liệu được gửi đầy đủ đến các Thành viên HĐQT, Ban KS dự họp để tham khảo, nghiên cứu theo quy định. Các nội dung họp bao quát, đầy đủ các chủ đề liên quan đến hoạt động của Tổng công ty, tuân thủ Quy định hiện hành, được các Thành viên HĐQT chủ động thảo luận, đánh giá đầy đủ và thận trọng để đưa ra những định hướng, giải pháp tốt nhất cho Tổng công ty

Bên cạnh việc thực hiện và hoàn thành trách nhiệm chung trong các hoạt động của HĐQT, các Thành viên HĐQT đã thực hiện tốt nhiệm vụ với kết quả cụ thể như sau:

Chủ tịch HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ theo Quy định hiện hành trong việc chỉ đạo thực hiện Chương trình, Kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm công tác năm; chỉ đạo tổ chức thành công phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2023; chỉ đạo tổ chức và chủ trì các cuộc họp, thảo luận, làm việc trực tiếp, trực tuyến theo các chuyên đề, dự án, công việc quan trọng và những vấn đề mà HĐQT xét thấy cần thiết, lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản khác của HĐQT; chỉ đạo nâng cao công tác quản trị biến động, quản trị rủi ro, đặc biệt những tác động tới thị trường năng lượng toàn cầu, tình trạng khủng hoảng thị trường vốn, tỷ lệ lạm phát, tỷ giá, xung đột địa chính trị,…để có các định hướng, giải pháp trong công tác quản trị, điều hành hoạt động SXKD của Tổng Công ty, Đơn vị; chỉ đạo giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; chỉ đạo, hỗ trợ, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được phân công của các Thành viên HĐQT.

Thành viên HĐQT được giao phụ trách các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, giám sát các Đơn vị đã thực hiện tốt các trách nhiệm liên quan đến công tác quản trị, điều hành Tổng công ty; triển khai kế hoạch SXKD, giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, góp phần quan trọng vào việc hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu Kế hoạch SXKD hợp nhất năm 2023.

Các Thành viên HĐQT chuyên trách đã có những đóng góp tích cực trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Điều lệ, các Quy chế quản lý nội bộ chung; theo dõi, giám sát việc thực hiện, tuân thủ các chuẩn mực quản trị doanh nghiệp; giám sát, đánh giá công tác cải tiến hệ thống quản lý, công tác giao dịch, quan hệ với các cổ đông, nhà đầu tư và các bên liên quan; phê duyệt, giám sát các hợp đồng, giao dịch với người liên quan theo quy định.

Thành viên độc lập HĐQT cùng với các Thành viên trong HĐQT đã tích cực thảo luận, đưa ý kiến trong quá trình xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành; theo dõi, giám sát việc thực hiện, tuân thủ các chuẩn mực quản trị doanh nghiệp; giám sát, đánh giá các hoạt động của HĐQT Tổng công ty trong năm 2023, công tác quản trị rủi ro, phê duyệt, giám sát các hợp đồng, giao dịch với người liên quan, giao dịch liên kết theo quy định.

2.2 ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HĐQT đánh giá rất cao sự nỗ lực hết sức to lớn, đoàn kết, quyết tâm, chung sức, chung lòng của Ban Điều hành, Tập thể Lãnh đạo Tổng công ty trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp; kinh tế phục hồi chậm, tăng trưởng thấp, lạm phát vẫn duy trì ở mức cao ở nhiều quốc gia, khu vực; giá dầu thô, lương thực có xu hướng tăng; thiên tai, biến đổi khí hậu gây hậu quả nặng nề; xung đột quân sự Nga-Ukraine vẫn tiếp diễn cùng với bất ổn gia tăng tại Trung Đông; nền kinh tế trong nước tiếp tục xu hướng phục hồi tích cực nhưng khó khăn, thách thức còn rất lớn, tăng trưởng kinh tế chưa đạt mục tiêu đề ra, sản xuất công nghiệp phục hồi chậm, hoạt động sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp tiếp tục khó khăn, nhất là về thị trường, nguồn vốn, Ban TGĐ đã đề ra nhiều giải pháp điều hành linh hoạt, kịp thời, đẩy mạnh công tác phát triển kinh doanh và tìm kiếm sản phẩm

dịch vụ mới trong năm 2023 theo đúng định hướng, chỉ đạo của HĐQT, thực hiện thành công, cao nhất các Kế hoạch, chỉ tiêu, nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao, đạt được kết quả khả quan, như nêu sau đây.

- Hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chính của Kế hoạch SXKD năm 2023 đã được ĐHĐCĐ và HĐQT phê duyệt. Tỷ trọng doanh thu cung cấp dịch vụ ra nước ngoài năm 2022 của Tổng công ty đạt 55%, tăng nhiều so với những năm trước đây cho thấy nỗ lực chuyển dịch cơ cấu doanh thu sang thị trường nước ngoài. Đặc biệt sự nỗ lực và chủ động phát triển dịch vụ mới, nắm bắt cơ hội kinh doanh trong xu hướng chuyển dịch năng lượng để phát triển các sản phẩm mới, mở rộng cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực năng lượng tái tạo ngoài khơi cũng như đẩy mạnh phát triển dịch vụ ra thị trường nước ngoài như khu vực Trung Đông, Ấn Độ, Đài Loan, Malaysia, Indonesia, Thái Lan…, góp phần bù đắp khối lượng công việc truyền thống liên tục bị giảm sút trong thời gian qua.
- Đã xây dựng, ban hành Chương trình hành động xanh PTSC, xây dựng PTSC là doanh nghiệp kinh doanh có trách nhiệm với môi trường, cộng động và xã hội; triển khai xây dựng văn hóa doanh nghiệp xanh, thực hiện cam kết về trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường trong tất cả hoạt động của PTSC.
- Chỉ đạo, điều hành đúng đắn và quyết liệt triển khai các quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, bám sát thực tế tiễn diễn biến thị trường góp phần nâng cao hiệu quả SXKD; chủ động xây dựng và đề xuất các phương án xử lý vấn đề khó khăn, tồn tại của các Dự án, Đơn vị thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định, góp phần giảm thiểu rủi ro, đảm bảo quyền và lợi ích của Tổng công ty.
- Sử dụng hiệu quả và cân đối hợp lý nguồn lực hiện có; quyết liệt cắt giảm chi phí để giảm giá thành đi đôi với duy trì chất lượng sản phẩm dịch vụ ổn định, nâng cao sức cạnh tranh, giữ thị phần và đồng thời đảm bảo các lợi ích lâu dài của Tổng công ty.
- Công tác hạch toán kế toán và quản lý tài chính phù hợp chuẩn mực, minh bạch theo quy định pháp luật; đảm bảo nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn; quyết liệt xử lý nợ xấu, nợ phải thu khó đòi.
- Duy trì tốt phong trào sáng kiến cải tiến, nâng cấp hệ thống quản lý, nâng cao năng lực, năng lực cạnh tranh, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, khoa học kỹ thuật, chuyển đổi số vào trong quản lý, sản xuất kinh doanh; thực hiện Đề án Cơ cấu lại Tổng công ty đã đề ra, khẳng định được vai trò chủ đạo, trực tiếp thực hiện SXKD của Công ty mẹ đối với toàn tổ hợp.
- Đảm bảo tốt công việc, thu nhập cho Người lao động và thực hiện công tác an sinh xã hội, trách nhiệm cao với cộng đồng.

2.3 KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2024

Năm 2024 được kỳ vọng sẽ là năm bứt phá trong thực hiện Kế hoạch 5 năm 2021-2025 của kinh tế Việt Nam cũng như của Tổng công ty; dự báo ngành dầu khí trong nước có triển vọng tươi sáng nhờ giá dầu vẫn duy trì ở mức cao, các dự án thượng nguồn và sự

chuyển dịch điện khí LNG sẽ đóng góp vào sự phát triển; tình hình thế giới vẫn diễn biến phức tạp, khó lường và khó dự đoán hơn so với trước đây. HĐQT xác định Tổng công ty tiếp tục đối diện và giải quyết các vấn đề về cạnh tranh khốc liệt đối với dịch vụ kỹ thuật dầu khí, dự án, công việc trong và ngoài nước; biến đổi khí hậu và thực trạng sử dụng năng lượng trên thế giới đã tạo ra sự chuyển dịch trên toàn cầu; các dự án thuộc các nguồn năng lượng truyền thống tiếp tục giảm thị phần và làm chậm đà khai thác, phát triển; lĩnh vực dịch vụ dầu khí hiện nay có nhiều đối thủ cạnh tranh là các công ty tư nhân có nhiều lợi thế cạnh tranh riêng, đặc biệt là vấn đề bản chất chủ sở hữu, môi trường pháp lý, sự linh hoạt trong công tác đầu tư, quyết sách và các loại giải pháp; công tác phát triển dịch vụ ra nước ngoài gặp khó khăn, do khối lượng công việc dịch vụ trong khu vực ngày càng ít, sự bảo hộ cho các doanh nghiệp tại các nước sở tại ngày càng gia tăng…Để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ Kế hoạch SXKD năm 2024, HĐQT đề ra những nhiệm vụ, giải pháp chính cần thực hiện như nêu sau đây.

1. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp và nỗ lực phấn đấu với quyết tâm cao, thực hiện thành công, toàn diện mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch SXKD năm 2024, nhiệm vụ Kế hoạch 5 năm 2021-2025 của Tổng công ty, tạo nền tảng vững chắc để phát triển Tổng công ty bền vững.
2. Tái cơ cấu tổng thể PTSC phù hợp với điều kiện thực tế nhằm bảo đảm sự phát triển bền vững của PTSC hướng đến mục tiêu giảm cấp trung gian, đúng người đúng việc, đúng thu nhập, tạo động lực, năng lượng mới để phát triển sản phẩm mới, dịch vụ mới cả trong và ngoài nước. Tối ưu hóa nguồn lực, tập trung vào hiệu quả sản xuất kinh doanh và nâng cao năng suất lao động.
3. Đẩy mạnh nghiên cứu tham gia đầu tư vào các dự án năng lượng tái tạo ngoài khơi và thực hiện các dự án công trình năng lượng tái tạo ngoài khơi, phát triển năng lực để làm mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng về năng lượng tái tạo ngoài khơi (supply chain) toàn cầu; tham gia trong quá trình chuyển dịch năng lượng, năng lượng xanh, sạch; đẩy mạnh công tác phát triển kinh doanh, phát triển thị trường trong và ngoài nước, thị trường ngoài dầu khí, phát triển sản phẩm mới, tăng trưởng doanh thu, tìm thêm công việc, dự án, và quản lý thực hiện công việc thành công, hiệu quả, đồng thời đảm bảo tuân thủ Quy định hiện hành, không ngừng nâng cấp Hệ thống quản lý, tạo nền tảng vững chắc cho ổn định và phát triển doanh nghiệp; thực hiện tốt công tác hợp tác, phát triển uy tín, thương hiệu.
4. Thực hiện tốt công tác pháp chế, pháp lý bao gồm không giới hạn việc cập nhật, lưu trữ, thông tin, sử dụng, đào tạo, áp dụng. Trên cơ sở đó, đảm bảo toàn bộ các công việc, hoạt động của Tổng công ty tuân thủ, phù hợp Quy định hiện hành; phối hợp, xử lý, thực hiện tốt công tác thanh - kiểm tra, kiểm toán, giám sát, kiểm soát; xử lý tốt, hài hòa tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, bất đồng kinh tế, dân sự (nếu có).
5. Thực hiện tốt công tác tài chính, kế toán, thanh toán, thu hồi nợ, đảm bảo tình hình tài chính, vốn, dòng tiền tốt, ổn định, lành mạnh; sử dụng hiệu quả nguồn vốn, bảo toàn và phát triển vốn của Tổng công ty.

6. Đẩy mạnh tham gia trong quá trình chuyển dịch năng lượng, năng lượng xanh, sạch; đẩy mạnh công tác phát triển kinh doanh, phát triển thị trường trong và ngoài nước, thị trường ngoài dầu khí, phát triển sản phẩm mới, tăng trưởng doanh thu, tìm thêm công việc, dự án, và quản lý thực hiện công việc thành công, hiệu quả, đồng thời đảm bảo tuân thủ Quy định hiện hành, không ngừng nâng cấp Hệ thống quản lý, tạo nền tảng vững chắc cho ổn định và phát triển doanh nghiệp; thực hiện tốt công tác hợp tác, phát triển uy tín, thương hiệu.
7. Chỉ đạo, giám sát thực hiện các Dự án, công việc, hoạt động đã, đang, sẽ thực hiện đảm bảo an toàn tuyệt đối, bảo vệ môi trường, sức khỏe nghề nghiệp, chất lượng, tiến độ, hiệu quả, các Dự án, công việc thành công, đạt mức cao nhất; trên cơ sở đó, thực hiện thành công, cao nhất Kế hoạch sản xuất kinh doanh Năm 2023, các chỉ tiêu, nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch, các hoạt động đề ra, được duyệt.
8. Đẩy mạnh triển khai, áp dụng hệ thống, tổng hợp các giải pháp, liên tục cải tiến, nâng cấp, nâng cao năng lực, năng lực cạnh tranh; xây dựng và cải tiến, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro trong công việc, các hoạt động, quản trị rủi ro doanh nghiệp; thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới, quản lý tiên tiến, hiện đại vào các lĩnh vực hoạt động.
9. Thực hiện tốt, phù hợp Quy định hiện hành về chế độ, chính sách, chăm sóc, đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với Người lao động, quyền và lợi ích của các Cổ đông, Chủ sở hữu Tổng công ty. đồng thời, phối hợp thực hiện tốt công tác của các Tổ chức đoàn thể, chính trị-xã hội, công tác thi đua và phát huy hiệu quả vào các hoạt động của tổ chức.
10. Tăng cường, quản lý tốt công tác đầu tư, chỉ đầu tư khi chứng minh đảm bảo hiệu quả, thực hiện các công việc liên quan đến đầu tư đảm bảo tuân thủ Quy định hiện hành.

3. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Với chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát (BKS) là đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông, nhà đầu tư và Tổng công ty PTSC, BKS đã nỗ lực triển khai kế hoạch hoạt động kiểm tra, giám sát đã được ĐHĐCĐ thông qua năm 2023, đảm bảo tiến độ, đạo đức và tuân thủ pháp luật.

3.1 ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

BKS đã nghiêm túc thực hiện đúng các quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty. Triển khai đầy đủ các nội dung theo kế hoạch hoạt động năm 2023 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Công tác kiểm tra, giám sát của BKS được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng, hiệu quả hoạt động của Tổng công ty, các đơn vị thành viên/ trực thuộc để giúp Tổng công ty phát hiện và khắc phục những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành hoạt động và hệ thống kiểm soát nội bộ.

BKS tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư của Tổng công ty và tham gia đóng góp ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, TGĐ trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình. Các Kiểm soát viên làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, theo nguyên tắc độc lập và cẩn trọng, luôn vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển của Tổng công ty PTSC.

Trong năm 2023, BKS đã tổ chức 04 cuộc họp trực tiếp. Tất cả các cuộc họp đều đạt chất lượng, 100% thành viên tham dự cuộc họp thống nhất thông qua các nội dung chủ yếu về các mặt hoạt động của BKS.

3.2 KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kết quả giám sát công tác quản lý, đầu tư tài sản cố định và xây dựng cơ bản

Công tác đầu tư của Tổng công ty PTSC đã được triển khai theo đúng các Quy định hiện hành của Nhà nước và quy định nội bộ Tổng công ty. Các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định sau khi hoàn thành bàn giao đã được đưa vào sử dụng, quản lý, phân loại, trích khấu hao tài sản cố định theo quy định của Bộ Tài chính, việc sử dụng khai thác đã mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực thông qua kết quả kinh doanh trong năm của Tổng công ty.

Kết quả thực hiện giải ngân đầu tư năm 2023 của Công ty mẹ - PTSC là 416 tỷ đồng, đạt 22,66% kế hoạch năm. Mặc dù chưa đạt kế hoạch như kỳ vọng đề ra nhưng công tác đầu tư đã có sự tăng trưởng đột phá so với các năm gần đây, đặc biệt là các hạng mục đầu tư phục vụ thi công dự án năng lượng tái tạo ngoài khơi được triển khai quyết liệt, kịp thời đưa vào hoạt động.

Kết quả giám sát công tác tái cấu trúc, quản lý tài chính và đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác

Tính đến 31/12/2023, tổng số vốn Tổng công ty PTSC thực hiện đầu tư vào các doanh nghiệp là 4.793 tỷ đồng. Trong đó đầu tư vào các công ty con là 3.187 tỷ đồng, các công ty liên doanh liên kết là 1.603 tỷ đồng, đầu tư dài hạn khác là 3 đồng. Trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính là 936,27 tỷ đồng.

Hầu hết các Công ty con đều duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, không có đơn vị lỗ. Các Công ty liên doanh, liên kết liên quan FSO, FPSO vẫn đóng vai trò chủ đạo trong việc đóng góp vào kết quả kinh doanh chung của Tổng công ty PTSC. Giá trị cổ tức, lợi nhuận được chia về Công ty mẹ - PTSC ghi nhận trong năm 2023 là 1.199,67 tỷ đồng, bằng 25,03% giá trị các khoản đầu tư, trong đó:

- Lợi nhuận, cổ tức được chia từ các Công ty con là 442,19 tỷ đồng, bằng 13,88% giá trị các khoản đầu tư vào Công ty con;
- Lợi nhuận, cổ tức được chia từ các Công ty liên doanh, liên kết là 757,47 tỷ đồng, bằng 47,25% giá trị các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết.

- Tình hình triển khai, thực hiện công tác tái cấu trúc trong năm 2023 như sau:
- Đang triển khai giải thể Công ty PTSC Ca Rong Do Ltd theo Nghị quyết số 7283/NQ-DKVN ngày 15/12/2022 và Nghị quyết số 43/NQ-PTSC-HĐQT ngày 19/01/2023.
- Đang triển khai giải thể Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Labuan Nghị quyết số 662/NQ-PTSC-HĐQT ngày 16/10/2023.
- Đang tiến hành và các thủ tục pháp lý chấm dứt Hợp đồng Liên doanh và giải thể Công ty TNHH Khảo sát địa vật lý PTSC CGGV.
- Tiếp tục theo dõi thị trường để có các giải pháp thoái vốn của Tổng công ty PTSC tại Công ty CP Đóng mới và Sửa chữa tàu dầu khí Nhơn Trạch, Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí.

Kết quả giám sát thực hiện kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022

Ngày 13/10/2023, HĐQT Tổng công ty PTSC đã ban hành Nghị quyết số 660/NQ-PTSC-HĐQT về việc chi trả cổ tức 2022 bằng tiền mặt với tỷ lệ chi trả 7% trên mệnh giá. Tổng công ty đã hoàn thành chi trả cổ tức vào ngày 29/11/2023 theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2023.

Kết quả giám sát và thẩm định Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT

HĐQT đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm trong công tác quản lý Tổng công ty, tích cực chỉ đạo, hỗ trợ và tạo điều kiên thuận lợi để TGĐ, BKS và các tổ chức chính trị - xã hội của Tổng công ty thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định.

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã tổ chức 08 cuộc họp và 04 Chương trình kiểm tra, giám sát, 68 đợt lấy ý kiến, ban hành 321 văn bản (trong đó có 118 Nghị quyết và Quyết định) để quản lý các hoạt động của Tổng công ty. HĐQT thường xuyên giám sát hoạt động và tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định đã ban hành, giám sát tình hình hoạt động của các Đơn vị thông qua các báo cáo định kỳ của Người đại diện và các buổi làm việc trực tiếp của HĐQT với Đơn vị.

Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT đã phản ánh đầy đủ, chính xác các hoạt động của HĐQT trong việc chỉ đạo, giám sát, quản lý, quản trị trên các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty PTSC, tuân thủ các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Tổng công ty PTSC, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. Cụ thể:

- HĐQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ TGĐ và Ban điều hành trong việc thực hiện các phương án, kế hoạch kinh doanh nhằm đạt được mục tiêu kinh doanh, chỉ tiêu tài chính, phân phối lợi nhuận theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2023.
- HĐQT tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Các số liệu và chỉ tiêu tài chính trong báo cáo của HĐQT là chính xác, phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2023 và Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt nam).
- Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành đúng thẩm quyền và tuân thủ các quy định pháp luật.
- Các Thành viên HĐQT đã thực hiện, tuân thủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định/ giám sát tốt lĩnh vực được phân công phụ trách và hoạt động các đơn vị được giao.

Kết quả giám sát công tác điều hành của TGĐ, người điều hành khác của Tổng công ty và thẩm định Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2023 và kế hoạch năm 2024

TGĐ và người điều hành khác của Tổng công ty luôn làm việc tích cực với tinh thần trách nhiệm cao: đánh giá kịp thời các khó khăn, thách thức, linh hoạt và sâu sát mọi hoạt động của Tổng công ty; nỗ lực trong công tác tìm kiếm, mở rộng thị trường, phát triển các lĩnh vực kinh doanh mới; nâng cao hiệu quả sử dụng mọi nguồn lực, tối ưu hóa quy trình hoạt động SXLD; lãnh đạo Tổng công ty duy trì và đạt kết quả hoạt động SXKD năm 2023 hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm.

Báo cáo Kết quả SXKD năm 2023 đã phản ánh đầy đủ, hợp lý về tình hình SXKD và các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty PTSC, bao gồm: Dịch vụ cung ứng Tàu chuyên dụng; Dịch vụ Cung cấp, Quản lý, Vận hành, Khai thác Tàu chứa FSO/FPSO; Dịch vụ Cơ khí Dầu khí và Công trình Công nghiệp; Dịch vụ Căn cứ Cảng Dầu khí; Dịch vụ Vận chuyển, Lắp đặt, Đấu nối, Vận hành, Sửa chữa và Bảo dưỡng các Công trình Dầu khí; Dịch vụ Khảo sát Địa chấn Địa chất Công trình và Khảo sát Sửa chữa Công trình Ngầm bằng ROV, Đầu tư và kinh doanh lĩnh vực năng lượng tái tạo ngoài khơi và các dịch vụ khác. Báo cáo cũng trình bày đầy đủ về chiến lược, công tác đầu tư, công tác tái cấu trúc, công tác đào tạo… đồng thời đề ra các mục tiêu và nhiệm vụ kế hoạch cụ thể của Tổng công ty PTSC trong năm 2024.

Các số liệu và chỉ tiêu SXKD trong báo cáo Kết quả SXKD năm 2023 là chính xác, phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 308/NQ-DVKT-ĐHĐCĐ ngày 29/5/2023 và BCTC năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (Việt Nam).

Kết quả thẩm định báo cáo tài chính

Năm 2023, BKS đã làm việc với các bộ phận liên quan để thẩm định Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Qua thẩm định Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi Công ty TNHH PWC (Việt Nam), BKS nhận thấy:

- Báo cáo tài chính năm 2023 đã được thực hiện kiểm toán theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2023.
- Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán viên chấp nhận toàn phần và không có ý kiến loại trừ, phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty mẹ, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty PTSC tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ

cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

- Các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận hợp nhất sau thuế, tỷ suất lợi nhuận hợp nhất sau thuế/vốn điều lệ đều hoàn thành vượt mức kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên 2023 thông qua.
- PTSC đã bảo toàn và phát triển được vốn chủ sở hữu, thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm bảo toàn vốn gắn liền với hoạt động SXKD: thực hiện đúng chế độ quản lý vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán theo quy định; mua đầy đủ bảo hiểm tài sản theo đúng quy định; trích lập đầy đủ các khoản dự phòng theo quy định: giảm giá hàng tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi; dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính; dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá công trình xây lắp.
- Toàn bộ các tài sản của Công ty mẹ đều được quản lý theo đúng quy định của Nhà nước và quy định nội bộ của Tổng công ty, công tác kiểm kê tài sản được thực hiện đầy đủ, trích khấu hao theo đúng quy định. Công tác quản lý công nợ phải thu, phải trả luôn được kiểm soát chặt chẽ và thực hiện đối chiếu theo quy định.
- BKS nhất trí với Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023 của Tổng công ty.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGĐ và cổ đông

BKS đã phối hợp với HĐQT, TGĐ trên cơ sở đảm bảo lợi ích hợp pháp cho Tổng công ty PTSC, cổ đông theo đúng Điều lệ của Tổng công ty PTSC và quy định của pháp luật.

BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, TGĐ trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. HĐQT và TGĐ đã tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện nhiệm vụ. Cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Tổng công ty; BKS được mời tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban của Tổng công ty và các cuộc họp khác.

Năm 2023, BKS không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại, đề nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ sở hữu và thời gian nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên.

3.3 KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

Kế hoạch hoạt động năm 2024 của BKS tập trung kiểm tra, giám sát các công việc chủ yếu sau:

1. Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và tuân thủ Điều lệ Tổng công ty PTSC, Luật doanh nghiệp, pháp luật nhà nước; tình hình thực hiện và tuân thủ và các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của ĐHĐCĐ và HĐQT;
2. Kiểm tra/giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024; tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả

năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn; bảo toàn và phát triển vốn; tình hình thực hiện kế hoạch SXKD hàng quý; kiểm tra/giám sát tình hình triển khai, tiến độ thực hiện và hiệu quả các dự án đầu tư;

3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
4. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty PTSC khi xét thấy cần thiết;
5. Thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính bán niên, năm;
6. Giám sát hoạt động kiểm kê tài sản cuối năm tại đơn vị;
7. Kiểm tra/giám sát việc thực hiện tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp;
8. Xây dựng Kế hoạch hoạt động năm 2025 của BKS trình ĐHĐCĐ thông qua và tổ chức thực hiện;
9. Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước, các đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ của cổ đông lớn, của Tổng công ty trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý, hoạt động SXKD tại Tổng công ty PTSC; Giám sát việc thực hiện và xử lý các khuyến nghị tại Biên bản các đoàn kiểm tra, kiểm toán;
10. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực, mức độ tuân thủ quy chế kiểm toán nội bộ và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của đơn vị; có các kiến nghị, đề xuất nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ;
11. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ; giám sát doanh nghiệp về công tác công bố thông tin về người có liên quan và giao dịch với người có liên quan;
12. Thực hiện các công việc khác của BKS theo yêu cầu của ĐHĐCĐ và các quy định hiện hành.

4. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

4.1 TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG

PTSC hoạt động trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ kỹ thuật dầu khí nên chủ yếu là sử dụng nhân lực lao động với số lượng lớn; vận hành khai thác đội tàu dịch vụ và phương tiện nổi trên biển; vận hành các phương tiện máy móc thiết bị nâng hạ… nên có những tác động chính đến môi trường cần quan tâm như sau:

- Khí thải, trong đó bao gồm khí nhà kính phát thải trực tiếp (từ hoạt động sử dụng nhiên liệu) và khí nhà kính phát thải gián tiếp (từ hoạt động sử dụng điện, nhà thầu phụ…);
- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt người lao động là chủ yếu và một phần nhỏ nước thải công nghiệp từ hoạt động vệ sinh nhà xưởng;

– Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại từ hoạt động sản xuất hằng ngày.

Quản lý về nguồn nguyên vật liệu

Do đặc thù ngành nghề, PTSC sử dụng các nguồn nguyên vật liệu đầu vào chủ yếu là sắt thép bán thành phẩm, vật tư và khí công nghiệp (oxy, axetylen, argon…) cho sản xuất cơ khí chế tạo. Việc sử dụng tối ưu, hiệu quả và tiết kiệm các nguyên vật liệu cũng như kiểm soát, giảm thiểu các tác động đến môi trường được PTSC thực hiện thông qua các biện pháp chính như sau:

– Áp dụng Hệ thống Quản lý Sức khỏe An toàn Môi trường Chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế (ISO 9001:2015 – Hệ thống quản lý chất lượng; ISO 14001:2015 – Hệ thống quản lý môi trường; ISO 45001:2018 – Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp);

– Áp dụng hệ thống định mức kỹ thuật về tiêu hao nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư bảo dưỡng… đảm bảo sử dụng tiết kiệm và hiệu quả, giảm phát thải.

Trong năm 2023, PTSC ghi nhận thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí nguyên vật liệu được 13,530 tỷ đồng (đạt 65% kế hoạch năm).

Quản lý tiêu thụ nước, xư lý phát thải ra môi trường

Quá trình hoạt động sản xuất của PTSC sử dụng nguồn nước cấp thủy cục để phục vụ chính cho mục đích sinh hoạt của người lao động và một phần nhỏ cho mục đích vệ sinh nhà xưởng. Toàn bộ các cơ sở sản xuất đều đã đầu tư hoàn chỉnh từ đầu các công trình xử lý nước thải và vận hành nghiêm túc đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý tuân thủ các quy chuẩn bảo vệ môi trường được giám sát thông qua đo đạc quan trắc định kỳ hằng năm đầy đủ theo quy định hiện hành.

Quản lý tiêu thụ năng lượng

PTSC sử dụng các nguồn năng lượng chính gồm điện năng cho hoạt động sinh hoạt, sản xuất công nghiệp và các loại nhiên liệu (xăng, dầu DO) vận hành hành phương tiện máy móc. Vệc tiêu thụ nhiên liệu được quản lý, kiểm soát thông qua hệ thống định mức kỹ thuật; đầu tư mới, nâng cấp công nghệ phương tiện máy móc thiết bị sản xuất bằng công nghệ tiết kiệm năng lượng, sử dụng nhiên liệu sạch; tận dụng cơ hội sử dụng nguồn năng lượng tái tạo (như điện năng lượng mặt trời áp mái ngay tại cơ sở sản xuất); áp dụng hệ thống quản lý hiệu quả năng lượng cho đội tàu dịch vụ dầu khí phù hợp theo quy định của Tổ chức hàng hải thế giới IMO.

Trong năm 2023, PTSC ghi nhận thực hiện tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng được 2,570 tỷ đồng (đạt 103% kế hoạch năm).

Tuân thủ pháp luật về môi trường

Việc áp dụng Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015, PTSC đã giúp PTSC tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và quản lý, kiểm soát chặt chẽ các tác động đến môi trường với kết quả trong năm 2023: không có xảy ra sự cố

môi trường và không bị cơ quan chức năng xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, PTSC đang triển khai các chương trình như sau:

- Xây dựng Chương trình hành động xanh PTSC số 676/CTr-PTSC ngày 12/5/2023 để bước đầu triển khai các hành động, giải pháp giảm phát thải khí nhà kính hướng đến mục tiêu trung hòa các bon, phát thải thải ròng bằng không. Ngày 26/01/2024, PTSC đã thành lập Tổ công tác xây dựng chiến lược phát triển bền vững ESG để thúc đẩy nhanh việc xây dựng hệ thống, chính sách, tài liệu chiến lược phát triển bền vững theo tiêu chí ESG;
- Tiến hành kiểm kê sơ bộ khí nhà kính từ nguồn phát thải trực tiếp từ năm 2022-2023 và xác định năm 2024 là năm bản lề cho việc thu thập, thống kê số liệu hoạt động để thực hiện báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính một cách toàn diện cho năm 2024;
- Liên tục tuyên truyền vận động, khuyến khích người lao động thực hiện lối sống xanh – tiêu dùng bền vững: tiết kiệm sử dụng điện, nước và văn phòng phẩm; hạn chế sử dụng các sản phẩm nhựa; tăng cường sử dụng sản phẩm thân thiện môi trường; trồng cây, phủ xanh môi trường làm việc (trên 2.600 cây các loại được trồng xung quanh khu vực cơ sở sản xuất).

4.2 CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổng số lao động, mức lương trung bình của Người lao động

Tổng số lao động của Tổng công ty PTSC tính đến thời điểm 31/12/2023 là **7.209** người.

Thu nhập bình quân năm 2023 của Người lao động toàn Tổng công ty PTSC là 26.800.000 đồng/người/tháng, bằng 102 % so với thu nhập bình quân của Người lao động năm 2022.

1.	Phân loại theo trình độ học vấn:	Số người	Tỷ lệ (%)
-	Trên đại học:	290	4.02%
-	Đại học	3.113	43.18%
-	Cao đẳng	396	5.49%
-	Công nhân kỹ thuật và tương đương	2.092	29.02%
-	Lao động phổ thông qua đào tạo	1.318	18.28%
2.	Phân loại lao động theo nhóm độ tuổi		
-	Dưới 25 tuổi	172	2.39%
-	Từ 25 tuổi đến 35 tuổi	1.566	21.72%
-	Từ 35 tuổi đến 45 tuổi	3.298	45.75%
-	Từ 45 tuổi đến 55 tuổi	1.887	26.18%
-	Trên 55 tuổi	286	3.97%
3.	Theo giới tính		
-	Nam	6.284	87.17%
-	Nữ	925	12.83%

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

– PTSC luôn tuân thủ các yêu cầu pháp luật, đáp ứng mong muốn của khách hàng và tạo ra giá trị cốt lõi cho cả doanh nghiệp và cộng đồng. PTSC đã tích hợp các tiêu chuẩn quốc tế sau vào Hệ thống quản lý HSEQ bao gồm:

- ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng: Đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ, từ việc thiết kế đến sản xuất và giao hàng.
- ISO 14001:2015 - Hệ thống quản lý môi trường: Kiểm soát tác động tiêu cực đến môi trường và bảo vệ cộng đồng xung quanh.
- ISO 45001:2018 - Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp: Bảo vệ sức khỏe lao động, phòng ngừa bệnh nghề nghiệp và đảm bảo an toàn cho người lao động.

Trong năm 2023, PTSC đã đạt được kết quả tốt trong công tác đảm bảo sức khỏe an toàn cho người lao động như sau:

- Không xảy ra tai nạn lao động gây chết người hay gây thương tật nặng, nghiêm trọng;
- Đảm bảo 100% người lao động được tham gia chương trình khám sức khỏe định kỳ theo quy định hiện hành;
- Triển khai các dự án đạt cột mốc số giờ làm việc an toàn (không xảy ra tai nạn lao động) và được các khách hàng công nhận thành tích, khen ngợi tiêu biểu như sau:
    - Khách hàng Orsted ghi nhận Dự án chế tạo và cung cấp chân đế điện gió ngoài khơi CHW2204 đạt thành tích 2 triệu giờ làm việc an toàn không có tai nạn lao động;
    - Khách hàng Idemitsu Gas Production (Vietnam) Co., Ltd ghi nhận thành tích "3 Years LTI Free" (3 năm không có tai nạn lao động) cho hoạt động tại mỏ Sao Vàng Đại Nguyệt;
    - Khách hàng Hai Long Offshore Wind Power ghi nhận Dự án Hai Long đạt 2,5 triệu giờ làm việc an toàn;
    - Khách hàng Posco International Corporation ghi nhận Dự án chế tạo chân đế SHWE đạt 1,5 triệu giờ làm việc an toàn;
    - Khách hàng North Oil Company khen thưởng PTSC đã đóng góp cho 40 triệu giờ an toàn chung toàn dự án;
    - Khách hàng NSRP khen thưởng PTSC về đóng góp cho việc hoàn thành Dự án Turn Around 2023 của NSRP.

– Với quan điểm phát triển SXKD phải đi đôi với cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao chất lượng cuộc sống, đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng cho NLĐ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển bền vững. PTSC đã đảm bảo, duy trì công ăn việc làm, tiền lương, thu nhập và các chế độ phúc lợi khác cho Người lao động để Người lao động tận tâm làm việc.

- Ngoài việc đảm bảo quyền lợi, chế độ, chính sách phúc lợi theo Luật Lao động và Thỏa ước lao động tập thể, PTSC đã triển khai đóng BHXH bắt buộc cho NLĐ theo tiền lương chức danh thực nhận hàng tháng đảm bảo chế độ, quyền lợi tốt hơn cho NLĐ khi nghỉ hưu trí, ốm đau, chấm dứt HĐLĐ theo quy định; đồng thời mua gói bảo hiểm sức khỏe chất lượng cao cho NLĐ (PVI care) và hỗ trợ gói bảo hiểm cho người thân.
- NLĐ được trợ cấp nhân ngày thành lập PTSC, các ngày lễ, tết, ngày kỷ niệm 8/3, 20/10; các sự kiện; đồng phục; tổ chức bữa ăn giữa ca cho NLĐ, trong đó xây dựng và tuân thủ quy định an toàn vệ sinh thực phẩm để NLĐ an tâm làm việc; con em và thân nhân của NLĐ được quan tâm, chăm lo và động viên kịp thời.

Chính sách đào tạo, phát triển kỹ năng cho người lao động

Nhận thức rõ con người là yếu tố quan trọng nhất, bên cạnh việc đầu tư phương tiện, trang thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật, PTSC còn đặc biệt chú trọng đến chính sách phát triển nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ cán bộ, kỹ sư giàu kinh nghiệm, có trình độ quốc tế, đủ năng lực thực hiện các dự án trong và ngoài nước như:

- Hệ thống hóa hoạt động quản lý và phát triển đội ngũ lao động theo tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng yêu cầu làm chủ hoàn toàn các lĩnh vực dịch vụ và sẵn sàng thực hiện các dự án dầu khí, công nghiệp, năng lượng tái tạo của PTSC.
- Hoàn thiện các cơ chế, chính sách nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao là người Việt Nam; thực hiện giao khoán chi phí nhân công, quỹ tiền lương cho các bộ phận, Ban dự án, Đơn vị gắn với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tính chất, loại hình dịch vụ, lấy tăng năng suất lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh, kết quả quản lý làm cơ sở tăng lương, tăng chế độ đãi ngộ, minh bạch theo hướng chấp nhận sự khác biệt so với mặt bằng tiền lương trên thị trường lao động.
- Triển khai chiến lược đào tạo và phát triển nguồn nhân lực một cách chuyên nghiệp, bài bản với các chương trình đào tạo theo phương pháp "học đi đôi với hành", kết hợp linh hoạt giữa sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ và đào tạo – huấn luyện – thực hành giúp Người lao động tích lũy kinh nghiệm và có những bước chuyển mình mạnh mẽ;
- Liên tục đào tạo mới, đào tạo cập nhật, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ, ngoại ngữ theo chuẩn quốc tế, đáp ứng tốt nhất các yêu cầu trong xu hướng chuyển dịch năng lượng.
- Áp dụng chế độ đãi ngộ và bồi dưỡng đối với giảng viên nội bộ, khuyến khích người lao động tự tổ chức đào tạo cho nhau thông qua các khóa đào tạo nội bộ nhằm truyền năng lượng, kiến thức, kinh nghiệm và tự học hỏi lẫn nhau đồng thời tạo môi trường văn hóa học tập trong PTSC.
- Hợp tác và đồng hành cùng với các trường Đại học hàng đầu của Việt Nam để triển khai chiến lược xây dựng nguồn nhân lực nhằm tìm kiếm, đào tạo và bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cao theo tiêu chuẩn của PTSC.

4.3 CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỘNG ĐỒNG

Bên cạnh việc tập trung cải thiện, nâng cao chế độ chính sách và chăm lo đời sống tinh thần cho CBCNV, Tổng công ty còn đặc biệt quan tâm đến việc triển khai các chương trình an sinh xã hội. Qua đó thể hiện trách nhiệm, nghĩa cử cao đẹp đối với xã hội, cộng đồng, góp phần lan tỏa hình ảnh đẹp của người Dầu khí nói chung và người lao động PTSC nói riêng.

Trong năm 2023, PTSC đã giải ngân, ủng hộ với số tiền 20,1 tỷ đồng để thực hiện công tác an sinh xã hội cho các địa phương, cơ sở Y tế - Bệnh viện, Tổ chức/Quỹ/Hội. Cụ thể như sau: (i) Hỗ trợ xây dựng trạm Y tế xã Xuân Hồng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa trị giá 5 tỷ đồng; (ii) hỗ trợ Bệnh viện Đại học Y Dược TP.HCM thực hiện các hoạt động từ thiện, an sinh, khám sức khỏe cho người dân tại các địa phương với kinh phí là 1 tỷ đồng; (iii) Các chương trình đền ơn đáp nghĩa, hỗ trợ các tổ chức, quỹ, thực hiện tài trợ/hỗ trợ công tác nhân đạo khác là khoảng 14,1 tỷ đồng.

1. TỔNG QUAN HỆ THỐNG QUẢN TRỊ CỦA PTSC

Trong suốt quá trình hơn 50 năm hình thành và phát triển, PTSC luôn cam kết, nỗ lực, cố gắng liên tục trong công tác quản trị doanh nghiệp, chủ động thay đổi để duy trì và phát huy những thành quả, sự phát triển ổn định, bền vững, dài hạn của Tổng công ty, mang lại niềm tin và lợi ích cho chủ sở hữu, khách hàng, đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng và xã hội. PTSC áp dụng thực hiện quản trị công ty theo thông lệ tốt thông qua các nguyên tắc và hành động như sau:

- Đảm bảo khuôn khổ Quản trị công ty hiệu quả thông qua hệ thống các quy định quản trị nội bộ phân định rõ ràng chức năng Sở hữu - Quản lý - Điều hành – Giám sát, xác lập cơ chế trao đổi và thực hiện công việc phù hợp giữa các cấu trúc, hướng đến mục tiêu chung là phát triển bền vững PTSC. Khuôn khổ quản trị bao gồm việc tuân thủ và cập nhật, cải tiến liên tục bám sát các thông lệ quản trị tốt được khuyến cáo áp dụng;
- Thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo Điều lệ, pháp luật, tuân thủ Quy định hiện hành; đánh giá quyền và các biện pháp bảo vệ và hài hòa lợi ích cổ đông – người quản lý – người lao động và cộng đồng trong phạm vi có hoạt động của Tổng công ty;
- Thành lập bộ phận Kiểm toán nội bộ của PTSC và thực hiện việc kiểm toán nội bộ Tổng công ty và các Đơn vị theo Kế hoạch hàng năm, được báo cáo không giới hạn tới HĐQT;
- Ban hành và thực hiện Quy chế công bố thông tin và thực hiện đảm bảo tính minh bạch, kịp thời, chính xác việc công bố, giải trình, bao gồm chính sách xung đột lợi ích và giao dịch với các bên liên quan, tuân thủ Quy định hiện hành;
- Cam kết về trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường trong tất cả hoạt động của PTSC thông qua Chương trình hành động xanh PTSC; xây dựng, tích hợp thông tin ESG vào chiến lược tổng thể của PTSC để tồn tại và phát triển trong bối cảnh thách thức và liên tục chuyển đổi;
- Duy trì, thực hiện tốt văn hóa Petrovietnam, văn hóa PTSC.

PTSC cam kết sẽ tiếp tục nghiên cứu và từng bước áp dụng các thông lệ quản trị tốt nhất và tích hợp Quản trị Môi trường và Xã hội (ESG) vào quản trị doanh nghiệp, song song với việc tuân thủ chặt chẽ quy định của pháp luật Việt Nam thông qua việc cụ thể hóa vai trò và trách nhiệm giữa HĐQT và Ban Điều hành trong Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ Tổng công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, góp phần đẩy mạnh hoạt động SXKD và đảm bảo tính bền vững, kế thừa.

1.1 Cơ chế hoạt động giữa Công ty mẹ - Công ty con

Với mục tiêu tập trung và phát huy nội lực nhằm tối ưu hóa hoạt động nguồn lực toàn Tổng công ty, mỗi Đơn vị đảm nhiệm chính một loại hình dịch vụ chính trong chuỗi các loại hình dịch vụ; Tổng công ty đã định hướng, chính sách điều phối, đặc biệt là chính sách ưu tiên sử dụng dịch vụ nội bộ nhưng vẫn đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giữa các đơn vị đảm bảo hiệu quả hoạt động ở mức cao nhất và đem lại ưu thế cạnh tranh.

1.2 Hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp

Trong suốt những năm vừa qua, bên cạnh việc tuân thủ các quy định về quản trị của Tổng công ty theo đúng pháp luật Việt Nam, PTSC không ngừng xây dựng, áp dụng mô hình quản trị tiên tiến trên thế giới và trong khu vực. Trong năm 2023, PTSC đã nỗ lực xây dựng, hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp để nâng cao năng lực, năng lực cạnh tranh trên thị trường dịch vụ kỹ thuật, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, áp dụng chuyển đổi số trong việc xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp tiếp cận với những chuẩn mực tốt nhất trong khu vực, cụ thể:

- Hoàn tất việc xây dựng, ban hành Quy chế Quản trị rủi ro, Quy chế Công bố thông tin; cập nhật, sửa đổi Quy chế Kiểm toán nội bộ, Quy định công tác phí trong nước, Phân công nhiệm vụ trong HĐQT; Chỉnh sửa, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty…phù hợp, tuân thủ Quy định hiện hành.
- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp các giải pháp và áp dụng hệ thống phần mềm phục vụ công tác quản lý: Hệ thống ERP giai đoạn 1; Hệ thống quản trị nhân sự (HRM); Quản lý tài chính kế toán; Quản lý thông tin công việc (e-Office); Quản lý vật tư tài sản; Phần mềm trình ký điện tử, chữ ký số; Quản lý sức khỏe, y bạ PTSC; Thư viện điện tử (eLib); Hệ thống báo cáo thông minh B1 (Business Interlillence).
- Triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại PTSC đến năm 2025 theo phê duyệt của Tập đoàn DKVN để phát triển mạnh hơn, tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính và tham gia trong quá trình chuyển dịch năng lượng, năng lượng xanh, sạch, nâng cao hiệu quả, sức mạnh cạnh tranh và phát triển bền vững trên cơ sở giữ vững chiến lược phát triển được Tập đoàn phê duyệt. Tăng cường sự phối hợp giữa Tổng công ty với các Đơn vị và giữa các Đơn vị với nhau; tận dụng/tối ưu hóa nguồn lực trong việc tiếp cận các thị trường, dịch vụ mới, đặc biệt là lĩnh vực năng lượng tái tạo ngoài khơi.
- Ổn định tổ chức hoạt động của Tổng công ty, cải tiến và hoàn thiện lại các quy định, quy chế hiện có để hoàn chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế và tiêu chuẩn hóa theo hướng chuẩn quốc tế các lĩnh vực quản lý, thực hiện phân cấp tổ chức quản lý SXKD và đầu tư theo nguyên tắc đảm bảo phát huy tính chủ động sáng tạo tại các đơn vị, đồng thời đảm bảo khả năng quản lý và tập trung được nguồn lực để thực hiện được các nhiệm vụ chiến lược của Tổng công ty.

- Tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ coi đây là công cụ trọng yếu trong công tác quản lý điều hành của mô hình Công ty mẹ - Công ty con của Tổng công ty.
- Triển khai phổ biến văn hóa PTSC "Đoàn kết, năng động, sáng tạo và chuyên nghiệp" và phương châm hành động "Đoàn kết - kỹ cương - sáng tạo - hiệu quả" tới từng vị trí công tác, từng người lao động, tạo động lực cho người lao động phát huy tối đa khả năng của mình.
- Xây dựng phương thức quản lý, điều hành, tổ chức SXKD cấp cơ sở phù hợp với từng loại hình dịch vụ, tăng tính chủ động cho các cán bộ quản lý các cấp, gắn quyền lợi với trách nhiệm và hiệu quả công việc của người lao động.
- Duy trì, cải tiến và áp dụng có hiệu quả các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế vào hoạt động SXKD nhằm phát huy tối đa tác dụng của các hệ thống quản lý này đối với hiệu quả tổ chức SXKD của Tổng công ty và các Đơn vị thành viên.
- Rà soát, xây dựng hoàn chỉnh hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật trong toàn Tổng công ty, cải tiến quá trình làm việc để giảm chi phí quản lý, tinh giảm đội ngũ quản lý theo hướng gọn nhẹ, phù hợp với yêu cầu của công việc.

1.3 Thực hiện quản trị rủi ro và các cơ hội liên quan đến phát triển bền vững của PTSC

Tổng công ty đã ban hành Quy chế Quản trị rủi ro, thực hiện quản trị rủi ro và theo dõi thị trường, xu hướng và thay đổi để tìm kiếm cơ hội phát triển bền vững của PTSC thông qua (i) Định danh, xây dựng chiến lược và chính sách quản trị rủi ro, (ii) Giám sát sự tuân thủ các quy định pháp luật và các tiêu chuẩn về môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp, (iii) Quản lý rủi ro và chỉ đạo xây dựng kế hoạch ứng phó rủi ro, (iv) Thông tin về quản trị rủi ro và cơ hội đến cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng, bên liên quan đảm bảo tính minh bạch, tuân thủ, (v) Quản trị tài chính và nguồn lực, cẩn trọng xem xét đầu tư vào các dự án, hoạt động có tính bền vững, dài hạn.

2. CƠ CẤU HĐQT

Thành viên và cơ cấu HĐQT

Hội đồng quản trị Tổng công ty gồm bảy (07) thành viên, trong đó 04 Thành viên chuyên trách, 01 Thành viên kiêm Tổng Giám đốc và 02 Thành viên độc lập.

Thông tin về Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty, số cổ phần PVS hiện đang nắm giữ của Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty như bảng sau:

STT	Danh sách thành viên HĐQT	Chức danh	Số lượng chức danh thành viên HĐQT do từng thành viên HĐQT nắm giữ tại công ty khác	Số cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành	Tỉ lệ số cổ phần đại diện cho Công ty mẹ - Tập đoàn DKVN	Ghi chú
1.	Phan Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT (bắt đầu từ 25/5/2018, bầu lại từ ngày 08/6/2023)	0	48.551 (0,0102%)	26,38%	Chuyên trách
2.	Lê Mạnh Cường	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc (bắt đầu từ 25/5/2018, bổ nhiệm lại từ ngày 08/6/2023)	0	55.424 (0,0116%)	15,00%	Kiêm nhiệm
3.	Đỗ Quốc Hoan	Thành viên HĐQT (28/4/2021-bầu lại TV.HĐQT; 08/11/2016-bầu lần đầu)	0	5.377 (0,0011%)	0	Chuyên trách
4.	Nguyễn Xuân Ngọc	Thành viên HĐQT (từ 25/5/2018, bầu lại ngày 29/5/2023)	0	0	10,00%	Chuyên trách
5.	Trần Ngọc Chương	Thành viên HĐQT (từ 04/01/2022 đến nay)	0	0	0	Chuyên trách
6.	Hoàng Xuân Quốc	Thành viên HĐQT (từ 28/4/2022 đến nay)	1	0	0	Thành viên độc lập
7.	Đoàn Minh Mẫn	Thành viên HĐQT (từ 29/5/2023 đến nay)	1	0	0	Thành viên độc lập

Phân công nhiệm vụ trong HĐQT

Hoạt động của các Thành viên HĐQT đều được phân công nhiệm vụ cụ thể, tạo tính dân chủ và sức mạnh trí tuệ tập thể; thực hiện kiểm tra, giám sát, đốc thúc Ban Điều hành thực hiện các nội dung, nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, cấp trên giao; chủ động trao đổi, thảo luận và nêu ý kiến trong lĩnh vực được phân công, cụ thể nêu sau đây.

Ông Phan Thanh Tùng – Chủ tịch HĐQT

- Thực hiện, tuân thủ các quyền và nghĩa vụ của Thành viên, Chủ tịch HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Tổng công ty và các quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực công việc phụ trách và giám sát hoạt động các Đơn vị, Bộ phận được giao.

- Lĩnh vực phụ trách: Trực tiếp chỉ đạo xây dựng và triển khai định hướng, chiến lược phát triển trung và dài hạn của Tổng Công ty; trực tiếp chỉ đạo công tác tổ chức, nhân sự; công tác đoàn thể, các vấn đề liên quan đến các tổ chức chính trị-xã hội; ban hành, sửa đổi các quy chế, quy định, chính sách chung của Tổng công ty; giải quyết các khiếu nại, tố cáo đối với cán bộ quản lý Tổng công ty.

Ông Lê Mạnh Cường – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

- Thực hiện, tuân thủ các quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Tổng công ty và các quy định liên quan khác (ngoài việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc); hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực công việc phụ trách và giám sát hoạt động các Đơn vị được giao.
- Lĩnh vực phụ trách: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, phụ trách SXKD của Tổng công ty; phụ trách Dịch vụ Cơ khí dầu khí; Dịch vụ, dự án, công việc liên quan kho nổi FSO, FPSO, MOPU, MOPSU…; O&M các công trình dầu khí, công nghiệp ; công tác phát triển kinh doanh, dịch vụ mới, thương mại, thị trường, khách hàng, hợp tác, liên danh, liên kết, bảo lãnh thương mại; công tác xây dựng & phát triển thương hiệu, văn hóa doanh nghiệp; công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật

Ông Nguyễn Xuân Ngọc – Thành viên HĐQT

- Thực hiện, tuân thủ các quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Tổng công ty và các quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực công việc phụ trách và giám sát hoạt động các Đơn vị được giao.
- Lĩnh vực phụ trách: Dịch vụ, dự án, công việc liên quan dầu khí Biển (offshore, ngoài liên quan Tàu biển, FSO, FPSO, MOPU, MOPSU, Cơ khí dầu khí mà thuộc phân công của Thành viên HĐQT khác); dịch vụ, dự án, công việc liên quan Cảng; liên quan tài chính, đầu tư tài chính, kế toán và kiểm toán, tài sản, đầu tư, đấu thầu, mua sắm, bảo hiểm, và công tác thanh kiểm tra, giám sát có liên quan; các việc liên quan cổ đông, cổ phiếu, chứng khoán, nhà đầu tư; công tác tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng; công tác quan hệ với truyền thông, phương tiện thông tin đại chúng, phát ngôn, cung cấp thông tin, quan hệ công chúng, kênh thông tin, bản tin nội bộ Tổng công ty.

Ông Đỗ Quốc Hoan – Thành viên HĐQT

- Thực hiện, tuân thủ các quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Tổng công ty và các quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực công việc phụ trách và giám sát hoạt động các Đơn vị được giao.
- Lĩnh vực phụ trách: Dịch vụ, dự án, công việc liên quan Tàu biển, bao gồm cả tàu dịch vụ, khảo sát biển dùng tàu, khảo sát địa chấn, địa chất và công trình ngầm, ROV; hệ thống quản lý, sức khỏe, an toàn, môi trường chất lượng; công tác bảo vệ, an ninh an

toàn dầu khí, an ninh trật tự, an ninh quốc phòng, an ninh biển đảo, phòng chống khủng bố, cướp biển, ứng cứu tình huống khẩn cấp; công tác tuân thủ pháp luật, tuân thủ Quy định hiện hành, hệ thống văn bản quản lý nội bộ.

Ông Trần Ngọc Chương – Thành viên HĐQT

- Thực hiện, tuân thủ các quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Tổng công ty và các quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực công việc phụ trách và giám sát hoạt động các Đơn vị được giao.
- Lĩnh vực phụ trách: Dịch vụ, dự án, công việc liên quan trên Bờ (onshore); giúp Chủ tịch HĐQT chỉ đạo, quản lý, đôn đốc công tác xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển của Tổng công ty; công tác tái cấu trúc toàn Tổng công ty; công tác đào tạo, tiền lương, thù lao, chế độ chính sách; công tác thanh, kiểm tra khác; quản lý Người đại diện tại các Đơn vị; công tác an sinh - xã hội.

Ông Hoàng Xuân Quốc – Thành viên độc lập HĐQT

- Thực hiện, tuân thủ các quyền và nghĩa vụ của Thành viên độc lập quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Tổng công ty và các quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực công việc phụ trách và giám sát hoạt động các Đơn vị được giao.
- Lĩnh vực phụ trách: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thành viên độc lập theo Quy định hiện hành; dịch vụ, dự án, công việc liên quan Năng lượng tái tạo ngoài khơi; công tác nghiên cứu, phát triển khoa học, kỹ thuật, công nghệ, hệ thống định mức, chuyển đổi số, sáng kiến, sáng chế, cải tiến của Tổng công ty; công tác quản trị rủi ro.

Ông Đoàn Minh Mẫn – Thành viên độc lập HĐQT

- Thực hiện, tuân thủ các quyền và nghĩa vụ của Thành viên độc lập quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Tổng công ty và các quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực công việc phụ trách và giám sát hoạt động các Đơn vị được giao.
- Lĩnh vực phụ trách: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thành viên độc lập theo Quy định hiện hành; hỗ trợ công việc liên quan tài chính, đầu tư tài chính, kế toán và kiểm toán; công tác theo dõi hợp đồng với Người có liên quan.

3. QUẢN TRỊ RỦI RO

3.1 RỦI RO VỀ THỊ TRƯỜNG

Nhận diện

Trong bối cảnh hội nhập, Việt Nam không tránh được rủi ro được vì nền kinh tế đang chuyển đổi, quy mô còn nhỏ, sức chống chịu với tác động bên ngoài còn hạn chế... Tuy nhiên, từ 2020 đến nay, Việt Nam vẫn là một nền kinh tế có khả năng chống chịu ở mức "trung bình – khá", là một trong số ít các nền kinh tế duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế dương.

Nhìn lại năm 2023 là một năm khó khăn chung của thế giới, có nhiều biến động như căng thẳng địa chính trị vẫn dai dẳng, đan xen với chủ nghĩa bảo hộ, cạnh tranh giữa các nước lớn, ngân hàng trung ương của hầu hết các nước thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt để kiềm chế lạm phát, từ đó tác động tiêu cực tới hoạt động kinh tế - xã hội… Cũng chịu tác động bởi những lý do trên, thị trường dầu khí trong năm qua đã có nhiều biến động lớn:

- Nhu cầu tiêu thụ dầu khí tăng cao ở tất cả hầu hết các khu vực để đáp ứng mức độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu.
- Tuy nhiên, đối nghịch với như cầu tăng cao là sự thiếu hụt nguồn cung toàn cầu do các lệnh cấm vận và kế hoạch cắt giảm nguồn cung từ các nước sản xuất lớn. Tháng 4/2023, các thành viên OPEC+ đã tuyên bố tự nguyện cắt giảm 1.16 triệu thùng dầu mỗi ngày đến hết cuối năm 2023, trong khi đó UAE cũng thông báo sẽ cắt giảm 144.000 thùng/ngày trong giai đoạn giữa năm 2023. Thêm vào đó, lệnh cấm vận dầu mỏ đối với Nga cũng là một trong những nguyên nhân khiến nguồn cung dầu sụt giảm đáng kể và làm mất ổn định thị trường năng lượng toàn cầu nói chung và thị trường dầu khí nói riêng.

Tại thị trường trong nước, sản lượng khai thác dầu thô cũng liên tục giảm mạnh trong những năm gần đây do sự thiếu vắng của các dự án nguồn trọng điểm. Nguồn cung khí đang trong giai đoạn suy giảm mạnh về sản lượng, đặc biệt tại các nguồn khí giá rẻ, thay vào đó, sản lượng khí tự nhiên chủ yếu đến từ các nguồn khí có giá cao như Thiên Ưng, Đại Hùng, Sao Vàng – Đại Nguyệt, PM3 – Cà Mau mua từ Malaysia…Tuy nhiên, Thị trường dầu khí Việt Nam năm 2023 có tăng trưởng nhờ các khoản đầu tư từ việc khởi động các dự án dầu khí mới.

Biện pháp quản trị

Triển khai đồng bộ các giải pháp đã đề ra, tập trung tối ưu hóa nguồn lực, phát triển dịch vụ theo chuỗi giá trị dựa trên lợi thế quy mô và đa dịch vụ của PTSC, chú trọng vào các dịch vụ cốt lõi trong hoạt động SXKD.

- Liên tục đổi mới, cải tiến nhằm nâng cao năng lực, năng lực cạnh tranh cũng như tìm hiểu, phát triển các sản phẩm dịch vụ mới, khách hàng mới; nghiên cứu đầu tư, tham gia thực hiện các dự án trên bờ bổ sung vào các hoạt động SXKD bên cạnh các dự án ngoài khơi hiện tại.
- Duy trì phong cách làm việc, môi trường và văn hóa chuyên nghiệp trong toàn Tổng công ty;

- Nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp, áp dụng các nguyên tắc và thông lệ quản trị tiên tiến trên thế giới.
- Đổi mới cơ chế tuyển dụng, đào tạo và sử dụng lao động, đặt lợi ích NLĐ gắn liền với sự phát triển của Tổng công ty PTSC.

3.2 RỦI RO VỀ CHÍNH SÁCH

Nhận diện

Một trong những thay đổi đáng kể trong chính sách pháp luật về đầu tư – đấu thầu trong năm 2023 là Luật Đấu thầu mới được ban hành. Theo đó, các doanh nghiệp cấp II thuộc Tập đoàn kinh tế có vốn nhà nước, trên cả hai phương diện là chủ đầu tư và là nhà thầu, đều chịu sự ảnh hưởng, tác động không nhỏ.

Các quy định mới của Luật Đấu thầu, ngoài việc hướng đến tạo sân chơi bình đẳng cho các nhà thầu trong nước và cả nước ngoài, còn sửa đổi các quy trình đấu thầu theo hướng chặt chẽ hơn về thủ tục, điều kiện, về tính đảm bảo cạnh tranh. Trong hoàn cảnh thị trường dịch vụ dầu khí truyền thống ngày càng khó khăn, ở góc độ nhà thầu tham dự các gói thầu, sự cạnh tranh với các nhà thầu nước ngoài chắc chắn cũng sẽ tạo nên những áp lực mới cho các nhà thầu dịch vụ trong nước.

Ở phương diện là chủ đầu tư, khi Luật Đấu thầu thu hẹp phạm vi, đối tượng áp dụng, một mặt sẽ tạo nên sự chủ động, linh hoạt và kịp thời để có thể thích ứng, cạnh tranh linh hoạt trên thị trường và gia tăng cơ hội kinh doanh. Mặt khác, cũng cũng đồng nghĩa với việc nâng cao trách nhiệm của Chủ đầu tư trong hoạt động đầu tư, mua sắm, lựa chọn nhà thầu. Khi không còn thuộc đối tượng áp dụng, doanh nghiệp sẽ phải chủ động hơn, linh hoạt hơn. "Trọng trách" của của các cấp quản trị, điều hành tại doanh nghiệp sẽ gia tăng và áp lực sẽ lớn hơn. Chính vì vậy, PTSC cần phải nhanh chóng nghiên cứu, xây dựng quy định riêng cho hoạt động đầu tư, mua sắm, lựa chọn nhà thầu cho mình, làm sao đáp ứng đặc thù sản xuất kinh doanh mà vẫn đảm bảo hiệu quả, tuân thủ quy định chung.

Đối với lĩnh vực dầu khí, khâu thượng nguồn có nhiều chuyển biến tích cực về cả kế hoạch gia tăng sản lượng và phát triển mỏ mới. Chuỗi Dự án Khí - Điện Lô B-Ô Môn chính thức đi vào triển khai. Trong năm 2023, Nghị định 45/2023/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Dầu khí và các văn bản hướng dẫn đã được Chính phủ ban hành. Ngành Dầu khí tiếp tục đẩy mạnh kiến nghị các chính sách tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí, đầu tư phát triển mỏ, đồng thời kiến nghị phê duyệt, áp dụng nhiều giải pháp tháo gỡ vướng mắc tại các dự án còn tồn đọng, khó khăn trong nước.

Mặc dù vậy, đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài, đến nay khung pháp lý vẫn còn nhiều bất cập. Bên cạnh đó, chưa có các quy định rõ ràng để có thể tạo hàng rào kỹ thuật nhằm bảo hộ sản xuất, khuyến khích, gia tăng năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp dịch vụ trong nước. Nhà thầu nước ngoài được tạo điều kiện dễ dàng hơn khi tham gia đấu thầu cung cấp dịch vụ dầu khí tại Việt Nam dẫn đến cạnh tranh ngày càng cao với các nhà thầu trong nước.

Trong xu hướng chuyển dịch năng lượng và cam kết giảm lượng phát thải khí nhà kính về 0 (Net Zero) vào năm 2050, Chính phủ đang dần hiện thực hóa chủ trương chủ trương phát triển ngành năng lượng tái tạo ngoài khơi (NLTTNK) như một ngành kinh tế biển mới, trong đó thúc đẩy khai thác điện gió, năng lượng gió. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cũng đang xây dựng chiến lược tổng thể phát triển bền vững đến năm 2045, trong đó chú trọng vào đổi mới công nghệ và chuyển dịch năng lượng. Sau giai đoạn khởi động, PTSC thực sự đã tham gia sâu vào thị trường NLTTNK với mục tiêu trở thành nhà phát triển, nhà đầu tư các dự án và hiện đã đạt được nhiều hợp đồng với tổng doanh số 1,5 tỷ USD đơn hàng trong lĩnh vực NLTTNK. Đến nay, PTSC đã có thể thực hiện được tất cả các công đoạn của loại hình năng lượng tái tạo ngoài khơi. Năm 2023, PTSC cũng được Bộ Tài nguyên và Môi trường chấp thuận hoạt động quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên biển phục vụ dự án đầu tư, phát triển Điện gió Ngoài khơi xuất khẩu sang Singapore. Đặc biệt, PTSC được Chính phủ và các cấp Bộ ngành ủng hộ mạnh mẽ trong dự án đầu tư xuất khẩu điện sang Singapore theo thỏa thuận hợp tác với Sembcorp Utilities Ltd. Dự án đã được Cơ quan Quản lý thị trường năng lượng Singapore (EMA) phê duyệt.

Trong năm qua, Quy hoạch phát triển điện quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 đã được Chính phủ ban hành. Chính phủ cũng đặt mục tiêu sửa đổi một số nhóm ngành luật đồng thời bước đầu nghiên cứu, xây dựng và ban hành Luật về năng lượng tái tạo. Vấn đề xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp trong nước tham gia phát triển năng lượng tái tạo, phát triển công nghiệp năng lượng tái tạo, năng lượng mới phục vụ trong nước và xuất khẩu, phát triển công nghiệp chế tạo thiết bị ngành điện, đẩy mạnh phát triển điện gió trên bờ và ngoài khơi, bao gồm cả chủ trương áp dụng thí điểm cơ chế hợp đồng mua bán điện cũng đã được đưa ra bàn thảo. Tuy vậy, ở cấp độ vĩ mô, các chủ trương về phát triển NLTTNK vẫn chưa được cụ thể hóa thành các văn bản pháp quy cụ thể, chưa được luật hóa. Cơ chế phát triển NLTTNK vẫn chưa hoàn thiện và chưa có hành lang pháp lý đầy đủ đối với lĩnh vực này. Các chính sách ưu tiên thúc đẩy, ưu đãi các nhà đầu tư trong nước phát triển dự án hầu như chưa được chú trọng.

Biện pháp quản trị

PTSC trước hết vẫn đảm bảo tuân thủ pháp luật chung trong hoạt động SXKD. Bên cạnh đó, PTSC cũng có các điều chỉnh cần thiết để đảm bảo phù hợp với các quy định mới, định hướng, chiến lược phát triển ngành và các lĩnh vực hoạt động mà PTSC đang triển khai, phù hợp với yêu cầu quản trị điều hành.

Bên cạnh đó, PTSC cũng tăng cường kiểm soát, thiết lập cơ chế phân cấp quản lý về đầu tư, mua sắm, đề cao trách nhiệm của các cá nhân, tập thể. PTSC cũng xây dựng, củng cố cơ chế nội bộ về phân cấp, ủy quyền, phân công, giao nhiệm vụ, cơ chế báo cáo, giám sát, kiểm tra, kiểm toán, đánh giá nội bộ, kiểm soát nội bộ… Hệ thống văn bản quy phạm nội bộ được xây dựng tương đối đầy đủ, thống nhất, chặt chẽ và phát huy hiệu quả cao.

Đồng thời, PTSC vẫn đảm bảo tuân thủ các tiêu chí quy định đối với công ty đại chúng, công khai, minh bạch, đảm bảo sự giám sát của các cổ đông, ban kiểm soát, của các cấp có thẩm quyền (ĐHĐCĐ, HĐQT).

Với đặc thù đa dịch vụ, cung cấp theo chuỗi khép kín, trải dài nhiều lĩnh vực, công tác đầu tư, mua sắm vật tư, trang thiết bị liên tục và đa dạng, PTSC đã nhanh chóng rà soát, sửa đổi các quy định, quy trình mua sắm – đầu tư phù hợp với sự thay đổi của Luật Đấu thầu trên nguyên tắc đảm bảo cạnh tranh, minh bạch, kịp thời và hiệu quả kinh tế.

Đồng thời, PTSC vẫn tiếp tục rà soát, cập nhật, cải tiến hệ thống quy định nội bộ để đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật, tạo cơ sở pháp lý vững chắc trong quản lý, điều hành: Quy chế quản trị rủi ro, Quy định công tác pháp chế và đảm bảo tuân thủ, Quy trình thanh toán và tạm ứng, Quy trình quản lý vật tư thiết bị còn lại sau dự án…

PTSC cũng duy trì tích cực công tác tuyên truyền phổ biến, đào tạo pháp luật, chú trọng việc tham gia xây dựng pháp luật, chủ động đóng góp ý kiến đối với các văn bản pháp luật liên quan, trong đó có thể kể đến các ý kiến đóng góp đối với Nghị định hướng dẫn Luật Dầu khí, góp ý Luật Đấu thầu trước khi Luật ban hành; Nghị định hướng dẫn Luật Đấu thầu; các Thông tư về cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; ý kiến xây dựng luật về năng lượng tái tạo…

Trong năm 2024, PTSC sẽ tiếp tục cải tiến hệ thống các quy định nội bộ, tái cơ cấu các bộ phận chức năng, tiếp tục hoàn thiện cơ chế phân cấp, ủy quyền, giao nhiệm vụ, phân công công việc. Bên cạnh đó, tiếp tục tuyên truyền phổ biến pháp luật, xây dựng chính sách pháp luật, đóng góp ý kiến đối với các văn bản pháp luật và tiếp tục gửi các kiến nghị về cơ chế chính sách nhằm tiến tới tạo thuận lợi hơn để PTSC có thể phát triển kinh doanh mạnh mẽ hơn trong nước, ngoài nước và ngoài ngành, gửi các kiến nghị đến các cấp có thẩm quyền về cơ chế đặc thù đối với dịch vụ dầu khí.

Đối với chiến lược phát triển năng lượng tái tạo ngoài khơi, PTSC sẽ tiếp tục kiến nghị Chính phủ, các cấp có thẩm quyền sớm hoàn thiện cơ chế chính sách, đồng thời kiến nghị sửa đổi, bổ sung một số văn bản pháp luật hiện hành theo hướng tạo hành lang pháp lý và môi trường thuận lợi để các doanh nghiệp như PTSC phát triển dự án, xuất khẩu dịch vụ, xuất khẩu công trình, sản phẩm hàng hóa ra nước ngoài trong lĩnh vực năng lượng tái tạo ngoài khơi phù hợp với chủ trương, chính sách của Nhà nước. Theo đó, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan cần được xây dựng đầy đủ, không chỉ Luật về Năng lượng tái tạo, Luật Biển mà các nhóm ngành Luật liên quan (Điện lực, Dầu khí, Đầu tư…), quy chuẩn kỹ thuật, các văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, quy trình đầu tư, thẩm định, lựa chọn nhà đầu tư cụ thể trong lĩnh vực này. Trước mắt, PTSC cũng kiến nghị khi chưa kịp xây dựng, hoàn thiện cơ chế chính sách ổn định, lâu dài cho năng lượng tái tạo ngoài khơi, Chính phủ cần có các văn bản/ cơ chế/ đề án cho phép các doanh nghiệp có đủ năng lực, điều kiện… áp dụng triển khai một số dự án theo cơ chế thí điểm, chính sách đặc thù.

3.3 RỦI RO VỀ TÀI CHÍNH

Nhận diện rủi ro

- Rủi ro tín dụng: xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không tuân thủ các nghĩa vụ trong hợp đồng, không thực hiện thanh toán nợ đúng hạn hoặc không có khả năng thực hiện thanh toán nợ, dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng công ty PTSC.

- Rủi ro lãi suất: PTSC có các khoản huy động vốn từ các Tổ chức tín dụng trong và ngoài nước để đáp ứng nhu cầu đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh nên có rủi ro về lãi suất.
- Rủi ro tỷ giá: Khách hàng, Nhà cung cấp của PTSC đến từ nhiều khu vực địa lý khác nhau và phần lớn có yếu tố nước ngoài nên có các khoản thu chi bằng ngoại tệ lớn làm phát sinh rủi ro tỷ giá.
- Rủi ro thanh khoản: Tổng công ty PTSC có hoạt động kinh doanh đa dạng với nhiều lĩnh vực dịch vụ cần đầu tư tài sản giá trị lớn như phương tiện nổi, tàu dịch vụ, hệ thống cảng, thiết bị nâng hạ và các dịch vụ cần vốn lưu động lớn như cơ khí chế tạo nên luôn luôn có rủi ro thanh khoản tiềm ẩn.

Biện pháp quản trị

Việc nhân diện được các rủi ro tài chính và đề ra các biện pháp quản trị rủi ro được PTSC thực hiện thường xuyên và liên tục cải tiến qua từng năm, cụ thể:

- Đối với rủi ro tín dụng, trước khi tham gia một gói thầu hoặc thực hiện một hợp đồng bất kỳ, PTSC đều thực hiện đánh giá tình hình tài chính và hoạt động các khách hàng, đối tác để đảm bảo khả năng thực hiện hợp đồng và đưa ra một chính sách tín dụng phù hợp. Định kỳ, PTSC sẽ thực hiện đối chiếu nợ, đánh giá lịch sử tín dụng và có các thư xác nhận, thông báo, nhắc nhở khách hàng và đối tác về thanh toán nợ. Đối với một số khách hàng có rủi ro tín dụng cao, PTSC sẽ yêu cầu thực hiện bảo lãnh thanh toán từ Tổ chức tín dụng có uy tín hoặc bảo lãnh công ty mẹ.
- Đối với rủi ro lãi suất, PTSC đã tiếp cận huy động vốn từ thị trường vốn trong nước và quốc tế bằng cả nội tệ và ngoại tệ để đa dạng hóa nguồn huy động, tránh bị ảnh hưởng đột biến từ một thị trường. Ngoài ra để giảm thiểu rủi ro từ việc biến động lãi suất, Tổng công ty PTSC đã thu xếp vốn, thực hiện các nghiệp vụ phái sinh cố định lãi suất, duy trì mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.
- Đối với rủi ro về tỷ giá, PTSC quản trị bằng chính sách cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ nhằm đảm bảo giảm thiểu rủi ro về tỷ giá thông qua việc ký kết hợp đồng với khách hàng theo đối ứng với khoản ngoại tệ phải trả cho nhà cung cấp. Ngoài ra, PTSC cũng sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để quản lý dòng tiền ngoại tệ như giao dịch hoán đổi ngoại tệ, hợp đồng mua kỳ hạn,… để tăng thu nhập tài chính.
- Đối với rủi ro thanh khoản, PTSC quản trị bằng các quy chế, quy định cụ thể đảm bảo cân đối dòng tiền của mỗi dự án, mỗi công việc, mỗi hợp đồng luôn được kiểm soát; thời gian thu hồi nợ phải thu luôn nhỏ thời gian thanh toán nợ phải trả; sử dụng các nguồn vốn dài hạn để đầu tư các tài sản dài hạn.

3.4 RỦI RO VỀ HOẠT ĐỘNG AN TOÀN, SỨC KHỎE, NGHỀ NGHIỆP, MÔI TRƯỜNG VÀ CHẤT LƯỢNG

Nhận diện rủi ro

Trong bối cảnh thế giới đang đối mặt với nhiều biến động, xu hướng toàn cầu hóa và những đột phá về công nghệ, việc quản trị rủi ro ngày càng trở nên phức tạp và quan trọng hơn bao giờ hết. Công nghệ đang mang đến những cơ hội mới, nhưng cũng đồng thời tạo ra những rủi ro không thể bỏ qua.

PTSC đã nhận thấy rằng việc quản trị rủi ro không thể chỉ đơn thuần là đối phó, mà cần phải liên kết chặt chẽ với chiến lược kinh doanh. Nếu chỉ tập trung vào việc đối phó với rủi ro sẽ không thể đáp ứng kịp thời với diễn biến thực tế và có thể gây tăng chi phí tuân thủ mà không đem lại hiệu quả thực sự.

Biện pháp quản trị

Để giảm thiểu rủi ro về hoạt động an toàn, sức khỏe, nghề nghiệp, môi trường và chất lượng, PTSC đã và đang xây dựng Hệ thống quản trị rủi ro toàn diện (QTRR) theo nguyên tắc bảo vệ và gia tăng các giá trị gắn liền với mục tiêu, kế hoạch hành động, hoạt động sản xuất kinh doanh của PTSC; đảm bảo cân đối giữa chi phí, lợi ích và mục tiêu.

Trong năm 2023, PTSC đã ban hành Chính sách Quản trị rủi ro vào ngày 01/02/2023 và Quy chế Quản trị rủi ro vào ngày 16/5/2023. Hiện tại, PTSC đang tiếp tục hoàn thiện Hệ thống Quản trị rủi ro đồng bộ trong toàn PTSC để đạt được các mục tiêu chiến lược.

Song song với việc hoàn thiện Hệ thống Quản trị rủi ro, PTSC đang thực hiện các giải pháp gồm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, con người, hệ thống quản lý, đổi mới công nghệ, số hóa và chuyển đổi số nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho các lĩnh vực chính của mình và phù hợp với quy định hiện hành. PTSC cũng đang theo đuổi và sẵn sàng nâng cao năng lực thiết kế, gia công, chế tạo, lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng các công trình Năng lượng tái tạo ngoài khơi.

Trong thời gian tới, PTSC cam kết theo đuổi việc thực hiện Quản trị rủi ro toàn diện, đảm bảo tính linh hoạt và thích ứng để đối phó với những thay đổi bất ngờ và duy trì một mức độ rủi ro phù hợp để tận dụng cơ hội đầu tư và tăng trưởng. Các biện pháp quản lý rủi ro được giám sát và đánh giá định kỳ để đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả và đáp ứng các yêu cầu pháp luật, đạt được các mục tiêu sản xuất kinh doanh và đáp ứng kì vọng của cổ đông và các bên liên quan.

4. THÙ LAO VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2023

- Chi phí tiền lương, thù lao, phụ cấp Tổng công ty chi trả cho HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc phù hợp và tuân thủ theo Nghị quyết số 308/NQ-DVKT-ĐHĐCĐ ngày 29/5/2023 và Quy định hiện hành.
- Chi tiết tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của từng Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc năm 2023 như sau:

Stt	**Họ và tên**	**Chức danh**	**Ngày bắt đầu**	**Ngày kết thúc**	**Số tháng**	***Tiền lương, thù lao (VNĐ)***	***Phụ cấp (VNĐ)***	***Thưởng Ban điều hành và lợi ích khác (VNĐ)***	**TỔNG THU NHẬP TRƯỚC THUẾ (VNĐ)**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)=(7+8+9)*
1	Phan Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT	01/01/2023	31/12/2023	12	2.159.318.000	-	1.992.259.000	4.151.577.000
2	Lê Mạnh Cường	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	01/01/2023	31/12/2023	12	2.278.179.000	-	1.842.459.000	4.120.638.000
3	Đỗ Quốc Hoan	Thành viên HĐQT	01/01/2023	31/12/2023	12	1.796.554.000	-	1.535.983.000	3.332.537.000
4	Nguyễn Xuân Ngọc	Thành viên HĐQT	01/01/2023	31/12/2023	12	1.747.643.000	-	1.422.290.000	3.169.933.000
5	Trần Ngọc Chương	Thành viên HĐQT	01/01/2023	31/12/2023	12	1.658.357.000	-	1.274.750.000	2.933.107.000
6	Hoàng Xuân Quốc	Thành viên HĐQT (độc lập)	01/01/2023	31/12/2023	12	-	180.000.000	300.000.000	480.000.000
7	Đoàn Minh Mẫn	Thành viên HĐQT (độc lập)	29/5/2023	31/12/2023	7	-	105.000.000	-	105.000.000
8	Nguyễn Trần Toàn	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2023	31/12/2023	12	1.796.554.000	-	1.724.436.000	3.520.990.000
9	Tạ Đức Tiến	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2023	31/12/2023	12	1.562.947.000	-	1.524.536.000	3.087.483.000

Stt	Họ và tên	Chức danh	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Số tháng	*Tiền lương, thù lao (VNĐ)*	*Phụ cấp (VNĐ)*	*Thưởng Ban điều hành và lợi ích khác (VNĐ)*	TỔNG THU NHẬP TRƯỚC THUẾ (VNĐ)
10	Trần Hồ Bắc	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2023	31/12/2023	12	1.747.643.000	-	1.923.969.000	3.671.612.000
11	Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2023	31/12/2023	12	1.747.643.000	-	1.457.590.000	3.205.233.000
12	Trần Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2023	31/12/2023	12	1.658.357.000	-	1.328.789.000	2.987.146.000
13	Phạm Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2023	31/12/2023	12	1.444.354.000	-	374.709.000	1.819.063.000
14	Lê Cự Tân	Phó Tổng Giám đốc	07/11/2023	31/12/2023	2	122.880.000	-	1.000.000	123.880.000
15	Nguyễn Văn Bảo	Kế toán trưởng	01/01/2023	31/12/2023	12	1.475.373.000	-	1.275.175.700	2.750.548.700
16	Bùi Thu Hà	Trưởng Ban Kiểm soát	01/01/2023	31/12/2023	12	1.475.373.000	-	1.228.129.700	2.703.502.700
17	Bùi Hữu Việt Cường	Kiểm soát viên	01/01/2023	31/12/2023	12	1.183.308.000	-	1.021.425.700	2.204.733.700
18	Phạm Văn Tiến	Kiểm soát viên	01/01/2023	31/12/2023	12	1.029.441.000	-	979.349.700	2.008.790.700
	TỔNG CỘNG					**24.883.924.000**	**285.000.000**	**21.206.850.800**	**46.375.774.800**

V. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. TỔNG QUAN MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Quá trình chuyển đổi năng lượng đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu, hướng đến các nguồn năng lượng tái tạo với mục tiêu đảm bảo an ninh năng lượng của mỗi quốc gia và cùng chung ta giải quyết các vấn đề cấp bách chống khủng hoảng khí hậu, hướng đến mức phát thải ròng carbon về 0 (Net zero) vào năm 2050 mà Chính phủ Việt Nam đã cam kết tại COP26.

Căn cứ trên sự tương đồng giữa chuỗi dịch vụ phát triển của các dự án dầu khí và dự án năng lượng tái tạo ngoài khơi (NLTTNK), PTSC đã và đang có rất nhiều lợi thế để tham gia sâu vào chuỗi cung ứng cho các dự án NLTTNK tại khu vực và trên toàn cầu. Từ năm 2022, PTSC đã thực hiện nhiều thay đổi mang tính chiến lược trong tư duy sản xuất, dần chuyển dịch và mở rộng mô hình sản xuất từ đơn chiếc (single/one-off production) sang sản xuất hàng loạt, quy mô lớn, năng suất cao (mass & lean production), tức chu trình sản xuất theo chuỗi khép kín hoàn toàn khác biệt với các dự án dầu khí truyền thống. Bên cạnh đó, PTSC đã tăng cường công tác đầu tư nhằm nâng cấp hệ thống trang thiết bị, cơ sở vật chất; sắp xếp, tái bố trí mặt bằng và mở rộng diện tích bãi chế tạo tại khu vực Cảng hạ lưu Vũng Tàu (hiện đang là bãi chế tạo lớn nhất trong khu vực); tổ chức nhiều chương trình đào tạo chuyên sâu cho lực lượng lao động tại tất cả các đơn vị thành viên; thúc đẩy và mở rộng hợp tác đối tác chiến lược trong và ngoài nước; và đặc biệt, PTSC mong muốn tiếp tục đóng góp vai trò của mình, phối hợp cùng chính quyền tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, thúc đẩy các cơ hội hợp tác, đầu tư tiến đến mục tiêu phát triển tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thành Trung tâm NLTTNK tại Việt Nam và khu vực.

Về định hướng hoạt động trong năm 2024 và các năm sắp tới, PTSC sẽ tập trung tối đa nguồn lực để thực hiện thành công các hợp đồng đã ký cho dự án Khí lô B và các dự án NLTTNK, triển khai công tác khảo sát cho Dự án NLTTNK xuất khẩu điện sạch sang Singapore với mục tiêu phát điện vào năm 2033, góp phần thực hiện định hướng của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cùng các doanh nghiệp khác xây dựng "Nền kinh tế Năng lượng tuần hoàn xanh" cho Việt Nam và khu vực. PTSC cùng các địa phương sẽ hợp tác, hỗ trợ nhau, đẩy mạnh liên kết vùng để thúc đẩy khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam phát triển, tiếp tục đẩy mạnh phát triển chuỗi cung ứng năng lượng tái tạo ngoài khơi, nhanh chóng hình thành trung tâm năng lượng tái tạo tại phía Nam phù hợp với Quy hoạch điện VIII mà Chính phủ đã ban hành, góp phần đồng hành cùng Chính phủ đưa phát thải ròng về 0 vào năm 2050 theo cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26.

2. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

03 Mục tiêu đóng vai trò nền tảng cho thành công lâu dài của PTSC

- ***Tăng trưởng kinh tế***

  Xây dựng PTSC trở thành Tổng công ty dịch vụ kỹ thuật Dầu khí, công nghiệp mạnh có thương hiệu trong khu vực và trên thế giới, có đóng góp quan trọng cho sự phát triển chung của ngành Dầu khí và nền kinh tế đất nước, góp phần xây dựng nước ta thành nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa
- ***Trách nhiệm với Xã hội***

  Gia tăng lợi ích, niềm tin của cổ đông, khách hàng, đối tác và người lao động, góp phần xây dựng, phát triển xã hội.
- ***Bảo vệ môi trường***

  Duy trì và nâng cao liên tục Hệ thống Quản lý Sức khỏe, An toàn, Môi trường và Chất lượng (HSEQ) theo các tiêu chuẩn quốc tế; xây dựng và liên tục cải tiến Hệ thống HSEQ để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo sức khỏe, an toàn cho người lao động; tuân thủ các yêu cầu pháp luật, đáp ứng mong muốn của khách hàng, các bên liên quan và tạo ra giá trị cốt lõi cho cả doanh nghiệp và cộng đồng.

3. GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN

PTSC thực hiện các hoạt động gắn kết các bên liên quan căn cứ chiến lược phát triển và trên cơ sở đôi bên cùng có lợi.

SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA PTSC

	KỲ VỌNG	ĐÁP ỨNG KỲ VỌNG	HOẠT ĐỘNG CỦA PTSC TRONG NĂM 2023
Nhà nước	Tuân thủ pháp luật, chủ trương, chính sách, quy định của Nhà nước	» Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và triển khai các chủ trương, chính sách của Nhà nước; Tuân thủ quy định pháp luật. » Nghiên cứu các vấn đề pháp lý; Tuân thủ và lấy các giấy phép về an toàn, môi trường, đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả.	» Tuân thủ các chính sách, quy định pháp luật của các nước sở tại và pháp luật Việt Nam » Cập nhật, cải tiến hệ thống quy định nội bộ để đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật, tạo cơ sở pháp lý vững chắc trong quản lý, điều hành: Quy chế quản trị rủi ro, Quy định công tác pháp chế và đảm bảo tuân thủ, Quy trình thanh toán và tạm ứng, Quy trình quản lý vật tư thiết bị còn lại sau dự án » Ban hành Quy tắc Văn hóa PTSC » Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trích nộp thuế theo quy định.
Cổ đông	» Đảm bảo hiệu quả SXKD. » Đảm bảo thông tin công khai, minh bạch và được cung cấp kịp thời. » Không ngừng nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp. » Đối xử bình đẳng, đảm bảo quyền lợi Cổ đông.	» Kết quả SXKD tốt. » Báo cáo minh bạch thông tin. » Nâng cao năng lực quản trị, giá trị thương hiệu tăng. » Khả năng chi trả cổ tức đảm bảo lợi ích của các nhà đầu tư	» Thực hiện vượt mức các chỉ tiêu, kế hoạch SXKD năm 2023 đã được ĐHĐCĐ thông qua. » Sử dụng hệ thống công bố thông tin qua IDS, CIMS, website PTSC, cập nhật và cung cấp đầy đủ nhất các thông tin về hoạt động của PTSC. » PTSC đã đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin với những chuẩn mực tốt nhất trong khu vực để xây dựng, hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh. » Thực hiện đúng cam kết chi trả cổ tức.
Người lao động	» Đảm bảo việc làm, tăng trưởng trong thu nhập và chế độ đãi ngộ, phúc lợi tốt.	» Chính sách lương cạnh tranh theo năng lực, chất lượng công việc; thu nhập, đãi ngộ, phúc lợi	» Liên tục cải tiến, áp dụng Quy định đánh giá mức độ hoàn thành công việc để trả lương

	» Được ghi nhận, đánh giá công bằng với sự cống hiến, đóng góp. » Đào tạo nâng cao năng lực, chuyên môn. » Môi trường, điều kiện làm việc đảm bảo các tiêu chuẩn ATSKMT.	tương xứng với sự cống hiến, đóng góp. » Quy định đánh giá mức độ hoàn thành công việc để đánh giá NLĐ. » Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, chuẩn bị tốt lực lượng cho đội ngũ kế cận. » Đảm bảo môi trường lao động tốt; thực hiện đầy đủ chương trình sức khỏe và an toàn cho NLĐ.	theo năng lực, chất lượng công việc, sự cống hiến, đóng góp. » Triển khai các chương trình đào tạo phát triển nguồn nhân lực thiết thực, hiệu quả cao; tăng cường đào tạo chuyên sâu để đáp ứng các yêu cầu theo tiêu chuẩn thế giới. » Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho NLĐ và các trường hợp phát sinh. » Bảo vệ sức khỏe lao động, phòng ngừa bệnh nghề nghiệp và đảm bảo an toàn cho người lao động. » Kiểm soát các tác động tiêu cực đến môi trường và bảo vệ môi trường cộng đồng xung quanh.
Khách hàng/Đối tác	» Đảm bảo hiệu quả hoạt động an toàn, chất lượng dịch vụ, giá cả. » Sự tin cậy, công nghệ tiên tiến, năng lực hoạt động. » Hợp tác cùng phát triển. » Đội ngũ nhân lực chuyên nghiệp.	» Đầu tư hệ thống quản lý Sức khỏe An toàn Môi trường Chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế. » Chất lượng dịch vụ tốt với giá thành cạnh tranh. » Thực hiện dự án/dịch vụ an toàn, đúng tiến độ. » Duy trì và gia tăng sự tin cậy của khách hàng. » Dịch vụ khách hàng tốt » Quy trình đánh giá lựa chọn đối tác, nhà cung cấp chặt chẽ, minh bạch, đảm bảo công bằng, tuân thủ pháp luật. » Hợp đồng được thực hiện, kiểm tra, kiểm soát đúng luật, đúng quy định. » Đảm bảo thanh toán.	» Cũng cấp giải pháp phù hợp nhất cho khách hàng/đối tác » Áp dụng đồng bộ hệ thống quản lý Sức khỏe An toàn Môi trường Chất lượng toàn theo tiêu chuẩn quốc tế. » Đẩy mạnh phát triển năng lực thiết kế, kỹ thuật để nâng cao giá trị chất xám, giá trị gia tăng trong các sản phẩm, dịch vụ với giá cạnh tranh. » Triển khai tổ chức các phương án sản xuất, các giải pháp cung cấp dịch vụ, đảm bảo an toàn, chất lượng và đúng tiến độ. » Phát triển năng lực thực sự, tận dụng các thế mạnh của PTSC như thương hiệu, nguồn lực, hệ thống quản lý, kinh nghiệm. » Nâng cao năng lực đội ngũ marketing, chăm sóc khách hàng. » Cập nhật, cải tiến, hoàn thiện quy trình mua sắm hàng hóa/dịch vụ, đánh giá, lựa chọn nhà cung cấp đảm bảo tuân thủ pháp luật.

			» Cập nhật, cải tiến, triển khai quy trình đánh giá đối tác. Bộ phận pháp chế, thương mại kiểm tra các hợp đồng được ký kết đảm bảo tuân thủ pháp luật. » Hợp tác chặt chẽ, tiết giảm chi phí đầu vào. » Quan hệ hợp tác thành công các bên cùng có lợi.
Tổ chức tài chính	» Minh bạch trong trong hệ thống quản trị doanh nghiệp » Hệ thống quản trị tài chính chuyên nghiệp	» Cập nhật áp dụng hệ thống quản trị doanh nghiệp và hệ thống quản trị tài chính chuyên nghiệp	» Tiếp tục thực hiện đầu tư, nâng cấp các giải pháp và áp dụng hệ thống phần mềm phục vụ công tác quản lý: Hệ thống ERP giai đoạn 1; Hệ thống quản trị nhân sự (HRM); Quản lý tài chính kế toán; Quản lý thông tin công việc (e-Office); » Cập nhật, sửa đổi Quy chế Kiểm toán nội bộ; » Cập nhật, cải tiến, ban hành Quy trình thanh toán nội bộ
Cộng đồng, địa phương	» Thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng, xã hội.	» Cam kết hỗ trợ, đóng góp tích cực cho cộng đồng địa phương.	» Đóng góp phát triển giáo dục, y tế, xã hội với tổng mức hỗ trợ **20,1 tỷ VNĐ**.

VI. CHỨNG KHOÁN PVS

1. THÔNG TIN CƠ BẢN

Khối lượng cổ phiếu đang niêm yết (cổ phiếu)	477.966.290
Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)	0
Vốn hóa thị trường (tỷ VNĐ)	17.780,35
Room NN còn lại (%)	31,65 (%)
EPS cơ bản (nghìn VNĐ)	1,85
P/E	20,14
Giá trị sổ sách/CP (nghìn VNĐ)	26,55
Giá giao dịch cao nhất trong năm 2023 (nghìn VNĐ)	39,20
Giá giao dịch thấp nhất trong năm 2023 (nghìn VNĐ)	22,50

(Dữ liệu tại ngày 19/3/2024)

2. CỔ ĐÔNG

2.1 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

(cập nhật theo Danh sách cổ đông tại Ngày đăng ký cuối cùng 25/12/2023 (Ngày đăng ký cuối cùng gần nhất)

Sở hữu theo địa lý	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Tổ chức Việt Nam	80	270.730.183	56,64%
Cá nhân Việt Nam	18578	105.780.690	22,13%
Tổ chức Nước ngoài	93	100.792.650	21,09%
Cá nhân Nước ngoài	228	662.767	0,14%
Tổng cộng	18.979	477.966.290	100%

2.2 DANH SÁCH CÁC CỔ ĐÔNG LỚN (SỞ HỮU TRÊN 5%)

Số lượng cổ phiếu được thống kê trên cơ sở Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán gần nhất và các Báo cáo giao dịch nhận được tính đến hết ngày 22/01/2024

STT	Tên Cổ đông/Nhóm Cổ đông	Số cổ phần sở hữu (CP)	Tỉ lệ sở hữu (%)	Trong nước/Nước ngoài	Cá nhân/Tổ chức	Ghi chú
1.	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	245.565.000	51,38%	Trong nước	Tổ chức	
2.	- CTBC Vietnam Equity Fund; - DC Developing Markets Strategies Public Limited Company; - KB Vietnam Focus Balanced Fund; - Norges Bank; - Samsung Vietnam Securities Master Investment Trust [Equity]	28.135.000	5,8864%	x	x	Nhóm Cổ đông nước ngoài có liên quan do Bà Trương Ngọc Phượng là Người đại diện được ủy quyền công bố thông tin

2.3 GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ, CỔ ĐÔNG NỘI BỘ TRONG KỲ

Số lượng cổ phiếu được thống kê trên cơ sở Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán gần nhất và các báo cáo giao dịch nhận được từ Người nội bộ tính đến hết ngày 25/12/2023.

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Tổng công ty	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (năm 2023)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (năm 2023)	Các giao dịch Mua, Bán cổ phiếu PVS thực hiện trong năm 2023		Lý do	Ghi chú
					Giao dịch mua	Giao dịch Bán		
1	Phan Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT	48.551	0,0102%	0	0		
2	Lê Mạnh Cường	TV.HĐQT/ TGĐ	55.424	0,0116%	0	0		
3	Nguyễn Xuân Ngọc	TV.HĐQT	-	0,0000%	0	0		

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Tổng công ty	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (năm 2023)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (năm 2023)	Các giao dịch Mua, Bán cổ phiếu PVS thực hiện trong năm 2023		Lý do	Ghi chú
					Giao dịch mua	Giao dịch Bán		
4	Đỗ Quốc Hoan	TV.HĐQT	5.377	0,0011%	0	0		
5	Trần Ngọc Chương	TV.HĐQT	-	0,0000%	0	0		
6	Hoàng Xuân Quốc	Thành viên độc lập HĐQT	-	0,0000%	0	0		
7	Đoàn Minh Mẫn	Thành viên độc lập HĐQT	-	0,0000%	0	0		
8	Bùi Thu hà	Trưởng Ban Kiểm soát	-	0,0000%	0	0		
9	Bùi Hữu Việt Cường	TV. BKS	1.667	0,0003%	0	0		
10	Phạm Văn Tiến	TV. BKS	-	0,0000%	0	0		
11	Tạ Đức Tiến	Phó Tổng Giám đốc	1.637	0,0003%	0	0		
12	Nguyễn Trần Toàn	Phó Tổng Giám đốc	3.794	0,0008%	0	0		
13	Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc	5.019	0,0011%	0	0		
14	Trần Hồ Bắc	Phó Tổng Giám đốc	2.149	0,0004%	0	0		
15	Trần Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc	01	0,0000%	0	0		
16	Phạm Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	5.803	0,0012%	0	0		
17	Nguyễn Văn Bảo	Kế toán trưởng	79	0,0000%	0	0		
18	Nguyễn Đức Thủy	NCBTT/ Người PTQT	-	0,0000%	0	0		

3. QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Đã trải qua 17 năm trên thị trường chứng khoán kể từ thời điểm IPO vào tháng 9 năm 2007, Tổng công ty PTSC (mã chứng khoán PVS) đã không ngừng nỗ lực, hướng đến tính chuyên nghiệp, minh bạch, hiệu quả, đảm bảo dòng cổ tức bền vững, chi trả đều đặn, đúng cam kết và luôn được ghi nhận là một trong những đơn vị niêm yết tốt nhất. Mã cổ phiếu PVS thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư với thanh khoản tốt.

Năm 2023, Tổng công ty PTSC tiếp tục được vinh danh trong hạng mục Doanh nghiệp niêm yết quản trị Công ty tốt. Công tác quan hệ cổ đông đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng hình ảnh và giá trị thương hiệu của PVS. Phương châm của Tổng công ty PTSC trong công tác quan hệ Cổ đông là tăng cường đối thoại, đảm bảo minh bạch thông tin, bảo vệ quyền lợi của các Cổ đông và đối xử bình đẳng đối với mọi Cổ đông, cụ thể:

3.1 Tăng cường đối thoại:

Quyền tiếp cận thông tin của Cổ đông

Trong năm 2023, Tổng công ty PTSC đã tiếp xúc, gặp gỡ các Nhà đầu tư nhằm cung cấp thông tin về tình hình hoạt động SXKD hàng quý, Tổng công ty PTSC đã đón tiếp nhiều Nhà đầu tư đến từ các Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ hàng đầu Việt Nam và các Quỹ đầu tư nước ngoài đến tìm hiểu cơ hội hợp tác, đầu tư. Ngoài ra, các thông tin về hoạt động SXKD của Tổng công ty PTSC được công bố chính xác, kịp thời, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của các Cổ đông.

Thảo luận và chất vấn tại các cuộc họp ĐHĐCĐ và Gặp gỡ nhà đầu tư

Tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên 2023 và ĐHĐCĐ bất thường năm 2024, Cổ đông đã trực tiếp đặt câu hỏi chất vấn Đoàn chủ tịch. Các vấn đề Cổ đông đặt ra đều được Đoàn chủ tịch giải đáp, cung cấp thông tin minh bạch, chính xác. Các nội dung góp ý, kiến nghị của Cổ đông tại cuộc họp đều được tiếp thu và nghiên cứu triển khai phù hợp. Bên cạnh đó, trước mỗi kỳ ĐHĐCĐ, PTSC đều tổ chức Hội nghị Nhà đầu tư (Analyst Meeting) nhằm thông tin đến các nhà đầu tư về tình hình tài chính, kết quả SXKD, triển vọng thị trường dầu khí, năng lượng tái tạo cũng như định hướng, chiến lược phát triển của PTSC trong tương lai. Thông qua những sự kiện này, Ban Lãnh đạo PTSC đã chia sẻ và trao đổi cởi mở với các nhà đầu tư, giúp nâng cao hiểu biết lẫn nhau cho các bên tham gia.

3.2 Minh bạch thông tin:

Tổng công ty PTSC luôn đề cao và hiểu được tính chất quan trọng của việc minh bạch thông tin, đã áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin trong việc công bố thông tin, đăng tải, cập nhật các thông tin công bố trên website của Tổng công tyt PTSC nhanh chóng, kịp thời, tuân thủ quy định của pháp luật; sử dụng dịch vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Đồng thời, Tổng công ty PTSC cũng kết hợp với các Công ty chứng khoán, các phương tiện truyền thông nhằm cập nhật và cung cấp đầy đủ nhất các thông tin về hoạt động Tổng công ty PTSC một cách chi tiết và minh bạch nhất.

Trong những năm qua, Tổng công ty PTSC liên tiếp được trao tặng, vinh danh hạng mục tổ chức niêm yết uy tín từ UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội HNX, Bộ Tài chính.

3.3 Bảo vệ quyền lợi Cổ đông và đối xử bình đẳng đối với mọi Cổ đông:

Để thực hiện đúng mục tiêu "Bảo vệ tối đa quyền lợi Cổ đông, đối xử bình đẳng giữa Cổ đông thiểu số - đa số, giữa Cổ đông trong nước - nước ngoài, giữa Cổ đông nội bộ - bên ngoài" của Tổng công ty PTSC, Bộ phận quan hệ Cổ đông của Tổng công ty PTSC luôn làm việc tích cực, đáp ứng các điều kiện tốt nhất, xử lý linh hoạt và nhanh chóng tất cả các yêu cầu từ Cổ đông về việc thực hiện các quyền của Cổ đông như: đăng ký quyền sở hữu, chuyển nhượng cổ phần, mua cổ phiếu phát hành thêm, tiếp cận các thông tin liên quan đến hoạt động Tổng công ty PTSC, tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông, ủy quyền thực hiện quyền của Cổ đông, nhận cổ tức từ Tổng công ty PTSC...

DANH MỤC CÔNG BỐ THÔNG TIN NĂM 2023

STT	Ngày công bố thông tin	Trích yếu Nội dung thông tin công bố
1	03/01/2023	Báo cáo Thay đổi về sở hữu của nhóm Nhà đầu tư nước ngoài có liên quan là Cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên Cổ phần
2	05/01/2023	Công bố thông tin Nghị quyết về việc Phê duyệt Hợp đồng Thiết kế, mua sắm, lắp đặt, thi công xây lắp và chạy thử công trình (EPC) Dự án Bồn chứa LPG Thị Vải
3	18/01/2023	Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 4/2022
4	19/01/2023	Báo cáo tài chính Hợp nhất Quý 4/2022
5	19/01/2023	Công bố Nghị quyết về việc Phê duyệt giải thể Công ty Liên doanh PTSC Ca Rong Do Ltd. và chấm dứt Dự án đầu tư ra nước ngoài
6	30/01/2023	Công bố Báo cáo tình hình quản trị Công ty (Kỳ báo cáo: Năm 2022)
7	23/03/2023	Công bố Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2022 đã kiểm toán
8	23/03/2023	Công bố Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán
9	28/03/2023	Công bố thông tin Nghị quyết về Họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2023
10	28/03/2023	Thông báo về Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2023
11	14/04/2023	Quy chế Công bố thông tin của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
12	25/04/2023	Công bố thông tin Triệu tập Họp và nội dung dự thảo tài liệu Họp ĐHĐCĐ thường niên 2023
13	25/04/2023	Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 1/2023
14	27/04/2023	Báo cáo tài chính Hợp nhất Quý 1/2023

STT	Ngày công bố thông tin	Trích yếu Nội dung thông tin công bố
15	28/04/2023	Báo cáo Thay đổi về sở hữu của nhóm Nhà đầu tư nước ngoài có liên quan là Cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên Cổ phần
16	04/05/2023	Thông báo về việc Họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2023
17	09/05/2023	Công bố thông tin Nghị quyết về việc Phê duyệt Phụ lục Hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
18	11/05/2023	Báo cáo Thay đổi về sở hữu của nhóm Nhà đầu tư nước ngoài có liên quan là Cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên Cổ phần
19	15/05/2023	Báo cáo Thay đổi về sở hữu của nhóm Nhà đầu tư nước ngoài có liên quan là Cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên Cổ phần
20	19/05/2023	Công bố thông tin về ký kết Hợp đồng chế tạo và cung cấp chân đế điện gió ngoài khơi Dự án CHW2204 tại Đài Loan
21	26/05/2023	Nghị quyết về việc Thông qua Danh sách ứng viên giới thiệu bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên Tổng công ty
22	26/05/2023	Cập nhật Tài liệu họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2023
23	30/05/2023	Công bố thông tin Biên bản, Nghị quyết Họp ĐHĐCĐ thường niên 2023
24	02/06/2023	Công bố thông tin Nghị quyết về Phê duyệt Hợp đồng cho thuê định hạn FSO PTSC Bien Dong 01 cho giai đoạn tiếp theo
25	08/06/2023	Quyết định về việc Bổ nhiệm lại Kế toán trưởng Tổng công ty
26	08/06/2023	Quyết định về việc Bổ nhiệm lại Tổng Giám đốc Tổng công ty
27	08/06/2023	Nghị quyết về việc Bầu lại Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty
28	26/06/2023	Công bố thông tin Ký Hợp đồng kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính năm 2023
29	28/07/2023	Công bố Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 2/2023
30	28/07/2023	Công bố Báo cáo tài chính Hợp nhất Quý 2/2023
31	28/07/2023	Công bố Báo cáo tình hình quản trị Công ty (Kỳ báo cáo: 06 tháng năm 2023)
32	08/08/2023	Công bố thông tin Báo cáo tài chính Công ty Mẹ 06 tháng năm 2023 đã được soát xét
33	08/08/2023	Công bố thông tin Báo cáo tài chính Hợp nhất 06 tháng năm 2023 đã được soát xét
34	15/08/2023	Công bố Quyết định về việc Công tác cán bộ
35	13/10/2023	Công bố thông tin Nghị quyết Chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền
36	16/10/2023	Công bố Thông báo về Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2022 bằng tiền
37	16/10/2023	Công bố thông tin Nghị quyết Phê duyệt giải thể Công ty PTSC Labuan và chấm dứt Dự án đầu tư ra nước ngoài
38	19/10/2023	Công bố thông tin Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp
39	26/10/2023	Báo cáo Thay đổi về sở hữu của nhóm Nhà đầu tư nước ngoài có liên quan là Cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên Cổ phiếu
40	27/10/2023	Công bố Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 3/2023
41	27/10/2023	Công bố Báo cáo tài chính Hợp nhất Quý 3/2023

STT	Ngày công bố thông tin	Trích yếu Nội dung thông tin công bố
42	30/10/2023	Công bố thông tin Nghị quyết Chấp thuận giao dịch với Người liên quan của Tổng công ty
43	07/11/2023	Thông báo về việc Công tác nhân sự của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
44	04/12/2023	Công bố thông tin Nghị quyết về Họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2023
45	12/12/2023	Công bố Thông báo về Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự Họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2023
46	14/12/2023	Công bố thông tin Nghị quyết Chấp thuận giao dịch với Người liên quan của Tổng công ty
47	30/01/2024	Báo cáo tài chính Hợp nhất Quý 4/2023
48	30/01/2024	Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 4/2023
49	30/01/2024	Công bố Báo cáo tình hình quản trị Công ty (Kỳ báo cáo: Năm 2023)

4. ĐÁNH GIÁ CỔ PHIẾU PVS

Thị trường đã có một sự phục hồi ngoạn mục trong năm 2023

Sau một năm 2022 đầy biến động, VN-Index đã có sự phục hồi ngoạn mục trong năm 2023, nhờ vào những biện pháp chủ động của Chính phủ trong việc hỗ trợ nền kinh tế và thị trường chứng khoán. VN-Index khởi đầu năm 2023 ở mức 1.007,09 điểm và dần hồi phục trong suốt cả năm, đạt mức cao nhất là 1.243,14 điểm vào đầu tháng 9/2023. Dù sau đó thị trường gặp một số khó khăn khi lao dốc vào tháng 10, nhưng đã hồi phục và kết thúc năm 2023 ở mức 1.129,93 điểm vào ngày 29/12, ghi nhận mức tăng 12.2% so với đầu năm.

Nhìn chung bình quân giá dầu thế giới trong năm 2023 giảm 17% so với năm 2022, sau khi đạt đỉnh cao lịch sử vào tháng 3/2022. Tuy nhiên, giá dầu cũng cho thấy những tín hiệu tích cực trong nửa cuối năm 2023, nhờ vào việc OPEC+ nỗ lực cắt giảm sản lượng để cân bằng cung cầu dầu trên thị trường, và những căng thẳng địa chính trị ở khu vực Biển Đỏ cũng đã có tác động lên giá dầu. Từ đó giá dầu dần hồi phục và bình quân giá dầu trong nửa cuối năm 2023 ghi nhận mức cao hơn 6% so với bình nửa đầu năm 2023. Sự tăng tích cực của giá dầu trong nửa cuối năm 2023 đã mang lại lợi ích một chút cho hiệu quả kinh doanh và giá cổ phiếu của ngành dầu khí. Trong năm 2023, PVS ghi nhận mức tăng giá cổ phiếu 78% so với đầu năm.

Ngành dầu khí năm 2024: Kỳ vọng nhu cầu tiếp tục tăng trưởng trên toàn cầu và kỳ vọng nhiều dự án trọng điểm trong nước đẩy mạnh triển khai

Triển vọng ngành dầu khí toàn cầu vào năm 2024 vẫn sẽ mạnh mẽ và ổn định với giá dầu cao cùng với tăng trưởng về nhu cầu. Theo đồng thuận dự báo của 3 tổ chức Cơ quan năng lượng quốc tế (IEA), Cơ quan Thông tin Năng lượng Hoa Kỳ (EIA) và OPEC, tăng trưởng nhu cầu dầu năm 2024 vẫn tiếp tục tăng 1,4 triệu thùng/ngày từ mức cơ sở cao của năm 2023 (vượt mức tiêu thụ trước Covid 19). Các tổ chức này cũng đồng thuận dự báo giá dầu

Brent bình năm 2024 là 82 USD/thùng, ổn định so với năm 2023, nhờ vào nhu cầu tăng trưởng và nỗ lực cắt giảm nguồn cung của tổ chức OPEC+. Cùng với mức giá này, các quốc gia trên thế giới sẽ tiếp tục khai thác và phát triển các dự án dầu khí mới, mang lại hiệu quả kinh tế. Điều này sẽ mang lại triển vọng tốt cho các nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật dầu khí, như PVS.

Tại Việt Nam, theo sau thành công phê duyệt dự án mỏ dầu Lạc Đà Vàng vào năm 2023 và ký kết thỏa thuận khung thương mại khí đốt của mỏ Nam Du - U Minh vào đầu năm 2024. Nhiều khả năng Tập đoàn dầu khí Việt Nam và đối tác nước ngoài sẽ đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng cho một số các dự án dầu khí trọng điểm, như mỏ khí Lô B Ô Môn, Sư Tử Trắng - giai đoạn 2B. Những dự án này sẽ thúc đẩy sản lượng dầu khí trong nước và tạo ra cơ hội cho các công ty dầu khí thượng nguồn như PVS, PVD, GAS, ...

Ngoài ra, cùng với xu hướng dịch chuyển sang năng lượng xanh, các dự án năng lượng tái tạo ngoài khơi ngày càng có sức hút và liên tục được đẩy mạnh đầu tư phát triển trên toàn cầu. PVS là đơn vị tiên phong trong lĩnh vực này với việc tham gia vào các dự án điện gió ngoài khơi tại Đài Loan. Mặc dù có một số thách thức, ngành điện gió ngoài khơi trên toàn cầu được dự báo tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ hai con số. Vì vậy, PVS đang hoàn thiện chuỗi giá trị để trở thành một mắt xích quan trọng trong ngành điện gió ngoài khơi toàn cầu và hướng tới backlog nhiều tỷ đô la Mỹ. Ở góc độ nhà đầu tư Dự án NLTTNK, tháng 10 năm 2023 PVS đã nhận được giấy phép nhập khẩu có điều kiện (Conditiional Approval) từ chính phủ Singapore, cụ thể PVS sẽ đóng vai trò là Nhà đồng đầu tư và phát triển Dự án xuất khẩu điện sạch đến Singapore bắt đầu từ năm 2030, PTSC cùng đối tác Sembcorp đã vạch ra lộ trình cụ thể từ khâu khảo sát, phương án đầu tư và phát triển trang trại điện gió ngoài khơi tại Việt Nam để sản xuất và xuất khẩu khoảng 1,2GW điện sạch từ Việt Nam sang Singapore thông qua tuyến cáp ngầm cao áp dưới biển. Ở góc độ nhà thầu thi công Dự án NLTTNK, PVS đã và đang đẩy mạnh đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng để có thể tận dụng, phát triển thế mạnh, phát triển thành chuỗi cung ứng mới nổi ở Việt Nam cho các dự án NLTTNK quy mô lớn tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, PVS đã trúng thầu, thi công cơ khí, cung cấp dịch vụ và tiếp tục đấu thầu cho các dự án NLTTNK của các "đại gia" NLTTNK trên thế giới như Orsted, Copenhagen Infrastructure Partners (CIP), Equinor, Elektrownia Wiatrowa Baltica, Swancor Holding Company, Enterprise Energy…

(Theo nguồn: Cafef)

Biểu đồ giá dầu thô năm 2023

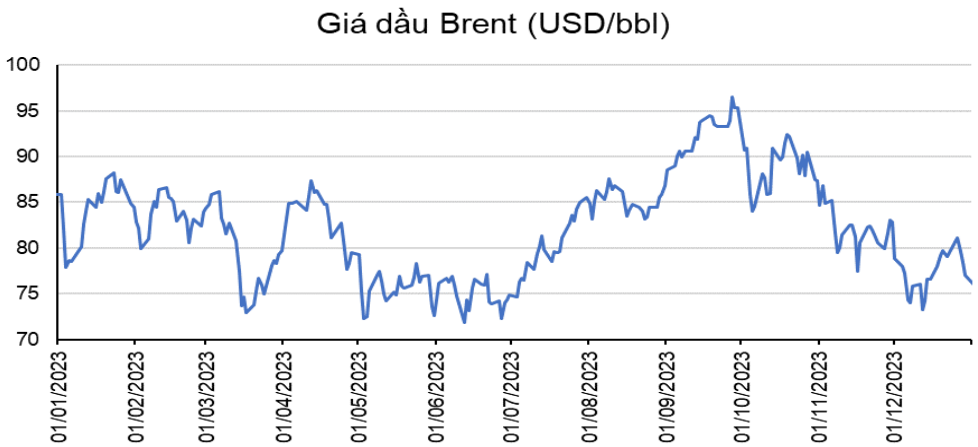

Biểu đồ giá trị, khối lượng giao dịch cổ phiếu PVS năm 2023

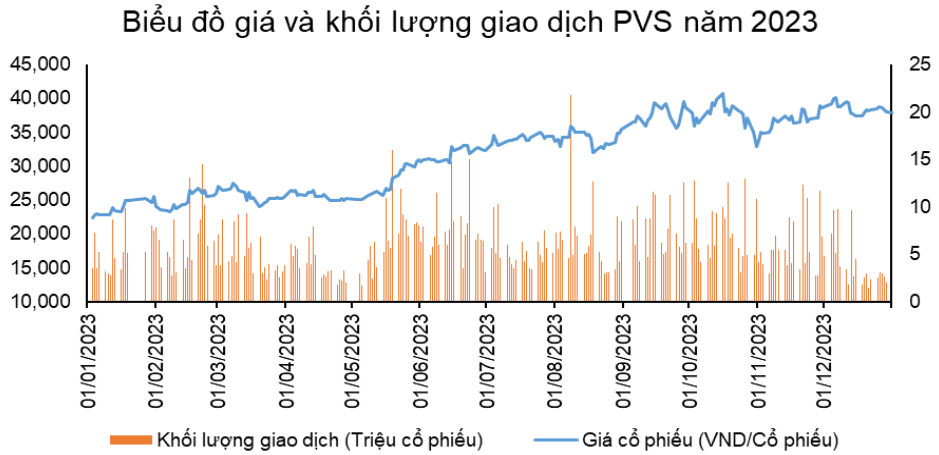

5. LỊCH SỬ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ CỦA PTSC (2006-2018)

Năm	Phương thức	Số lượng phát hành (cổ phần)	Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)
2006	Chào bán lần đầu ra công chúng (IPO)	100.000.000	1.000,00
2008	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	73.803.431	1.738,03
2009	Chào bán riêng lẻ cho cổ đông chiến lược	25.000.000	1.988,03
2010	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	98.998.663	2.978,02
2012	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	148.898.327	4.467,00
2018	Chia cổ tức bằng CP cho cổ đông hiện hữu	31.269.002	4.779,66

6. LỊCH SỬ CHI TRẢ CỔ TỨC BẰNG TIỀN MẶT CỦA PTSC (2007-2022)

Stt	Năm	Ngày đăng ký cuối cùng	Vốn điều lệ (nghìn VNĐ)	Tỉ lệ chi trả cổ tức	Số tiền cổ tức (nghìn VNĐ)
1.	2007	14/3/2008	1.000.000.000	14%	140.000.000
2.	2008 (đợt 1)	20/11/2008	1.000.000.000	10%	100.000.000
3.	2008 (đợt 2)	25/6/2009	1.738.034.310	5%	86.901.715
4.	2009	12/5/2010	1.988.034.310	20%	397.606.862
5.	2010	13/12/2010	1.988.034.310	15%	298.205.146
6.	2011	25/5/2012	2.978.020.940	20%	595.604.188

Stt	Năm	Ngày đăng ký cuối cùng	Vốn điều lệ (nghìn VNĐ)	Tỉ lệ chi trả cổ tức	Số tiền cổ tức (nghìn VNĐ)
7.	2012 (đợt 1)	17/01/2013	2.978.020.940	10%	297.802.094
8.	2012 (đợt 2)	5/9/2013	4.467.004.210	5%	223.350.210
9.	2013	28/7/2014	4.467.004.210	12%	536.040.505
10.	2014	31/7/2015	4.467.004.210	12%	536.040.505
11.	2015	22/7/2016	4.467.004.210	12%	536.040.505
12.	2016 (đợt 1)	07/12/2016	4.467.004.210	5%	223.350.210
13.	2016 (đợt 2)	29/9/2017	4.467.004.210	5%	223.350.210
14.	2017 (đợt 1)	26/02/2018	4.467.004.210	5%	223.350.210
15.	2017 (đợt 2)	31/10/2018	4.467.004.210	5%	223.350.210
16.	2017 (bằng CP)	31/10/2018	4.467.004.210	100:7	312.690.295
17.	2018	30/9/2019	4.779.662.900	7%	334.576.403
18.	2019	23/11/2020	4.779.662.900	10%	477.966.290
19.	2020	28/9/2021	4.779.662.900	10%	477.966.290
20.	2021	28/9/2022	4.779.662.900	8%	382.373.032
21.	2022	27/10/2023	4.779.662.900	7%	334.576.403
	Tổng cộng				**6.961.141.283**

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	10

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 0103015198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 10, số 0100150577, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 2 năm 2019.	
Hội đồng Quản trị	Ông Phan Thanh Tùng	Chủ tịch
	Ông Lê Mạnh Cường	Thành viên
	Ông Đỗ Quốc Hoan	Thành viên
	Ông Nguyễn Xuân Ngọc	Thành viên
	Ông Trần Ngọc Chương	Thành viên
	Ông Hoàng Xuân Quốc	Thành viên độc lập
	Ông Đoàn Minh Mẫn	Thành viên độc lập (bầu ngày 29 tháng 5 năm 2023)
Ban Kiểm soát	Bà Bùi Thu Hà	Trưởng ban
	Ông Bùi Hữu Việt Cường	Thành viên
	Ông Phạm Văn Tiến	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Lê Mạnh Cường	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Trần Toàn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Tạ Đức Tiến	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Hồ Bắc	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Cự Tân	Phó Tổng Giám đốc (bầu ngày 7 tháng 11 năm 2023)
Người đại diện theo pháp luật	Ông Lê Mạnh Cường	Tổng Giám đốc
Trụ sở chính	Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám Đốc đối với Báo cáo Tài chính Hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam ("Công ty mẹ") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và các công ty con (gọi chung là "Tổng công ty") thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Tổng công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Tổng công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc của Tổng công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tổng công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn Báo cáo Tài chính Hợp nhất

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 91. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 0100150577-C.T.C
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Lê Mạnh Cường
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 12 tháng 3 năm 2024

pwc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam ("Công ty mẹ") và các công ty con (gọi chung là "Tổng công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2023 và được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn Ngày 12 tháng 3 năm 2024. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 91.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Tổng công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: +84 (28) 3823 0796, www.pwc.com/vn

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Lương Thị Ánh Tuyết Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3048-2024-006-1 Chữ ký được ủy quyền	Nguyễn Duy Thịnh Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4633-2023-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM14558
TP. Hồ Chí Minh, Ngày 12 tháng 3 năm 2024

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	2022 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 46)
100	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**16.289.894.707.172**	**16.469.858.413.380**
110	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	3	**5.757.120.569.689**	**5.219.378.499.294**
111	Tiền		3.628.139.793.273	3.689.136.368.050
112	Các khoản tương đương tiền		2.128.980.776.416	1.530.242.131.244
120	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**		**4.329.388.583.505**	**4.837.330.575.989**
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	4.329.388.583.505	4.837.330.575.989
130	**Các khoản phải thu ngắn hạn**		**4.185.005.658.625**	**5.047.010.186.018**
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	3.111.110.095.704	4.141.268.792.548
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	429.627.258.156	305.968.148.150
134	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	7	126.550.860.677	81.454.247.556
136	Phải thu ngắn hạn khác	8(a)	639.548.337.836	665.728.557.151
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(121.830.893.748)	(147.409.559.387)
140	**Hàng tồn kho**	10(a)	**1.470.404.312.744**	**1.089.660.336.824**
141	Hàng tồn kho		1.476.352.778.671	1.091.610.591.212
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(5.948.465.927)	(1.950.254.388)
150	**Tài sản ngắn hạn khác**		**547.975.582.609**	**276.478.815.255**
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	11(a)	50.799.468.416	38.578.033.644
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	12	495.021.150.547	234.819.754.830
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19(a)	2.154.963.646	2.944.663.145
155	Tài sản ngắn hạn khác		-	136.363.636

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	2022 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 46)
200	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**10.126.114.103.215**	**9.454.171.877.295**
210	**Các khoản phải thu dài hạn**		**122.783.978.233**	**123.822.830.133**
212	Trả trước cho người bán dài hạn		-	485.669.637
216	Phải thu dài hạn khác	8(b)	122.783.978.233	123.337.160.496
220	**Tài sản cố định**		**3.391.382.056.464**	**3.048.337.154.034**
221	Tài sản cố định hữu hình	13(a)	3.327.996.428.447	2.981.318.186.695
222	Nguyên giá		13.208.829.689.762	12.409.201.634.629
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(9.880.833.261.315)	(9.427.883.447.934)
227	Tài sản cố định vô hình	13(b)	63.385.628.017	67.018.967.339
228	Nguyên giá		191.910.443.578	187.999.064.578
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(128.524.815.561)	(120.980.097.239)
230	**Bất động sản đầu tư**	14	**164.394.960.915**	**169.130.232.771**
231	Nguyên giá		229.280.786.454	229.280.786.454
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(64.885.825.539)	(60.150.553.683)
240	**Tài sản dở dang dài hạn**		**373.055.575.647**	**171.959.008.908**
241	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	15(a)	69.815.950.708	69.815.950.708
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15(b)	303.239.624.939	102.143.058.200
250	**Đầu tư tài chính dài hạn**		**4.944.744.807.570**	**4.917.691.241.127**
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4(b)	4.942.961.726.110	4.900.733.639.663
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	3.000.000.000	31.125.000.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	(1.216.918.540)	(14.167.398.536)
260	**Tài sản dài hạn khác**		**1.129.752.724.386**	**1.023.231.410.322**
261	Chi phí trả trước dài hạn	11(b)	819.532.667.802	647.338.421.831
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	16	277.488.713.037	344.735.812.309
263	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	10(b)	32.731.343.547	31.157.176.182
270	**TỔNG TÀI SẢN**		**26.416.008.810.387**	**25.924.030.290.675**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	2022 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 46)
300	**NỢ PHẢI TRẢ**		**12.871.785.895.146**	**12.869.229.041.019**
310	**Nợ ngắn hạn**		**9.059.981.932.254**	**9.191.675.985.667**
311	Phải trả người bán ngắn hạn	17	3.512.913.500.344	5.301.151.233.703
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18(a)	251.743.849.255	213.682.326.442
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19(b)	131.349.802.704	110.940.195.369
314	Phải trả người lao động		644.082.888.285	620.879.890.466
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	20	1.777.032.496.201	894.744.572.439
317	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	7	237.901.633.014	17.741.336.460
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21(a)	10.236.504.784	10.707.454.076
319	Phải trả ngắn hạn khác	22(a)	650.221.996.761	593.925.466.932
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	23(a)	1.176.092.479.623	752.208.505.290
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	24(a)	45.176.198.567	69.417.120.032
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	25	623.230.582.716	606.277.884.458
330	**Nợ dài hạn**		**3.811.803.962.892**	**3.677.553.055.352**
332	Người mua trả tiền trước dài hạn	18(b)	839.154.706.766	781.044.054.435
333	Chi phí phải trả dài hạn		24.609.845	-
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	21(b)	184.132.364.144	190.488.163.928
337	Phải trả dài hạn khác	22(b)	69.632.448.385	69.699.115.385
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23(b)	563.921.256.799	623.765.467.201
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	16	695.304.220.797	764.257.125.923
342	Dự phòng phải trả dài hạn	24(b)	1.454.852.195.877	1.242.738.506.640
343	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	26	4.782.160.279	5.560.621.840
400	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**13.544.222.915.241**	**13.054.801.249.656**
410	**Vốn chủ sở hữu**		**13.544.222.915.241**	**13.054.801.249.656**
411	Vốn góp của chủ sở hữu	27, 28	4.779.662.900.000	4.779.662.900.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*4.779.662.900.000*	*4.779.662.900.000*
412	Thặng dư vốn cổ phần	28	39.617.060.000	39.617.060.000
417	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	28	515.577.712.981	394.170.781.659
418	Quỹ đầu tư phát triển	28	3.451.157.842.825	3.214.094.269.215
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	28	4.048.270.461.638	3.896.782.758.228
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước*		*3.044.171.472.890*	*2.928.678.969.182*
421b	*- LNST chưa phân phối của năm nay*		*1.004.098.988.748*	*968.103.789.046*
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	28, 29	709.936.937.797	730.473.480.554
440	**TỔNG NGUỒN VỐN**		**26.416.008.810.387**	**25.924.030.290.675**

Dương Thị Ngọc Quý	Nguyễn Văn Bảo	Lê Mạnh Cường
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc
		Ngày 12 tháng 3 năm 2024

Mẫu số B 02 – DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	2022 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 46)
01	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**19.378.650.591.719**	**16.372.875.090.968**
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		(5.088.227.958)	(6.461.436.399)
10	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	32	**19.373.562.363.761**	**16.366.413.654.569**
11	**Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	33	**(18.334.534.034.521)**	**(15.352.536.238.308)**
20	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**1.039.028.329.240**	**1.013.877.416.261**
21	Doanh thu hoạt động tài chính	34	789.718.119.202	489.061.740.268
22	Chi phí tài chính	35	(216.353.920.630)	(162.633.555.590)
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*	35	*(73.036.083.814)*	*(50.646.884.587)*
24	Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	4(b)	651.130.073.326	657.204.081.658
25	Chi phí bán hàng	36	(85.405.257.798)	(79.326.222.890)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	37	(966.858.088.315)	(827.746.592.838)
30	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**1.211.259.255.025**	**1.090.436.866.869**
31	Thu nhập khác		1.578.756.070.062	221.958.040.323
32	Chi phí khác		(1.512.707.692.127)	(36.471.133.930)
40	**Lợi nhuận khác**	38	**66.048.377.935**	**185.486.906.393**
50	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**1.277.307.632.960**	**1.275.923.773.262**
51	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành**	39	**(219.005.912.673)**	**(161.524.013.102)**
52	**Chi phí thuế TNDN hoãn lại**	16	**1.705.805.854**	**(63.741.374.516)**
60	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**1.060.007.526.141**	**1.050.658.385.644**
	Phân bổ cho:			
61	**Chủ sở hữu Công ty mẹ**		**1.026.460.821.400**	**989.419.519.453**
62	**Cổ đông không kiểm soát**		**33.546.704.741**	**61.238.866.191**
70	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	30(a)	**1.579**	**1.438**
71	**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	30(b)	**1.579**	**1.438**

Dương Thị Ngọc Quý	Nguyễn Văn Bảo	Lê Mạnh Cường
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc
		Ngày 12 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 91 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Mẫu số B 03 – DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	2022 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 46)
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận trước thuế**		**1.277.307.632.960**	**1.275.923.773.262**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư		493.006.130.650	471.290.373.424
03	Các khoản dự phòng		141.585.760.208	156.353.514.838
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		15.122.546.118	31.156.712.303
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.119.799.343.543)	(977.788.945.720)
06	Chi phí lãi vay	35	73.036.083.814	50.646.884.587
07	Các khoản điều chỉnh khác		-	(2.284.833.333)
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động**		**880.258.810.207**	**1.005.297.479.361**
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		606.498.409.023	(353.598.469.197)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(386.316.354.824)	1.005.483.695.845
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(663.145.776.574)	442.527.084.419
12	Tăng chi phí trả trước		(184.415.680.743)	(36.931.545.309)
14	Tiền lãi vay đã trả		(73.809.507.123)	(45.933.086.253)
15	Thuế TNDN đã nộp	19	(172.372.344.308)	(285.957.005.772)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(291.199.880.489)	(233.230.894.195)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(284.502.324.831)**	**1.497.657.258.899**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(899.088.732.255)	(498.418.211.861)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	38	4.799.930.050	62.976.905.532
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng		(6.285.921.243.630)	(6.378.205.000.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng		6.793.863.236.114	4.181.122.187.857
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.203.953.887.462	905.089.108.912
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**817.607.077.741**	**(1.727.435.009.560)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	23	508.805.808.895	266.120.897.834
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	23	(163.345.447.892)	(157.725.139.878)
36	Tiền chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu		(377.693.326.900)	(429.659.854.200)
40	**Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính**		**(32.232.965.897)**	**(321.264.096.244)**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**500.871.787.013**	**(551.041.846.905)**
60	**Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm**	3	**5.219.378.499.294**	**5.747.277.411.831**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		36.870.283.382	23.142.934.368
70	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm**	3	**5.757.120.569.689**	**5.219.378.499.294**

Dương Thị Ngọc Quý	Nguyễn Văn Bảo	Lê Mạnh Cường
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc
		Ngày 12 tháng 3 năm 2024

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 91 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam ("Công ty mẹ", Công ty mẹ và các công ty con được gọi chung là "Tổng công ty") được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103015198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó số 0100150577 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh gần nhất, lần thứ 10, được cấp ngày 20 tháng 2 năm 2019.

Cổ phiếu của Công ty mẹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội kể từ ngày 20 tháng 9 năm 2007 với mã chứng khoán là PVS, theo Quyết định số 242/QĐ-TTGDHN do Giám đốc Trung Tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ký ngày 12 tháng 9 năm 2007.

Cổ đông lớn nhất của Công ty mẹ là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tập đoàn"). Chi tiết về tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 27.

Hoạt động chính

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty mẹ và các công ty con ("Tổng công ty") là kinh doanh dịch vụ kỹ thuật dầu khí.

Hoạt động chính của Tổng công ty bao gồm:

- Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật dầu khí;
- Quản lý, kinh doanh, khai thác các tàu dịch vụ kỹ thuật dầu khí;
- Dịch vụ quản lý, điều hành kinh doanh, khai thác cảng, căn cứ cảng dịch vụ kỹ thuật dầu khí; dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ kiểm đếm và giao nhận vận chuyển hàng hóa;
- Dịch vụ quản lý, kinh doanh, vận hành khai thác các kho nổi chứa, xuất dầu thô ("FSO"), kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô ("FPSO");
- Dịch vụ phục vụ hoạt động khảo sát địa vật lý - địa chất công trình, dịch vụ lặn, dịch vụ cung cấp ROV phục vụ công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và công trình công nghiệp, dân dụng;
- Quản lý, tổ chức thực hiện các dự án trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp;
- Gia công, lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị dầu khí;
- Dịch vụ chế tạo, sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí, vật tư, thiết bị phục vụ ngành dầu khí;
- Sửa chữa tàu biển và các công trình dầu khí biển;
- Bảo dưỡng, sửa chữa, đóng mới, hoán cải các phương tiện nổi;
- Xuất nhập khẩu thiết bị và vật tư dầu khí;
- Sản xuất, cung cấp vật tư thiết bị dầu khí;
- Cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí;
- Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí;
- Kinh doanh khách sạn, nhà ở, văn phòng làm việc và dịch vụ sinh hoạt dầu khí;
- Kinh doanh các sản phẩm dầu khí;
- Dịch vụ đại lý tàu biển và môi giới hàng hải;
- Dịch vụ thuê tàu, môi giới tàu biển, lai dắt tàu biển và cứu hộ; và
- Sản xuất điện, truyền tải và phân phối điện, xây dựng công trình công nghiệp – năng lượng tái tạo.

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty là trong vòng 12 tháng. Đối với hoạt động xây dựng, chu kỳ sản xuất kinh doanh có thể từ trên 12 tháng đến 24 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng công ty có 6 chi nhánh và 1 văn phòng đại diện; 13 công ty con sở hữu trực tiếp; 6 công ty liên doanh, liên kết sở hữu trực tiếp; và 2 công ty liên kết sở hữu gián tiếp. Thông tin chi tiết được trình bày như sau:

Các chi nhánh và văn phòng đại diện

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	Số 73, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Việt Nam
2	Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	Số 65A, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Việt Nam
3	Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	Số 11, Đường 3/2, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
4	Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình	Cảng Hòn La, Xã Quảng Đông, Huyện Quảng Trạch, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam
5	Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú	Ấp Thạnh Đức, Xã Long Đức, Huyện Long Phú, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam
6	Chi nhánh PTSC Abu Dhabi (*)	Phòng 1721, Tầng 17, The Offices World Trade Center, Central Market, Al Markaziya, Abu Dhabi, UAE
7	Văn phòng đại diện Tổng công ty Cổ phần Kỹ thuật Dịch vụ Dầu khí Việt Nam tại Hà Nội	Số 142, Đường Nguyễn Khuyến, Phường Văn Miếu, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

(*) Ngày 19 tháng 7 năm 2022, Hội đồng Quản trị Tổng công ty đã ban hành Quyết định số 322/QĐ-PTSC-HĐQT về việc thành lập Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam tại Trung Đông. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty đang hoàn tất các thủ tục liên quan để thành lập chi nhánh theo luật định nước sở tại.

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

STT	Tên	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	31.12.2023		31.12.2022	
				Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %
Công ty con sở hữu trực tiếp							
1	Công ty TNHH Một thành viên ("MTV") Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	Chế tạo, xây lắp công trình dầu khí, công nghiệp	Tp. Vũng Tàu, Việt Nam	100	100	100	100
2	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	Vận hành các tàu địa chấn 2D, 3D; khảo sát địa chấn, địa chất, công trình, khảo sát và sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV	Tp. Vũng Tàu, Việt Nam	100	100	100	100
3	Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	Kinh doanh du lịch và dịch vụ sinh hoạt cho các công ty dầu khí trong và ngoài nước	Tp. Vũng Tàu, Việt Nam	100	100	100	100
4	Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Labuan (*)	Cung cấp tàu dịch vụ phục vụ hoạt động khai thác dầu khí	Malaysia	100	100	100	100
5	Công ty Cổ phần ("CP") Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Quản lý, khai thác và cung cấp tàu dịch vụ và cảng tổng hợp; chế tạo, xây lắp, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình dầu khí và công nghiệp	Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	95,19	95,19	95,19	95,19
6	Công ty CP Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC	Vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, chạy thử, vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng, di dời, thu dọn các công trình dầu khí và công nghiệp	Tp. Vũng Tàu, Việt Nam	84,95	84,95	84,95	84,95
7	Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Quản lý, điều hành, kinh doanh khai thác cảng tổng hợp	Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	59,61	59,61	59,61	59,61
8	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa	Quản lý, khai thác và cung cấp tàu dịch vụ và cảng tổng hợp; chế tạo, xây lắp, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình dầu khí và công nghiệp	Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam	54,69	54,69	54,69	54,69
9	Công ty CP Dịch vụ Khai thác Dầu Khí PTSC	Quản lý, khai thác, vận hành và bảo dưỡng các kho nổi chứa, xuất dầu thô ("FSO"), kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô ("FPSO"), cung ứng lao động chuyên ngành dầu khí	Tp. Vũng Tàu, Việt Nam	51	51	51	51
10	Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Quản lý, điều hành, kinh doanh khai thác cảng tổng hợp và cảng container	Tp. Hải Phòng, Việt Nam	51	51	51	51

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

STT	Tên	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	31.12.2023		31.12.2022	
				Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %
Công ty con sở hữu trực tiếp (tiếp theo)							
11	Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ	Tp. Hà Nội, Việt Nam	51	51	51	51
12	Công ty CP Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	Quản lý, điều hành, kinh doanh khai thác cảng tổng hợp	Tp. Vũng Tàu, Việt Nam	51	51	51	51
13	Công ty TNHH Khảo sát Địa chất vật lý PTSC CGGV (**)	Dịch vụ thu nhận dữ liệu địa chấn, 2D, 3D	Tp. Vũng Tàu, Việt Nam	51	51	51	51
Công ty liên doanh, liên kết sở hữu trực tiếp							
1	Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited ("VOFT")	Đầu tư và cung cấp kho nổi chứa, xuất và xử lý dầu thô ("FPSO")	Malaysia	60	50	60	50
2	PTSC South East Asia Private Limited ("PTSC SEA")	Đầu tư và cung cấp kho nổi chứa, xuất dầu thô ("FSO")	Singapore	51	50	51	50
3	PTSC Asia Pacific Private Limited ("PTSC AP")	Đầu tư và cung cấp kho nổi chứa, xuất và xử lý dầu thô ("FPSO")	Singapore	51	50	51	50
4	Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited ("MVOT")	Đầu tư và cung cấp kho nổi chứa, xuất dầu thô ("FSO")	Malaysia	49	50	49	50
5	Rong Doi MV12 Private Limited ("MV12")	Đầu tư và cung cấp kho nổi chứa, xuất dầu thô ("FSO")	Singapore	33	33	33	33
6	Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí ("PV Shipyard")	Đóng mới, sửa chữa, hoán cải giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy các phương tiện nổi	Tp. Vũng Tàu, Việt Nam	28,75	28,75	28,75	28,75
Công ty liên kết sở hữu gián tiếp							
1	Công ty CP Cảng Tổng hợp Thị Vải	Cung cấp dịch vụ căn cứ cảng	Tp. Vũng Tàu, Việt Nam	21,46	36	21,46	36
2	Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	Xây lắp các công trình dân dụng	Tp. Hải Phòng, Việt Nam	10,49	20,57	10,49	20,57

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

(*) Ngày 16 tháng 10 năm 2023, Hội đồng Quản trị Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam đã ban hành Nghị quyết số 662/NQ-PTSC-HĐQT về việc Phê duyệt giải thể Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Labuan và chấm dứt Dự án đầu tư ra nước ngoài đối với "Dự án thành lập Công ty PTSC Labuan cung cấp tàu dịch vụ dầu khí tại Malaysia". Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng công ty đang hoàn tất các thủ tục liên quan để giải thể Công ty.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Labuan đánh giá và quyết định trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Labuan theo cơ sở kế toán không đáp ứng giả định hoạt động liên tục phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(**) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng công ty đang trong quá trình làm việc với đối tác CGG Holding B.V. (trước đây là CGGVeritas Services Holding BV) về việc chấm dứt Hợp đồng liên doanh trước thời hạn và đang thực hiện các thủ tục để chấm dứt hoạt động của Công ty TNHH Khảo sát Địa Vật lý PTSC CGGV ("PTSC CGGV") theo các văn bản phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty mẹ.

Từ năm 2018 đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PTSC CGGV đã dừng toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc của PTSC CGGV đánh giá và quyết định trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của PTSC CGGV theo cơ sở kế toán không đáp ứng giả định hoạt động liên tục phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng công ty có 7.209 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 6.935 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc và trên cơ sở kế toán hoạt động liên tục, ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và hợp nhất kinh doanh như được trình bày tại Thuyết minh 2.5 và báo cáo tài chính của Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Labuan và PTSC CGGV được lập trên cơ sở kế toán không đáp ứng giả định hoạt động liên tục như đã nêu tại Thuyết minh 1.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập cho năm tài chính từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Tổng công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tổng công ty được xác định dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ, có ảnh hưởng lớn đến giá bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công, hàng hóa và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Tổng công ty còn sử dụng đơn vị tiền tệ này để huy động các nguồn lực tài chính và/hoặc thường xuyên thu được đơn vị tiền tệ này từ các hoạt động kinh doanh và tích trữ lại.

Khi hợp nhất báo cáo tài chính, nếu báo cáo tài chính của các công ty được lập bằng đồng tiền khác với đồng tiền trên báo cáo tài chính của Công ty mẹ, Tổng công ty phải chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty này sang đồng tiền báo cáo của Tổng công ty theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối năm tài chính;
- Vốn góp của chủ sở hữu được quy đổi theo tỷ giá tại ngày góp vốn;
- Giá trị tài sản thuần của các công ty này do Công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua;
- LNST chưa phân phối phát sinh sau ngày mua các công ty này được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân do tỷ giá bình quân của năm tài chính xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Đối với công ty con, phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho Tổng công ty được trình bày tại chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" và phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày trong chỉ tiêu "Lợi ích cổ đông không kiểm soát"; và
- Khi thanh lý các công ty này, toàn bộ số chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế trên phần vốn chủ sở hữu của bảng cân đối kế toán hợp nhất do chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty sẽ được ghi nhận vào doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính cùng năm tài chính thanh lý các công ty đó.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tổng công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tổng công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tổng công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tổng công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh trong nội bộ các công ty thành viên được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tổng công ty áp dụng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty con (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của các công ty trong Tổng công ty sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một năm tài chính. Nếu ngày kết thúc năm tài chính khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc năm tài chính của các công ty và ngày kết thúc năm tài chính của Tổng công ty. Độ dài của năm báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các năm tài chính.

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Tổng công ty áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tổng công ty.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được hạch toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào LNST hoặc lỗ lũy kế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

Công ty liên kết và công ty liên doanh

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tổng công ty vào liên doanh và công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tổng công ty được chia sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên doanh liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tổng công ty trong liên doanh và các công ty liên kết, Tổng công ty sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho liên doanh và các công ty liên kết.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

Các chính sách kế toán của công ty liên doanh, liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tổng công ty áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tổng công ty với các công ty liên doanh, liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tổng công ty trong các công ty liên doanh, liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định, và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

2.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc các khoản phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn theo quy định. Các khoản phải thu được xóa sổ theo hướng dẫn của các quy định hiện hành và quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp, chi phí sản xuất chung, chi phí mua, và các chi phí khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được do Tổng công ty tự xác định là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm tài chính kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ như chi phí tiếp thị, chi phí bán hàng và chi phí phân phối.

Tổng công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.8 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, kém chất lượng, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

Hàng tồn kho được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ vào kế hoạch sử dụng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.9 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc từ ngày mua và được xác định theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập theo quy định kế toán và chính sách kế toán hiện hành vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định một cách đáng tin cậy mà Tổng công ty nắm giữ lâu dài, dự phòng được lập khi giá gốc cao hơn giá trị dự kiến có thể thu hồi. Đối với các khoản đầu tư khác, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty nhận đầu tư bị lỗ. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.10 Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể ước tính một cách đáng tin cậy và nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu. Tổng công ty sử dụng phương pháp tỷ lệ phần trăm hoàn thành để xác định khoản doanh thu và chi phí phù hợp để ghi nhận trong năm kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành được xác định bằng cách tham chiếu đến tỷ lệ của các chi phí đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và tổng chi phí dự toán của từng hợp đồng xây dựng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng. Nếu tổng chi phí của hợp đồng vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng thì khoản lỗ ước tính được ghi nhận là chi phí.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu của hợp đồng chỉ được ghi nhận tương đương với các chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là khi các chi phí này đã phát sinh trong năm tài chính.

Tổng số chi phí phát sinh và lợi nhuận hoặc lỗ ghi nhận của mỗi hợp đồng được so sánh với tổng số tiền ghi trên hóa đơn đã phát hành tính đến cuối năm tài chính. Khi chi phí phát sinh và lợi nhuận ghi nhận (trừ đi lỗ ghi nhận) vượt quá tổng số tiền ghi trên hóa đơn đã phát hành, số dư được trình bày là khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng. Khi tổng số tiền ghi trên hóa đơn đã phát hành vượt quá chi phí cộng với lợi nhuận ghi nhận (trừ đi lỗ ghi nhận), số dư được trình bày là khoản phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể ước tính một cách đáng tin cậy và nhà thầu được thanh toán cho khối lượng thực hiện và đã được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành và được khách hàng xác nhận.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.11 Tài sản cố định ("TSCĐ")

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng, trong đó nguyên giá TSCĐ hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với TSCĐ hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá TSCĐ được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được TSCĐ. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá TSCĐ trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 45 năm
Máy móc và thiết bị	1 – 15 năm
Phương tiện vận tải và truyền dẫn	3 – 30 năm
Thiết bị quản lý	1 – 10 năm
TSCĐ hữu hình khác	1 – 8 năm
Phần mềm máy tính	2 – 6 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm
TSCĐ vô hình khác	3 năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận căn cứ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.11 Tài sản cố định ("TSCĐ") (tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng, hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá TSCĐ theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản dở dang có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.12 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Tổng công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Khấu hao

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong thời gian sử dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư như sau:

Cơ sở hạ tầng	48 – 49 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.14 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau ngày hiệu lực của luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) hoặc không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được ghi nhận là chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.15 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày tới hạn thanh toán.

2.16 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và bên thứ ba.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày tới hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.17 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Việc ghi nhận chi phí phải trả được xác định trên cơ sở đã xác định được nghĩa vụ nợ hiện tại chắc chắn về thời gian thanh toán.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.18 Dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế, và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được ước tính trên cơ sở khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải trả phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng phải trả đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính.

2.19 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm về cho thuê tài sản và việc cung cấp các dịch vụ liên quan đến cho thuê tài sản. Tổng công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tổng công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tài chính tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

Doanh thu chưa thực hiện được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.20 Vốn chủ sở hữu

(a) Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

(b) Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu và chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

(c) LNST chưa phân phối

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lũy kế sau thuế TNDN của Tổng công ty tại thời điểm báo cáo.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.21 Phân chia lợi nhuận

Phương án phân chia LNST TNDN của Tổng công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông bao gồm Nghị quyết của Công ty mẹ và các công ty con, bao gồm: chia cổ tức cho các cổ đông và trích lập các quỹ theo điều lệ của Tổng công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của năm kế toán dựa vào ngày chốt danh sách cổ đông theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị sau khi phương án chi trả cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

Tổng công ty trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của Tổng công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng vào việc đầu tư đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu bằng hình thức bổ sung vốn điều lệ.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của Tổng công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được sử dụng cho mục đích khen thưởng, phúc lợi cho người lao động và thưởng ban quản lý điều hành.

2.22 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với "bản chất hơn hình thức" và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.22 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng bao gồm doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng xây dựng; các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng; các khoản tiền thưởng; các khoản thanh toán khác mà Tổng công ty thu được từ khách hàng hay một bên khác để bù đắp cho các chi phí không bao gồm trong giá hợp đồng, các khoản thanh toán mà khách hàng sẽ chấp thuận bồi thường, và các khoản thanh toán khác nếu có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu từ hợp đồng xây dựng được trình bày tại Thuyết minh 2.10.

(d) Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê.

(e) Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:
(a) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
(b) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

(f) Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia

Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng công ty xác lập quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được chia từ các đơn vị đầu tư.

2.23 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm tài chính, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.24 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí đi vay vốn; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ; và lỗ tỷ giá hối đoái.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.25 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm: chi phí quảng bá thương hiệu, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng và các chi phí bán hàng khác.

2.26 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Tổng công ty bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng; công cụ lao động; khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; và các chi phí khác.

2.27 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải nộp và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế và Tổng công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Chi phí thuế TNDN của Tổng công ty được ước tính dựa vào các quy định hiện hành về thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế và sự thay đổi của những quy định về thuế.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.28 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tổng công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.29 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan ("bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh"), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể ("bộ phận chia theo khu vực địa lý"). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng công ty một cách toàn diện.

2.30 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về nợ phải trả, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- doanh thu và chi phí liên quan tới hợp đồng xây dựng (Thuyết minh 2.10, 2.22, 2.23); và
- phải thu và phải trả liên quan tới hợp đồng xây dựng (Thuyết minh 2.10).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2023 VND	2022 VND
Tiền mặt	9.201.053.670	9.203.959.093
Tiền gửi ngân hàng	3.618.761.042.197	3.679.704.682.612
Tiền đang chuyển	177.697.406	227.726.345
Các khoản tương đương tiền (*)	2.128.980.776.416	1.530.242.131.244
	5.757.120.569.689	5.219.378.499.294

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tương đương tiền thể hiện giá trị của các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất bình quân từ 0,5% đến 4,7%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1% đến 6%/năm).

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	2023		2022	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	4.329.388.583.505	4.329.388.583.505	4.837.330.575.989	4.837.330.575.989

Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện giá trị của khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng và trên 3 tháng tại ngân hàng thương mại với lãi suất là 3,6% đến 8,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 3,5% đến 10,3%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn không quá 12 tháng tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương ("OceanBank") là 190.680.000.000 Đồng đang tạm ngừng giao dịch. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	2023			2022		
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (i)	1.652.802.039.235	4.942.961.726.110	-	1.624.677.039.235	4.900.733.639.663	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (ii)	3.000.000.000	3.000.000.000	(1.216.918.540)	31.125.000.000	31.125.000.000	(14.167.398.536)
	1.655.802.039.235	4.945.961.726.110	(1.216.918.540)	1.655.802.039.235	4.931.858.639.663	(14.167.398.536)

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

(i) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Chi tiết của khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày như sau:

		2023			2022		
STT	Tên công ty	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
1	Rong Doi MV12 Private Limited (i)	106.022.400	-	(*)	106.022.400	-	(*)
2	Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited (ii)	292.324.455.887	2.075.355.338.532	(*)	292.324.455.887	1.918.999.285.578	(*)
3	Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited (iii)	156.473.118.448	972.889.320.893	(*)	156.473.118.448	1.110.441.811.262	(*)
4	PTSC South East Asia Private Limited (iv)	340.800.232.500	905.663.744.900	(*)	340.800.232.500	950.599.205.954	(*)
5	PTSC Asia Pacific Private Limited (v)	641.415.780.000	952.023.898.798	(*)	641.415.780.000	886.283.700.151	(*)
6	Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (vi)	171.957.430.000	-	(*)	171.957.430.000	-	(*)
7	Công ty CP Cảng Tổng hợp Thị Vải (vii)	21.600.000.000	22.183.192.932	(*)	21.600.000.000	34.409.636.718	(*)
8	Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (viii)	28.125.000.000	14.846.230.055	(*)	-	-	
		1.652.802.039.235	4.942.961.726.110		1.624.677.039.235	4.900.733.639.663	

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường hoặc được niêm yết trên thị trường nhưng giao dịch không đáng kể. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(i) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

Biến động của đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết trong năm tài chính được trình bày như sau:

	2023 VND	2022 VND
Giá trị khoản đầu tư gốc	1.652.802.039.235	1.624.677.039.235
Kết quả kinh doanh thuần từ các công ty liên doanh, liên kết:		
Số dư đầu năm	3.276.056.600.428	3.199.653.580.210
Lợi nhuận từ các công ty liên doanh, liên kết trong năm (*)	651.130.073.326	657.204.081.658
Cổ tức được chia	(757.473.000.000)	(689.932.500.000)
Điều chỉnh chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính trong năm	120.446.013.121	109.131.438.560
Số dư cuối năm	4.942.961.726.110	4.900.733.639.663

(*) Trong đó, chi tiết lợi nhuận/(lỗ) từ các công ty liên doanh, liên kết trong năm tài chính như sau:

	2023 VND	2022 VND
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited (iii)	418.134.109.633	431.545.021.382
PTSC Asia Pacific Private Limited (v)	156.204.652.853	121.600.790.793
Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited (ii)	94.363.604.685	149.242.046.794
PTSC South East Asia Private Limited (iv)	7.932.919.886	(44.570.464.425)
Công ty CP Cảng Tổng hợp Thị Vải (vii)	(12.226.443.786)	(613.312.886)
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (viii)	(13.278.769.945)	-
	651.130.073.326	657.204.081.658

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

(i) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

(i) Rong Doi MV12 Private Limited là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập bởi Tổng công ty và các đối tác Modec, Inc., và Mitsui & Co., Ltd (Modec, Inc., và Mitsui & Co., Ltd được thành lập tại Nhật) vào năm 2006 để đầu tư kho nổi chứa, xuất dầu thô (FSO "Rong Doi MV12") với sức chứa 300.000 thùng dầu cho Công ty Korea National Oil Corporation ("KNOC") thuê từ năm 2007 để phục vụ khai thác dầu tại mỏ Rồng Đôi – Rồng Đôi Tây thuộc Lô 11-2 ngoài khơi Việt Nam. Thời hạn cho thuê là 07 năm cố định và được gia hạn từng năm cho đến khi hết thời hạn sử dụng của FSO. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn góp của Tổng công ty tại Rong Doi MV12 Private Limited là 6.600 USD, tương đương 106.022.400 Đồng.

(ii) Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited ("MVOT") là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập bởi Tổng công ty và đối tác Malaysia International Shipping Corporation Berhard ("MISC") vào năm 2009 để:

- đầu tư kho nổi chứa, xuất dầu thô (FSO "Orkid") sức chứa 650.000 thùng dầu cho Repsol Oil & Gas Malaysia Limited thuê để phục vụ khai thác dầu ngoài khơi tại khu vực chồng lấn thương mại PM-3 CAA thuộc khu vực chồng lấn Việt Nam - Malaysia từ năm 2009 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027; và
- đầu tư kho nổi chứa, xuất dầu thô (FSO "Golden Star") sức chứa 654.717 thùng dầu cho Idemitsu Gas Production Viet Nam Company Limited thuê phục vụ khai thác tại cụm mỏ Sao Vàng Đại Nguyệt thuộc Lô 05-1b & 05 – 1c ngoài khơi Việt Nam với thời hạn hợp đồng trong vòng 7 năm từ tháng 11 năm 2020 đến tháng 11 năm 2027 và có thể gia hạn thêm 8 năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn góp của Tổng công ty tại MVOT là 17.258.911 USD, tương đương 292.324.455.887 Đồng.

(iii) Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited ("VOFT") là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập bởi Tổng công ty và đối tác MISC vào năm 2009, trong đó Tổng công ty chiếm 60% vốn để sở hữu, quản lý, và khai thác kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô (FPSO "Ruby II"). Từ tháng 6 năm 2010, FPSO "Ruby II" được đưa vào khai thác phục vụ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí của Công ty Petronas Carigali Vietnam Limited tại Lô 01&02 ngoài khơi thềm lục địa Việt Nam đến ngày 9 tháng 9 năm 2017. Từ ngày 10 tháng 9 năm 2017, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thay thế, tiếp nhận quyền lợi và nghĩa vụ của Petronas Carigali Vietnam Limited, thực hiện hợp đồng với VOFT theo thỏa thuận giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với Petronas Carigali Vietnam Limited. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn góp của Tổng công ty tại VOFT là 8.784.000 USD, tương đương 156.473.118.448 Đồng.

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

(i) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

(iv) PTSC South East Asia Private Limited ("PTSC SEA") là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập bởi Tổng công ty và đối tác Yinson Holding Berhad vào năm 2011 theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 474/BKHĐT- ĐTRNN ngày 31 tháng 10 năm 2011 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp để đầu tư đóng mới và cho thuê kho nổi chứa, xuất dầu thô (FSO "PTSC Bien Dong 01") cho Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông ("BDPOC") thuê phục vụ khai thác dầu thô tại Lô 05.2 và Lô 05.3 ngoài khơi thềm lục địa Việt Nam. Dự án có tổng vốn đầu tư là 149.318.329 USD, tương đương 3.071.478.027.530 Đồng, trong đó, vốn góp của các bên là 37.329.582 USD chiếm 25% vốn đầu tư, còn lại là vốn vay. Trong năm 2022, nhằm để tái cấu trúc Tập đoàn Yinson Holding Berhad, Yinson Holding Berhad đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần thuộc sở hữu của Yinson Holding Berhad tại PTSC SEA cho Yinson Production Capital Private Limited (một công ty cháu của Yinson Holding Berhad), theo đó, Yinson Holding Berhad đã chuyển giao toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của mình tại PTSC SEA cho Yinson Production Capital Private Limited theo thỏa thuận được ký giữa Tổng công ty, Yinson Holding Berhad, Yinson Production Offshore Private Limited và Yinson Production Capital Private Limited. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn góp của Tổng công ty tại PTSC SEA là 16.320.000 USD, tương đương 340.800.232.500 Đồng.

(v) PTSC Asia Pacific Private Limited ("PTSC AP") là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập bởi Tổng công ty và đối tác Yinson Holding Berhad vào năm 2012 theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 561/BKHĐT- ĐTRNN ngày 19 tháng 10 năm 2012 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp để góp vốn đầu tư kinh doanh kho nổi chứa, xuất và xử lý dầu thô (FPSO "PTSC Lam Son") cho Công ty Điều hành chung Lam Sơn (Lam Son JOC) thuê phục vụ phát triển tại mỏ Thăng Long – Đông Đô thuộc Lô 01/97 và Lô 02/97, vùng trũng Cửu Long tại vùng biển Việt Nam đến ngày 30 tháng 6 năm 2017. Từ ngày 1 tháng 7 năm 2017, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam/Tổng công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí thay thế, tiếp nhận quyền lợi và nghĩa vụ của Lam Son JOC tiếp tục thuê FPSO "PTSC Lam Son". Dự án có tổng vốn đầu tư là 429.977.481 USD, tương đương 9.113.372.709.795 Đồng, trong đó, vốn góp của các bên là 119.996.426 USD chiếm 27,9% vốn đầu tư. Trong năm 2018, hai bên góp vốn của PTSC AP đã thực hiện giảm vốn góp từ 100.000.000 USD xuống còn 60.000.000 USD tương ứng với tỷ lệ góp vốn của các chủ sở hữu. Trong năm 2022, nhằm để tái cấu trúc Tập đoàn Yinson Holding Berhad, Yinson Holding Berhad đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần thuộc sở hữu của Yinson Holding Berhad tại PTSC AP cho Yinson Production Capital Private Limited (một công ty cháu của Yinson Holding Berhad), theo đó, Yinson Holding Berhad đã chuyển giao toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của mình tại PTSC AP cho Yinson Production Capital Private Limited theo thỏa thuận được ký giữa Tổng công ty, Yinson Holding Berhad, Yinson Production Offshore Private Limited và Yinson Production Capital Private Limited. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn góp của Tổng công ty tại PTSC AP là 30.600.000 USD, tương đương 641.415.780.000 Đồng.

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

(i) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

(vi) Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500806844 ngày 9 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp với vốn điều lệ đăng ký là 594.897.870.000 Đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn góp của Tổng công ty tại công ty này là 171.957.430.000 Đồng, chiếm 28,75% vốn điều lệ.

(vii) Công ty CP Cảng Tổng hợp Thị Vải ("Cảng Thị Vải") là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3502259121 ngày 21 tháng 7 năm 2014 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp với số vốn điều lệ đăng ký là 60.000.000.000 Đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Cảng Thị Vải, Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ, công ty con của Tổng công ty, nắm giữ 36% vốn điều lệ của Cảng Thị Vải. Theo đó, Tổng công ty gián tiếp sở hữu 21,46% vốn điều lệ của Cảng Thị Vải. Do đó, Cảng Thị Vải là công ty liên kết của Tổng công ty theo quy định kế toán hiện hành.

(viii) Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải ("PVC Duyên Hải") là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201093188 cấp lần đầu ngày 2 tháng 7 năm 2010 và thay đổi lần thứ 11 ngày 31 tháng 12 năm 2019 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp với số vốn điều lệ đăng ký là 136.732.500.000 Đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ, công ty con của Tổng công ty, nắm giữ 20,57% vốn điều lệ của Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải. Theo đó, Tổng công ty gián tiếp sở hữu 10,49% vốn điều lệ của Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải.

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết của đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được trình bày như sau:

STT	Tên công ty	2023			2022		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
1	Công ty CP Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch (i)	3.000.000.000	(1.216.918.540)	(*)	3.000.000.000	(819.246.567)	(*)
2	Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (ii)	-	-		28.125.000.000	(13.348.151.969)	(*)
		3.000.000.000	(1.216.918.540)		31.125.000.000	(14.167.398.536)	

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Tổng công ty trong Công ty CP Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch là 1,49%.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng công ty đã phân loại lại khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải thành đầu tư vào công ty liên kết.

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

Biến động trong năm của khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	14.167.398.536	24.758.595.673
Hoàn nhập dự phòng (Thuyết minh 35)	(12.950.479.996)	(61.197.137)
Xóa sổ	-	(10.530.000.000)
Số dư cuối năm	1.216.918.540	14.167.398.536

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2023 VND	2022 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 46)
Bên thứ ba		
Orsted Taiwan Limited	646.011.560.208	-
Liên danh TPSK	86.827.056.306	255.380.294.767
Hanwha Ocean Company Limited	82.280.188.320	63.475.215.772
Sea Energy Marine Services LLC	43.741.227.533	-
Technip Geoproduction (M) Sdn Bhd	42.547.195.518	42.344.509.025
Văn phòng điều hành ("VPĐH") Công ty Premier Oil Vietnam Offshore B.V. tại Tp. Hồ Chí Minh	40.014.194.636	46.479.111.718
Tổng công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát	37.879.899.557	1.469.758.015
Enterprize Energy Private Limited	35.677.041.656	16.252.738.735
North Oil Company	35.289.943.530	226.188.814.534
Công ty CP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	35.121.129.014	19.191.122.405
Allianz Marine Services LLC	32.394.204.662	23.228.572.500
Baltec IES Proprietary Limited	30.836.355.323	10.713.013.657
Công ty CP Dịch vụ Công trình ngầm Thiên Nam	30.212.528.747	-
Japan Vietnam Petroleum Company Limited	29.864.955.826	23.910.629.839
VPĐH Idemitsu Gas Production (Vietnam) Co., Ltd. tại Tp. Hồ Chí Minh	29.074.434.426	101.727.334.015
Công ty TNHH Hệ thống điện GE Việt Nam	26.230.276.719	29.079.843.417
Hyundai Heavies Industries	501.357.485	42.978.194.772
EGL Waste Services Proprietary Company	-	23.291.802.936
Bên thứ ba khác	551.371.315.917	556.052.829.751
	1.815.874.865.383	1.481.763.785.858
Bên liên quan (Thuyết minh 41(b))	1.295.235.230.321	2.659.505.006.690
	3.111.110.095.704	4.141.268.792.548

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư của các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán được trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày tại Thuyết minh 9.

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2023 VND	2022 VND
Bên thứ ba		
Tổng công ty Lắp Máy Việt Nam	100.613.950.134	100.613.950.134
Công ty TNHH Công Nghiệp IQIP Singapore Private Limited	30.937.500.000	-
Công ty CP Cơ khí Xây dựng Thương mại Đại Dũng	24.478.851.280	-
Công ty CP SCI E&C	22.192.268.511	-
Kocks Ardelt Kranbau GmbH	13.588.401.409	13.588.401.409
Công ty TNHH Cơ giới Mỹ Dung	-	44.816.994.964
Bên thứ ba khác	-	20.945.574.000
	204.058.179.199	122.723.147.880
	395.869.150.533	302.688.068.387
Bên liên quan (Thuyết minh 41(b))	33.758.107.623	3.280.079.763
	429.627.258.156	305.968.148.150

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng công ty không có khoản trả trước cho người bán ngắn hạn nào đã quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

7 PHẢI THU VÀ PHẢI TRẢ THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	2023 VND	2022 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 46)
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	126.550.860.677	81.454.247.556
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	(237.901.633.014)	(17.741.336.460)
	(111.350.772.337)	63.712.911.096
Trong đó:		
Chi phí hợp đồng xây dựng cộng lợi nhuận đã ghi nhận trừ các khoản lỗ đã ghi nhận lũy kế	10.918.593.697.194	8.101.877.933.693
Số đã phát hành hóa đơn theo tiến độ	(11.029.944.469.531)	(8.038.165.022.597)
	(111.350.772.337)	63.712.911.096

Chi tiết của phải thu/phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng theo dự án được trình bày như sau:

	2023 VND	2022 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 46)
Phải thu		
Dự án Đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng - Đại Nguyệt	66.657.433.448	66.657.433.451
Dự án EPC Kho chứa LNG Thị Vải	52.428.513.687	11.485.301.109
Dự án kho xăng dầu Vũng Rô	4.153.400.546	-
Dự án NPK	3.311.512.996	3.311.512.996
	126.550.860.677	81.454.247.556
Phải trả		
Dự án CHW2204	202.267.437.762	-
Dự án bồn chứa LPG Thị Vải	24.951.439.815	-
Hợp đồng "Thiết kế, mua sắm, thi công và lắp đặt giàn công nghệ trung tâm, giàn nhà ở và tháp đuốc" thuộc dự án khí Lô B - Ô Môn	6.978.962.420	-
Hợp đồng thiết kế, mua sắm và thi công xây dựng cho dự án Hải Phòng 2	3.703.793.017	-
Dự án Tổ hợp hoá dầu Miền Nam	-	17.741.336.460
	237.901.633.014	17.741.336.460

8 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2023		2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND (Trình bày lại - Thuyết minh 46)	Dự phòng VND
Doanh thu trích trước cho dịch vụ đã cung cấp	93.695.215.141	-	8.967.426.540	-
Liên danh TPSK	60.944.775.800	-	42.917.553.000	-
Hanwha Ocean Company Limited	49.143.186.400	-	-	-
T. Y. Lin International	43.407.857.358	-	24.394.736.436	-
Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	21.756.904.847	-	-	-
VPĐH Công ty Premier Oil Vietnam Offshore B.V. tại Tp. Hồ Chí Minh	6.753.280.800	-	22.423.561.125	-
Hibiscus Oil & Gas Malaysia Limited	-	-	204.294.220.794	-
Dự án đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng Đại Nguyệt	-	-	17.251.709.860	-
Technip Geoproduction (M) SDN BHD	101.561.436.764	-	71.401.928.881	-
Khác	97.014.733.588	-	79.626.280.883	-
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	43.935.741.123	-	39.472.889.833	-
Ký quỹ, ký cược	12.554.832.780	-	14.689.285.135	-
Tạm ứng	11.244.283.209	-	35.031.435.403	-
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	-	-	30.702.486.737	-
Phải thu khoản phạt hợp đồng	97.536.090.026	(1.278.756.902)	74.555.042.524	(539.678.779)
Khác				
	639.548.337.836	(1.278.756.902)	665.728.557.151	(539.678.779)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư của các khoản phải thu ngắn hạn khác đã quá hạn thanh toán được trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày tại Thuyết minh 9.

8 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	2023 VND	2022 VND
Ký quỹ, ký cược	111.243.427.960	111.796.610.223
Khác	11.540.550.273	11.540.550.273
	122.783.978.233	123.337.160.496

Chi tiết phải thu khác theo đối tượng được trình bày như sau:

	2023 VND	2022 VND
Ngắn hạn		
Bên thứ ba	547.701.565.171	596.485.037.771
Bên liên quan (Thuyết minh 41(b))	91.846.772.665	69.243.519.380
	639.548.337.836	665.728.557.151
Dài hạn		
Bên thứ ba	122.783.978.233	123.337.160.496

9 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	2023			
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn
Phải thu ngắn hạn khách hàng				
Bên thứ ba				
Công ty TNHH Đóng tàu và Cơ khí Hàng hải Sài Gòn	13.531.918.730	-	(13.531.918.730)	Trên 3 năm
Marsol Offshore Construction LLC	7.554.500.377	-	(7.554.500.377)	Trên 3 năm
Allianz Marine Services LLC	32.394.204.662	24.946.748.440	(7.447.456.222)	Trên 6 tháng - Dưới 1 năm
Sapura Offshore Sdn Bhd	11.907.196.056	4.466.813.947	(7.440.382.109)	Trên 1 năm - Dưới 3 năm
Khác	41.062.863.197	15.866.328.507	(25.196.534.690)	Trên 6 tháng - Trên 3 năm
	106.450.683.022	45.279.890.894	(61.170.792.128)	
Bên liên quan				
Công ty TNHH MTV Điều hành và Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	23.923.058.448	528.132.053	(23.394.926.395)	Trên 2 năm - Trên 3 năm
Ban QLDA Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	15.098.497.832	-	(15.098.497.832)	Trên 3 năm
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	15.559.869.313	656.163.942	(14.903.705.371)	Trên 1 năm - Trên 3 năm
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Nước ngoài	4.949.073.120	-	(4.949.073.120)	Trên 3 năm
Khác	2.066.454.971	1.031.312.971	(1.035.142.000)	Trên 6 tháng - Trên 3 năm
	61.596.953.684	2.215.608.966	(59.381.344.718)	
Phải thu ngắn hạn khác				
Bên thứ ba	20.260.800	18.741.240	(1.519.560)	Trên 6 tháng - Dưới 1 năm
Bên liên quan				
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	2.986.746.685	1.709.509.343	(1.277.237.342)	Trên 1 năm - Dưới 2 năm
	171.054.644.191	49.223.750.443	(121.830.893.748)	

9 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI (tiếp theo)

	2022			
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND (Trình bày lại - Thuyết minh 46)	Dự phòng VND (Trình bày lại - Thuyết minh 46)	Thời gian quá hạn
Phải thu ngắn hạn khách hàng				
Bên thứ ba				
Công ty TNHH Đóng tàu và Cơ khí Hàng hải Sài Gòn	13.531.918.730	-	(13.531.918.730)	Trên 3 năm
Berlanga Myanmar Private Limited	11.640.833.613	-	(11.640.833.613)	Trên 3 năm
Marsol Offshore Construction L.L.C	7.554.500.377	-	(7.554.500.377)	Trên 3 năm
Khác	34.897.895.336	12.647.081.678	(22.250.813.658)	Trên 6 tháng - Trên 3 năm
	67.625.148.056	12.647.081.678	(54.978.066.378)	
Bên liên quan				
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	52.771.243.442	21.424.354.455	(31.346.888.987)	Trên 1 năm - Trên 3 năm
Công ty TNHH MTV Điều hành và Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	24.204.947.715	431.474.670	(23.773.473.045)	Trên 1 năm - Trên 3 năm
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	16.014.782.604	1.402.226.719	(14.612.555.885)	Trên 6 tháng - Trên 3 năm
Ban QLDA Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	15.098.497.832	-	(15.098.497.832)	Trên 3 năm
Khác	44.521.076.246	37.460.677.765	(7.060.398.481)	Trên 6 tháng - Trên 3 năm
	152.610.547.839	60.718.733.609	(91.891.814.230)	
Phải thu ngắn hạn khác				
VPĐH ENI Việt Nam B.V tại Tp. Hồ Chí Minh	26.723.500	18.706.450	(8.017.050)	Trên 6 tháng - Dưới 1 năm
Bên liên quan				
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	3.341.560.613	2.809.898.884	(531.661.729)	Trên 6 tháng - Trên 2 năm
	223.603.980.008	76.194.420.621	(147.409.559.387)	

10 HÀNG TỒN KHO

(a) Hàng tồn kho

	2023		2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND (Trình bày lại - Thuyết minh 46)	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	30.033.493.450	-	4.575.537.419	-
Nguyên vật liệu	381.240.156.057	(2.624.513.034)	487.166.345.056	(1.950.254.388)
Công cụ, dụng cụ	33.020.540.147	(3.323.952.893)	33.962.050.503	-
Chi phí SXKD dở dang (*)	1.030.216.960.605	-	561.221.230.997	-
Hàng hóa	1.841.628.412	-	4.685.427.237	-
	1.476.352.778.671	(5.948.465.927)	1.091.610.591.212	(1.950.254.388)

(*) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang thể hiện các khoản chi phí phát sinh liên quan đến dịch vụ, dự án sau:

	2023 VND	2022 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 46)
Dự án CHW2204	373.234.374.702	-
Dự án Hải Long OSS	182.083.967.667	28.591.199.315
Dự án Gallaf - Giai đoạn 3	158.269.506.150	65.128.453.323
Dự án Tổ hợp hóa dầu Miền Nam	129.490.061.107	133.706.746.341
Dự án gia công kết cấu thép cho GE	46.646.412.811	55.352.712.974
Dịch vụ khảo sát địa chấn và công trình ngầm	22.263.868.589	-
Dự án nhà máy nhiệt điện Long Phú 1	19.418.265.705	29.495.548.939
Dự án Subsea 7	16.144.347.613	-
Dự án gia công kết cấu thép cho Baltec	15.642.396.878	25.274.415.677
Dự án Gallaf - Giai đoạn 1	-	73.661.271.292
Dự án EPC Kho chứa LNG Thị Vải	-	25.700.524.450
Dự án cho thuê tàu khảo sát (DSV) tại Thái Lan	-	19.850.078.896
Dự án Kho chứa xăng dầu Mái Dầm - Hậu Giang	-	16.760.417.816
Khác	67.023.759.383	87.699.861.974
	1.030.216.960.605	561.221.230.997

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm tài chính như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	1.950.254.388	2.191.166.161
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng	3.998.211.539	(240.911.773)
Số dư cuối năm	5.948.465.927	1.950.254.388

10 HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn thể hiện giá trị của các loại thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế sử dụng để sửa chữa các phương tiện vận tải có kế hoạch thực hiện trên 12 tháng.

11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	2023 VND	2022 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 46)
Chi phí bảo hiểm	14.968.490.542	15.007.057.413
Chi phí thuê bãi, cơ sở hạ tầng	13.309.033.744	4.519.129.429
Chi phí công cụ, dụng cụ	10.784.827.997	11.865.749.785
Chi phí gia công thiết bị cho hoạt động khảo sát địa chất	3.362.705.011	-
Khác	8.374.411.122	7.186.097.017
	50.799.468.416	38.578.033.644

(b) Dài hạn

	2023 VND	2022 VND
Trả trước tiền thuê văn phòng tại Trụ sở chính Số 1-5 Lê Duẩn	256.213.823.262	263.185.980.666
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản	147.565.169.195	109.597.249.468
Chi phí thuê bãi, cơ sở hạ tầng	120.207.751.293	6.457.544.100
Trả trước tiền thuê đất tại Cảng Đình Vũ	99.188.010.185	103.454.161.157
Trả trước tiền giải phóng mặt bằng tại Cảng Sơn Trà	85.137.857.742	87.625.978.026
Chi phí công cụ, dụng cụ	75.590.101.937	42.809.607.265
Chi phí nạo vét Cảng Vũng Tàu	9.118.803.679	13.935.073.219
Khác	26.511.150.509	20.272.827.930
	819.532.667.802	647.338.421.831

12 THUẾ GTGT ĐƯỢC KHẤU TRỪ

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã cấn trừ với thuế GTGT phải nộp VND	Điều chỉnh trong năm VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
Thuế GTGT được khấu trừ	234.819.754.830	992.693.738.598	(718.984.224.532)	(13.508.118.349)	495.021.150.547

13 TSCĐ

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải và truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 (Trình bày lại - Thuyết minh 46)	3.597.714.504.167	2.705.062.811.956	5.723.998.208.391	245.731.225.218	136.694.884.897	**12.409.201.634.629**
Mua trong năm	2.019.102.486	263.969.299.274	101.943.280.309	28.940.635.398	43.387.322.863	**440.259.640.330**
Hình thành từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 15(b))	343.853.188.263	36.571.580.798	5.879.987.992	1.089.125.000	-	**387.393.882.053**
Thanh lý, nhượng bán	(4.640.891.033)	(4.538.232.464)	(10.929.415.052)	(5.959.010.365)	-	**(26.067.548.914)**
Phân loại lại	67.837.570.080	-	-	-	-	**67.837.570.080**
Phân loại lại	-	-	-	-	(67.837.570.080)	**(67.837.570.080)**
Giảm khác	(394.790.190)	(1.177.189.909)	(352.039.957)	(33.898.280)	-	**(1.957.918.336)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	4.006.388.683.773	2.999.888.269.655	5.820.540.021.683	269.768.076.971	112.244.637.680	**13.208.829.689.762**
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 (Trình bày lại - Thuyết minh 46)	2.530.657.798.114	2.010.563.806.184	4.628.963.453.515	209.987.678.933	47.710.711.188	**9.427.883.447.934**
Khấu hao trong năm	96.943.771.568	163.098.505.521	192.654.483.493	18.458.683.627	9.570.696.263	**480.726.140.472**
Thanh lý, nhượng bán	(4.640.891.033)	(4.538.232.464)	(10.929.415.052)	(5.959.010.365)	-	**(26.067.548.914)**
Phân loại lại	7.878.379.281	-	-	-	-	**7.878.379.281**
Phân loại lại	-	(126.623.200)	(84.703.086)	211.326.538	(7.878.379.533)	**(7.878.379.281)**
Giảm khác	(394.790.190)	(1.060.800.878)	(219.288.841)	(33.898.268)	-	**(1.708.778.177)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	2.630.444.267.740	2.167.936.655.163	4.810.384.530.029	222.664.780.465	49.403.027.918	**9.880.833.261.315**
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 (Trình bày lại - Thuyết minh 46)	1.067.056.706.053	694.499.005.772	1.095.034.754.876	35.743.546.285	88.984.173.709	**2.981.318.186.695**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.375.944.416.033	831.951.614.492	1.010.155.491.654	47.103.296.506	62.841.609.762	**3.327.996.428.447**

13 TSCĐ (tiếp theo)

(a) TSCĐ hữu hình (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của Tổng công ty là 6.933 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 6.513 tỷ Đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng công ty đã thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho một số khoản vay ngân hàng (Thuyết minh 23) với nguyên giá là 1.920 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.772 tỷ Đồng).

(b) TSCĐ vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	51.264.099.029	134.575.703.835	2.159.261.714	**187.999.064.578**
Mua trong năm	-	3.650.359.000	261.020.000	**3.911.379.000**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	51.264.099.029	138.226.062.835	2.420.281.714	**191.910.443.578**
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	432.008.650	118.602.160.201	1.945.928.388	**120.980.097.239**
Khấu hao trong năm	26.204.400	7.363.294.829	155.219.093	**7.544.718.322**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	458.213.050	125.965.455.030	2.101.147.481	**128.524.815.561**
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	50.832.090.379	15.973.543.634	213.333.326	**67.018.967.339**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	50.805.885.979	12.260.607.805	319.134.233	**63.385.628.017**

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Tổng công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 117 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 111 tỷ Đồng).

14 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Chi tiết của bất động sản đầu tư như sau:

	2023 VND	2022 VND
Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê:		
Dự án Cơ sở hạ tầng - 39,8 hecta	93.416.181.780	96.923.514.168
Dự án Cơ sở hạ tầng - 23 hecta	70.978.779.135	72.206.718.603
	164.394.960.915	169.130.232.771

Bất động sản đầu tư chủ yếu bao gồm:

- Dự án Cơ sở hạ tầng - 39,8 hecta có nguyên giá là 131.881.668.267 Đồng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê là 48 năm; và
- Dự án Cơ sở hạ tầng - 23 hecta có nguyên giá 97.399.118.187 Đồng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê là 49 năm.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022, doanh thu phát sinh từ bất động sản đầu tư là 5.203.799.784 Đồng. Chi phí trực tiếp phát sinh từ hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022 (bao gồm công cụ dụng cụ, chi phí điện nước, chi phí quản lý) là 4.735.271.856 Đồng.

14 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Biến động trong năm của bất động sản đầu tư như sau:

	Cơ sở hạ tầng VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2023	229.280.786.454
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	60.150.553.683
Khấu hao trong năm	4.735.271.856
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	64.885.825.539
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	169.130.232.771
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	164.394.960.915

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng công ty chưa thu thập đủ thông tin về các bất động sản tương tự làm cơ sở so sánh giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

15 TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

(a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

Chi tiết của chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn như sau:

	2023		2022	
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1 (i)	301.308.440.489	-	301.308.440.489	-
Dự án Bio Ethanol (ii)	69.815.950.708	69.815.950.708	69.815.950.708	69.815.950.708
	371.124.391.197	69.815.950.708	371.124.391.197	69.815.950.708

15 TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN (tiếp theo)

(a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn (tiếp theo)

(i) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn thể hiện chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1 liên quan đến Hạng mục thiết kế nước ngoài do nhà thầu Black & Veatch International thực hiện. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng công ty và Chủ đầu tư - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chưa hoàn thành việc quyết toán giá trị của hạng mục này. Tổng công ty đã thực hiện đánh giá chi phí sản xuất kinh doanh dở dang này tại Biên bản đánh giá hàng tồn kho số 07/BB-PTSCLP của Hội đồng đánh giá hàng tồn kho - chi phí dở dang hạng mục chi phí tư vấn thiết kế nước ngoài được thành lập theo Quyết định số 0934/QĐ-PTSCLP ngày 21 tháng 12 năm 2017, theo đó, Tổng công ty đã thực hiện trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang nêu trên với giá trị tương ứng là 301.308.440.489 Đồng.

(ii) Dự án xây dựng Nhà máy sản xuất nhiên liệu sinh học Bio - Ethanol Dung Quất đã hoàn tất phần xây dựng cơ sở hạ tầng, bàn giao cho chủ đầu tư là Công ty CP Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung và đang thực hiện các thủ tục để thanh quyết toán hợp đồng. Số dư của hạng mục này tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 69.815.950.708 Đồng tương ứng với 5% giá trị của hợp đồng, sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thực hiện xong việc quyết toán theo các điều khoản của hợp đồng và đồng thời sẽ ghi nhận doanh thu tương ứng. Theo đó, giá trị có thể thu hồi sẽ phụ thuộc vào giá trị quyết toán cuối cùng của hợp đồng. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty và Chủ đầu tư vẫn chưa hoàn thành việc quyết toán hợp đồng.

(b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn

Chi tiết của chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày như sau:

	2023 VND	2022 VND
Hệ thống thiết bị chống ăn mòn phục vụ dự án năng lượng tái tạo	156.531.118.457	-
Xây dựng căn cứ cảng tại cảng Sao Mai - Bến Đình	38.472.788.885	39.077.291.806
Công trình Nhà công vụ phục vụ vận hành và mở rộng Cảng Nghi Sơn	34.271.779.681	14.205.945.582
Dự án Bến số 3, khu bến cảng Dung Quất I, Quảng Ngãi	15.772.528.297	1.247.446.189
Công trình Nhà xưởng số 2 tại POS	12.109.023.488	-
Khác	46.082.386.131	47.612.374.623
	303.239.624.939	102.143.058.200

15 TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN (tiếp theo)

(b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn (tiếp theo)

Biến động của chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	102.143.058.200	113.954.359.628
Mua mới	588.490.448.792	55.290.544.588
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 13(a))	(387.393.882.053)	(14.597.966.987)
Chuyển sang TSCĐ vô hình	-	(52.503.879.029)
Số dư cuối năm	303.239.624.939	102.143.058.200

16 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

Chi tiết của thuế TNDN hoãn lại được trình bày như sau:

	2023 VND	2022 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 46)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng	277.488.713.037	344.735.812.309
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả sau 12 tháng	(677.559.350.681)	(716.322.166.782)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong vòng 12 tháng	(17.744.870.116)	(47.934.959.141)
	(695.304.220.797)	(764.257.125.923)
	(417.815.507.760)	(419.521.313.614)

16 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI (tiếp theo)

Biến động của thuế TNDN hoãn lại được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế trong năm tài chính như sau:

	2023 VND	2022 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 46)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	344.735.812.309	477.030.804.692
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	(764.257.125.923)	(832.810.743.790)
Số dư đầu năm	(419.521.313.614)	(355.779.939.098)
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	1.705.805.854	(63.741.374.516)
Số dư cuối năm	(417.815.507.760)	(419.521.313.614)
Trong đó:		
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	277.488.713.037	344.735.812.309
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	(695.304.220.797)	(764.257.125.923)

Thuế TNDN hoãn lại chủ yếu phát sinh từ chênh lệch tạm thời của các khoản mục sau:

	2023 VND	2022 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 46)
Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	275.579.615.645	270.077.209.775
Lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	33.732.254.026
Lợi nhuận từ công ty liên doanh	(490.547.865.083)	(525.118.026.591)
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(187.011.485.598)	(191.204.140.191)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ cuối năm	(10.396.068.488)	(3.138.276.162)
Khác	(5.439.704.236)	(3.870.334.471)
	(417.815.507.760)	(419.521.313.614)

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế TNDN hoãn lại là 20%.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cấn trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

16 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI (tiếp theo)

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai, trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Tổng công ty như sau:

Năm phát sinh lỗ	Số lỗ phát sinh VND	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng VND	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
2019	292.447.061.319	(154.886.544.996)	137.560.516.323
2020	149.826.716.178	-	149.826.716.178
2021	1.680.165.582	(1.671.157.244)	9.008.338
2022	176.870.185.006	(99.931.658.676)	76.938.526.330
2023	27.832.215.689	-	27.832.215.689

17 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2023		2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba				
Công ty CGG Services SA	121.174.418.752	121.174.418.752	117.750.571.539	117.750.571.539
CGG Veritas Services (Singapore) Private Limited	116.648.812.533	116.648.812.533	113.352.838.715	113.352.838.715
CGG Marine B.V.	91.702.873.865	91.702.873.865	89.111.760.721	89.111.760.721
Công ty CP Dịch vụ Công trình ngầm Thiên Nam	82.383.474.120	82.383.474.120	51.147.820.449	51.147.820.449
Genesis Marine Services W.L.L	75.150.504.826	75.150.504.826	-	-
Velocity Energy Private Limited	72.366.793.323	72.366.793.323	439.549.116.086	439.549.116.086
Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	59.836.450.988	59.836.450.988	59.992.827.687	59.992.827.687
AH&M Energy Services Private Limited	59.086.287.434	59.086.287.434	55.455.621.084	55.455.621.084
Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Hoàng Sơn	57.935.629.048	57.935.629.048	5.457.088.024	5.457.088.024
Shelf Subsea Solutions Private Limited	54.717.656.406	54.717.656.406	73.818.277.611	73.818.277.611
Công ty CP Hàng hải Dầu khí Hải Dương	48.306.356.226	48.306.356.226	99.000.847.583	99.000.847.583
Công ty CP Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu	47.054.507.927	47.054.507.927	49.357.246.410	49.357.246.410
Công ty CP SCI E&C	45.772.580.686	45.772.580.686	45.772.580.686	45.772.580.686
Công ty CP Dịch vụ Hàng hải Thiên Nam	41.659.766.948	41.659.766.948	50.212.235.694	50.212.235.694
Hyundai Corporation	40.273.727.736	40.273.727.736	-	-
Palfinger Marine Norway AS	35.665.410.000	35.665.410.000	-	-
Petroleum Technology Company W.L.L	22.817.174.497	22.817.174.497	62.038.525.499	62.038.525.499
Công ty CP Dịch vụ Vận tải Dầu khí Bắc Biển Đông	14.710.275.000	14.710.275.000	41.563.025.000	41.563.025.000
Công ty TNHH Nhà máy Sửa chữa và Đóng tàu Sài Gòn	11.359.913.266	11.359.913.266	42.062.400.000	42.062.400.000
Công ty CP Kỹ thuật Toàn Thắng	8.907.585.630	8.907.585.630	44.118.148.594	44.118.148.594
Kinergy Limited	656.133.898	656.133.898	74.365.505.885	74.365.505.885
Bên thứ ba khác	1.923.133.881.449	1.923.133.881.449	2.018.384.175.478	2.018.384.175.478
	3.031.320.214.558	3.031.320.214.558	3.532.510.612.745	3.532.510.612.745
Bên liên quan (Thuyết minh 41(b))	481.593.285.786	481.593.285.786	1.768.640.620.958	1.768.640.620.958
	3.512.913.500.344	3.512.913.500.344	5.301.151.233.703	5.301.151.233.703

17 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng công ty có đủ nguồn tài chính để thanh toán các khoản phải trả người bán ngắn hạn trên khi đến hạn thanh toán.

18 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	2023 VND	2022 VND
Bên thứ ba		
Elektrownia Wiatrowa Baltica	85.738.386.733	-
Yunnan (HongKong) Logistics Development Limited	16.117.443.493	16.117.443.493
Phu bia Mining Limited	13.304.688.332	13.819.167.108
Sea Energy Marine Services LLC	10.229.490.000	-
Vientiane Hongshi Saythirath Cement Company Limited	6.107.570.056	6.107.570.056
Tổng công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát	3.482.092.664	20.878.500.000
Cục xăng dầu - Tổng cục hậu cần	-	23.804.431.928
Bên thứ ba khác	22.666.477.180	22.166.271.431
	157.646.148.458	102.893.384.016
Bên liên quan (Thuyết minh 41(b))	94.097.700.797	110.788.942.426
	251.743.849.255	213.682.326.442

(b) Dài hạn

	2023 VND	2022 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 41(b))	839.154.706.766	781.044.054.435

Người mua trả tiền trước dài hạn chủ yếu thể hiện:

- Khoản tiền Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1 trả trước cho việc thực hiện Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 781.044.054.435 Đồng (Thuyết minh 41(b)). Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng công ty và chủ đầu tư chưa hoàn thành việc quyết toán giá trị phần công việc nên chưa thực hiện bù trừ công nợ thanh toán từ khoản trả trước nêu trên với chủ đầu tư.

- Khoản tiền Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần trả trước cho các hợp đồng xây dựng của Dự án bồn chứa LPG Thị Vải với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 58.110.652.331 Đồng (Thuyết minh 41(b)).

19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	2023 VND	2022 VND
Thuế thu nhập cá nhân ("TNCN") nộp thừa	1.450.906.713	1.880.109.440
Thuế TNDN nộp thừa	219.756.995	580.253.767
Thuế khác nộp thừa	484.299.938	484.299.938
	2.154.963.646	2.944.663.145

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	2023 VND	2022 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 46)
Thuế TNDN	79.341.778.358	33.068.706.764
Thuế TNCN	42.856.025.935	16.972.967.433
Thuế GTGT	6.570.922.007	34.528.659.669
Khác	2.581.076.404	26.369.861.503
	131.349.802.704	110.940.195.369

19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Tình hình biến động của thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà Nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2023 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 46)	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
Thuế TNDN	32.488.452.997	219.005.912.674	(172.372.344.308)	79.122.021.363
Thuế TNCN	15.092.857.993	229.579.577.695	(203.267.316.466)	41.405.119.222
Thuế GTGT hàng bán nội địa (*)	34.050.459.805	118.953.281.831	(146.911.019.493)	6.092.722.143
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	21.691.430.235	(21.691.430.235)	-
Khác	26.363.761.429	254.149.730.639	(277.938.515.738)	2.574.976.330
	107.995.532.224	843.379.933.074	(822.180.626.240)	129.194.839.058
Trong đó:				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	2.944.663.145			2.154.963.646
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	110.940.195.369			131.349.802.704

(*) Thuế GTGT phải nộp đã được cấn trừ với thuế GTGT được khấu trừ như thuyết minh số 12.

20 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2023 VND	2022 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 46)
Chi phí Dự án CHW2204	742.849.073.304	-
Chi phí Dự án Gallaf - Giai đoạn 3	238.038.698.968	71.405.465.369
Chi phí Dự án EPC Bồn chứa LPG Thị Vải	105.921.430.351	-
Chi phí Dự án Tổ hợp Hóa dầu Miền Nam	80.727.575.652	162.402.290.044
Chi phí Dự án đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng Đại Nguyệt	69.626.601.027	112.369.105.600
Chi phí Dự án Fengmiao Offshore Windfarm	67.977.437.198	-
Chi phí Dự án EPC Kho chứa LNG Thị Vải	44.595.878.602	36.282.719.944
Chi phí Dự án Hải Long OSS	33.049.292.810	207.594.771.162
Chi phí cung cấp cáp ngầm Dự án Đại Hùng 3	29.274.867.889	-
Chi phí Dự án Bio Ethanol Dung Quất	27.726.930.636	27.726.930.636
Chi phí hợp đồng "Thiết kế, mua sắm, thi công và lắp đặt giàn công nghệ trung tâm, giàn nhà ở và tháp đuốc" thuộc dự án khí Lô B - Ô Môn	23.850.106.277	-
Chi phí Dự án SHWE Phase 3 Jacket	2.786.136.122	32.016.538.543
Chi phí Dự án DBN PWM	218.987.639	34.872.836.686
Chi phí thuê bãi tại KCN Tàu thủy Nghi Sơn	50.000.000.000	45.000.000.000
Chi phí dịch vụ cung cấp tàu dịch vụ dầu khí	30.368.974.217	20.942.243.973
Chi phí hoạt động kho nổi FPSO Ruby II, FPSO Lam Sơn, FSO Bien Dong 01 và FSO Golden Star	26.181.404.997	11.200.588.561
Chi phí thuê tòa nhà Petro Hotel	20.098.000.232	10.049.000.000
Chi phí nhà xưởng tạm phục vụ dự án năng lượng tái tạo	40.804.102.668	-
Chi phí phải trả khác	142.936.997.612	122.882.081.921
	1.777.032.496.201	894.744.572.439

21 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

(a) Ngắn hạn

	2023 VND	2022 VND
Cho thuê cơ sở hạ tầng tại Sao Mai Bến Đình (i)	5.203.799.784	5.203.799.784
Cho thuê văn phòng (ii)	2.752.200.000	2.752.200.000
Khác	2.280.505.000	2.751.454.292
	10.236.504.784	10.707.454.076

21 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	2023 VND	2022 VND
Cho thuê cơ sở hạ tầng tại Sao Mai Bến Đình (i)	175.460.564.144	180.664.363.928
Cho thuê văn phòng (ii)	8.671.800.000	9.823.800.000
	184.132.364.144	190.488.163.928

Trong đó:

(i) Cho thuê cơ sở hạ tầng tại Sao Mai Bến Đình thể hiện giá trị của khoản thanh toán nhận trước từ việc cho thuê cơ sở hạ tầng và đất tại Cơ sở hạ tầng 39,8 ha và cơ sở hạ tầng 23 ha trực thuộc Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình, Thành phố Vũng Tàu. Doanh thu chưa thực hiện này được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng vào kết quả kinh doanh hàng năm tương ứng với thời gian cho thuê lần lượt là 48 năm và 49 năm.

(ii) Cho thuê văn phòng thể hiện giá trị của các khoản thanh toán nhận trước từ việc cho thuê văn phòng tại Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh hàng năm tương ứng với thời gian cho thuê của từng hợp đồng từ 10 năm đến 15 năm.

22 PHẢI TRẢ KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2023 VND	2022 VND
Tổng công ty Công nghiệp Tàu thuỷ (i)	443.615.652.308	430.146.510.262
Phải trả cho người lao động	144.968.759.384	39.979.099.469
Phải trả cổ tức cho các cổ đông (ii)	15.837.417.694	17.990.739.344
Tiền phạt, bồi thường	12.199.370.887	24.483.325.243
Bảo hiểm bắt buộc	4.540.046.728	2.044.665.969
Khác	29.060.749.760	79.281.126.645
	650.221.996.761	593.925.466.932

22 PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

(a) Ngắn hạn (tiếp theo)

(i) Phải trả cho Tổng công ty Công nghiệp Tàu thủy là khoản thanh toán đợt cuối cho chi phí đóng mới kho nổi chứa dầu FSO5 mà Tổng công ty là chủ đầu tư và Tổng công ty Công nghiệp Tàu thủy là nhà thầu thực hiện. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, hai bên đang hoàn tất các thủ tục quyết toán để thanh toán cho khoản phải trả này.

(ii) Khoản cổ tức phải trả cho các cổ đông là các khoản cổ tức của các năm trước mà các cổ đông chưa lưu ký, chưa thực hiện thủ tục để nhận.

Chi tiết theo đối tượng của phải trả ngắn hạn khác được trình bày như sau:

	2023 VND	2022 VND
Bên thứ ba	634.602.364.264	560.671.556.357
Bên liên quan (Thuyết minh 41(b))	15.619.632.497	33.253.910.575
	650.221.996.761	593.925.466.932

(b) Dài hạn

	2023 VND	2022 VND
Khác	159.396.385	226.063.385
Bên liên quan (Thuyết minh 41(b))	69.473.052.000	69.473.052.000
	69.632.448.385	69.699.115.385

Khoản phải trả dài hạn khác chủ yếu thể hiện khoản đặt cọc của Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP – Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí về việc cung cấp tàu và dịch vụ vận hành tàu kho nổi chứa LPG lạnh tại khu vực phía Bắc theo Hợp đồng số 36/HĐKN/2021/KDK-PTSC/04 ngày 31 tháng 3 năm 2021 với tổng số tiền là 69.473.052.000 Đồng.

23 CÁC KHOẢN VAY

(a) Ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn của Tổng công ty được trình bày như sau:

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Giải ngân trong kỳ VND	Vay dài hạn đến hạn trả	Hoàn trả nợ vay trong kỳ	Đánh giá chênh lệch tỷ giá VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
Vay ngân hàng ngắn hạn (*)	-	426.807.319.659	-	(36.890.315.957)	-	389.917.003.702
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 23 (b))	113.238.604.596	-	141.842.699.638	(126.455.131.935)	-	128.626.172.299
Vay bên thứ ba (**)	638.969.900.694	-	-	-	18.579.402.928	657.549.303.622
	752.208.505.290	426.807.319.659	141.842.699.638	(163.345.447.892)	18.579.402.928	1.176.092.479.623

(*) Các khoản vay ngắn hạn của Tổng công ty thể hiện giá trị của 3 khoản vay tín chấp với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam lãi suất từ 2,3%/năm đến 2,4%/năm. Mục đích của các khoản vay ngắn hạn của Tổng công ty chủ yếu là để bổ sung vốn lưu động.

(**) Đây là khoản vay bằng Đô la Mỹ của PTSC CGGV với CGG Holding B.V. (trước đây là CGGVeritas Services Holding BV) thể hiện phần chênh lệch giữa giá trị mà CGG Holding B.V., phải góp vốn vào PTSC CGGV tương ứng với tỷ lệ 49% vốn điều lệ của PTSC CGGV và giá trị tài sản của CGG Holding B.V., đã chuyển giao cho PTSC CGGV tại thời điểm thành lập là năm 2012, có thời hạn vay là 60 tháng. Khoản vay này không chịu lãi suất, phí thu xếp, hoa hồng, hay bất kỳ chi phí nào khác liên quan đến khoản vay. Khoản vay này sẽ đáo hạn vào ngày 27 tháng 8 năm 2024 theo phụ lục K được 2 bên thỏa thuận và ký kết ngày 4 tháng 1 năm 2024. Khoản vay này được Công ty mẹ bảo lãnh cho nghĩa vụ phải trả của PTSC CGGV tương ứng với 51% giá trị số dư của khoản vay.

23 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Giải ngân trong kỳ VND	Vay dài hạn đến hạn trả	Hoàn trả nợ vay trong kỳ	Đánh giá chênh lệch tỷ giá VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
Vay ngân hàng (*)	623.765.467.201	81.998.489.236	(141.842.699.638)	-	-	563.921.256.799

(*) Các khoản vay dài hạn với ngân hàng của Tổng công ty thể hiện giá trị của 8 khoản vay với các ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam, trong đó:

- Khoản vay 1 là là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tín dụng tối đa là 65 tỷ Đồng, có thời hạn đáo hạn là 120 tháng tính từ năm 2017;
- Khoản vay 2 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tín dụng tối đa là 675 tỷ Đồng, có thời hạn đáo hạn là 120 tháng tính từ năm 2018;
- Khoảng vay 3 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tín dụng tối đa là 70 tỷ Đồng, có thời hạn đáo hạn là 84 tháng tính từ năm 2020;
- Khoản vay 4 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tín dụng tối đa là 692 tỷ Đồng, có thời hạn đáo hạn là 96 tháng tính từ năm 2021;
- Khoản vay 5 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tín dụng tối đa là 19 tỷ Đồng, có thời hạn đáo hạn là 84 tháng tính từ năm 2022;
- Khoản vay 6 là là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tín dụng tối đa là 90 tỷ Đồng, có thời hạn đáo hạn là 84 tháng tính từ năm 2022; và
- Khoảng vay 7 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tín dụng tối đa là 56 tỷ Đồng, có thời hạn đáo hạn là 60 tháng tính từ năm 2023.

Lãi suất của các khoản vay bằng Đồng Việt Nam trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 là từ 7,43%/năm đến 11,5%/năm (năm 2022: từ 5,57%/năm đến 12,17%/năm).

Tổng công ty sử dụng tài sản hình thành từ các khoản vay để làm tài sản thế chấp.

23 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(b) Dài hạn (tiếp theo)

Mục đích của các khoản vay dài hạn của Tổng công ty chủ yếu là để đầu tư tài sản dài hạn như căn cứ cảng, tàu dịch vụ dầu khí, thiết bị chuyên ngành dịch vụ kỹ thuật dầu khí phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Các khoản vay của Tổng công ty được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	2023 VND	2022 VND
Trong vòng 1 năm	1.176.092.479.623	752.208.505.290
Trong năm thứ 2	128.626.172.297	114.955.708.297
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	372.047.900.736	343.370.223.565
Sau 5 năm	63.247.183.766	165.439.535.339
	1.740.013.736.422	1.375.973.972.491

24 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

(a) Ngắn hạn

	2023 VND	2022 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 46)
Dự phòng chi phí vận hành bảo dưỡng FPSO Lam Sơn (i)	-	41.579.866.001
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng (ii) cho:		
Dự án Gallaf - Giai đoạn 1	6.305.096.520	-
Dự án Sao Vàng Đại Nguyệt	-	10.146.140.249
Dự án NH3	-	702.778.956
Dự phòng chi phí sửa chữa lớn tàu dịch vụ dầu khí (iii)	37.500.000.000	11.000.000.000
Khác	1.371.102.047	5.988.334.826
	45.176.198.567	69.417.120.032

24 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	2023 VND	2022 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 46)
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng (ii) cho:		
Dự án Sao Vàng Đại Nguyệt	768.792.369.661	660.337.559.260
Dự án Gallaf - Giai đoạn 1	245.081.072.773	251.386.169.293
Dự án Gallaf - Giai đoạn 3	187.525.203.540	100.664.990.072
Dự án Tổ hợp Hóa dầu Miền Nam	83.929.010.732	-
Dự án EPC kho chứa LNG Thị Vải	56.930.443.865	48.629.182.119
Dự án DBN PWM	36.808.256.111	-
Dự án Hải Long OSS	21.137.116.411	26.618.411.932
Dự án SHWE Phase 3 Jacket	19.209.645.146	14.564.674.921
Dự án Đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng - Đại Nguyệt	-	66.621.273.873
Dự án Sư Tử Trắng Fullfield	-	32.750.000.000
Dự án khác	1.456.178.993	22.916.692.891
Dự phòng chi phí sửa chữa lớn sà lan và tàu dịch vụ dầu khí (iii)	33.982.898.645	18.249.552.279
	1.454.852.195.877	1.242.738.506.640

(i) Dự phòng phải trả chi phí vận hành, bảo dưỡng FPSO Lam Sơn bao gồm giá trị Tổng công ty có khả năng phải trả cho Tổng công ty Thăm dò và Khai khác Dầu khí ("PVEP") liên quan đến Thỏa thuận chấm dứt hợp đồng đã ký giữa Tổng công ty và Công ty Điều hành chung Lam Sơn, một liên doanh giữa PVEP và Petronas. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng công ty đã sử dụng khoản dự phòng này để thực hiện nghĩa vụ phải trả PVEP theo thuyết minh số 38.

(ii) Dự phòng bảo hành công trình được trích lập để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình xây dựng theo các điều khoản của hợp đồng EPC đã ký với khách hàng, tính trên 1% - 5% giá trị hợp đồng.

(iii) Dự phòng chi phí sửa chữa lớn sà lan và tàu dịch vụ dầu khí để đảm bảo nguồn chi phí cho việc sửa chữa định kỳ sà lan và tàu dịch vụ dầu khí. Chi phí dự phòng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh hàng năm cho đến năm tài chính dự kiến việc sửa chữa xảy ra. Tại năm tài chính phát sinh việc sửa chữa, nếu chi phí sửa chữa thực tế lớn hơn số trích theo dự toán hoặc ngược lại thì số chênh lệch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính đó.

25 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	606.277.884.458	561.376.579.143
Trích lập từ LNST chưa phân phối (Thuyết minh 28)	314.028.638.878	284.155.299.404
Sử dụng quỹ	(297.075.940.620)	(239.253.994.089)
Số dư cuối năm	623.230.582.716	606.277.884.458

26 QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	5.560.621.840	8.410.271.840
Trích quỹ	2.065.400.000	1.199.900.000
Sử dụng quỹ	(2.843.861.561)	(1.764.716.667)
Hoàn nhập quỹ	-	(2.284.833.333)
Số dư cuối năm	4.782.160.279	5.560.621.840

27 VỐN CỔ PHẦN

(a) Số lượng cổ phiếu

	2023	2022
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	477.966.290	477.966.290
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	477.966.290	477.966.290
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	477.966.290	477.966.290

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2023		2022	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	245.565.000	51,38	245.565.000	51,38
Các đối tượng khác	232.401.290	48,62	232.401.290	48,62
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	477.966.290	100	477.966.290	100

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	477.966.290	4.779.662.900.000	**4.779.662.900.000**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	477.966.290	4.779.662.900.000	**4.779.662.900.000**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	477.966.290	4.779.662.900.000	**4.779.662.900.000**

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 Đồng/cổ phiếu. Tổng công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

28 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	4.779.662.900.000	39.617.060.000	3.081.668.462.592	284.397.049.341	3.694.279.582.577	**11.879.625.054.510**	728.139.533.603	**12.607.764.588.113**
Lợi nhuận thuần trong năm (Trình bày lại - Thuyết minh 46)	-	-	-	-	989.419.519.453	**989.419.519.453**	61.238.866.191	**1.050.658.385.644**
Chia cổ tức	-	-	-	-	(382.373.032.000)	**(382.373.032.000)**	(46.867.485.000)	**(429.240.517.000)**
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(272.117.865.164)	**(272.117.865.164)**	(12.037.434.240)	**(284.155.299.404)**
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	132.425.446.638	-	(132.425.446.638)	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	109.773.732.318	-	**109.773.732.318**	-	**109.773.732.318**
Khác	-	-	359.985	-	-	**359.985**	-	**359.985**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	4.779.662.900.000	39.617.060.000	3.214.094.269.215	394.170.781.659	3.896.782.758.228	**12.324.327.769.102**	730.473.480.554	**13.054.801.249.656**
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.026.460.821.400	**1.026.460.821.400**	33.546.704.741	**1.060.007.526.141**
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(334.576.403.000)	**(334.576.403.000)**	(43.387.750.000)	**(377.964.153.000)**
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 25) (*)	-	-	-	-	(303.333.141.380)	**(303.333.141.380)**	(10.695.497.498)	**(314.028.638.878)**
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	237.063.573.610	-	(237.063.573.610)	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	121.406.931.322	-	**121.406.931.322**	-	**121.406.931.322**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	4.779.662.900.000	39.617.060.000	3.451.157.842.825	515.577.712.981	4.048.270.461.638	**12.834.285.977.444**	709.936.937.797	**13.544.222.915.241**

(*) Chia cổ tức và trích lập các quỹ của Công ty mẹ và các công ty con được thực hiện theo Nghị quyết số 308/NQ-PTSC-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty mẹ và các nghị quyết của Đại hội Cổ đông các công ty con.

29 CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Chi tiết của cổ đông không kiểm soát như sau:

	2023 VND	2022 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 46)
Vốn góp của chủ sở hữu	1.523.361.857.420	1.523.361.857.420
Quỹ đầu tư phát triển	143.981.609.132	140.249.285.726
Lỗ chưa phân phối	(957.406.528.755)	(933.137.662.592)
	709.936.937.797	730.473.480.554

Biến động của lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày như sau:

	2023 VND	2022 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 46)
Số dư đầu năm	730.473.480.554	728.139.533.603
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông không kiểm soát (Thuyết minh 28)	33.546.704.741	61.238.866.191
Cổ tức đã chia (Thuyết minh 28)	(43.387.750.000)	(46.867.485.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 28)	(10.695.497.498)	(12.037.434.240)
Số dư cuối năm	709.936.937.797	730.473.480.554

30 LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi schia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm tài chính, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mẹ mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

30 LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp theo)

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023	31.12.2022 (Trình bày lại - Thuyết minh 46) (**)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	1.026.460.821.400	989.419.519.453
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(271.593.861.012)	(302.287.521.098)
	754.866.960.388	687.131.998.355
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	477.966.290	477.966.290
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	1.579	1.438

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 dựa vào kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 của Tổng công ty được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên trong năm 2023.

(**) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được tính lại theo số trích quỹ khen thưởng và phúc lợi năm 2022 đã được các cổ đông phê chuẩn theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên trong năm 2023 như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2022		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	883.636.252.979	105.783.266.474	989.419.519.453
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(130.917.730.413)	(171.369.790.685)	(302.287.521.098)
	752.718.522.566		687.131.998.355
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	477.966.290		477.966.290
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	1.575		1.438

30 LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho tổng của số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm tài chính và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm trong năm tài chính đến từ việc chuyển đổi công cụ tài chính khác sang cổ phiếu phổ thông. Công ty mẹ không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng làm suy giảm lãi cơ bản trên cổ phiếu trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

31 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(a) Vật tư, hàng hóa giữ hộ bên thứ ba

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng công ty đang giữ hộ thép chính để thực hiện dự án như sau:

Loại	Tình trạng	Đơn vị	2023	2022
Thép chính	Sử dụng bình thường	tấn	48.719	-

(b) Ngoại tệ các loại

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm các ngoại tệ sau:

	2023	2022
Đồng Đô la Mỹ ("USD")	120.228.052	122.567.651
Đồng Euro ("EUR")	5.135.051	1.932
Đồng Bảng Anh ("GBP")	244.695	244.701
Đồng Rub Nga ("RUB")	1.530.827	1.531.537

(c) Tài sản thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu có thể thu/chi trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang được trình bày ở Thuyết minh 43(a).

(d) Cam kết vốn

Các khoản cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng được trình bày tại Thuyết minh 43(b).

32 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2023 VND	2022 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 46)
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa	283.473.678.849	160.049.816.793
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.028.890.546.314	7.548.322.612.319
Doanh thu hợp đồng xây dựng (*)	11.066.286.366.556	8.664.502.661.856
	19.378.650.591.719	16.372.875.090.968
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	(5.088.227.958)	(6.461.436.399)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	283.473.678.849	160.049.816.793
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	8.023.802.318.356	7.541.861.175.920
Doanh thu thuần từ các hợp đồng xây dựng (*)	11.066.286.366.556	8.664.502.661.856
	19.373.562.363.761	16.366.413.654.569
(*) Trong đó doanh thu lũy kế của các công trình lớn:		
Doanh thu lũy kế từ hợp đồng xây dựng đã hoàn thành trong năm	8.942.551.149.655	393.639.271.442
Doanh thu lũy kế từ hợp đồng xây dựng đang thực hiện trong năm	46.549.787.265.784	43.519.372.881.315

33 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2023 VND	2022 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 46)
Giá vốn của hàng hóa đã bán	255.270.891.310	143.116.340.408
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.210.866.213.651	6.803.672.517.456
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	10.868.396.929.560	8.405.747.380.444
	18.334.534.034.521	15.352.536.238.308

34 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2023 VND	2022 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	463.869.340.167	257.607.958.530
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	325.848.564.835	231.453.781.738
Khác	214.200	-
	789.718.119.202	489.061.740.268

35 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2023 VND	2022 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	155.402.363.251	109.851.961.014
Chi phí lãi vay	73.036.083.814	50.646.884.587
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính (Thuyết minh 4(b))	(12.950.479.996)	(61.197.137)
Chi phí tài chính khác	865.953.561	2.195.907.126
	216.353.920.630	162.633.555.590

36 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2023 VND	2022 VND
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	55.803.196.305	46.654.856.275
Chi phí nhân viên	5.937.819.412	5.554.410.659
Khác	23.664.242.081	27.116.955.956
	85.405.257.798	79.326.222.890

37 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2023 VND	2022 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 46)
Chi phí nhân viên	481.294.176.385	388.148.549.278
Chi phí dịch vụ mua ngoài	294.609.556.732	205.853.161.214
Chi phí khấu hao	30.480.478.807	26.513.917.071
Hoàn nhập các khoản dự phòng	(13.822.592.172)	(22.197.700.485)
Khác	174.296.468.563	229.428.665.760
	966.858.088.315	827.746.592.838

38 LỢI NHUẬN KHÁC

	2023 VND	2022 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 46)
Thu nhập khác		
Khoản phải thu tiền bồi hoàn Hợp đồng thuê FPSO Lam Sơn (*)	1.439.185.914.126	-
Hoàn nhập dự phòng bảo hành các công trình xây dựng (**)	116.065.961.428	142.063.986.677
Thu từ tiền phạt, bồi thường	15.648.643.019	5.265.247.890
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	4.799.930.050	62.976.905.532
Khác	3.055.621.439	11.651.900.224
	1.578.756.070.062	221.958.040.323
Chi phí khác		
Khoản phải trả tiền bồi hoàn Hợp đồng thuê FPSO Lam Sơn (*)	(1.459.472.946.083)	-
Chi phí thuế GTGT không được khấu trừ	(26.032.370.015)	-
Tiền phạt, bồi thường	(18.195.452.722)	(27.270.048.191)
Khác	(9.006.923.307)	(9.201.085.739)
	(1.512.707.692.127)	(36.471.133.930)
Lợi nhuận khác	66.048.377.935	185.486.906.393

(*) Theo Thỏa thuận thanh toán ngày 29 tháng 9 năm 2023 giữa Tổng công ty và PTSC AP, giữa PVEP và PTSC về việc xác định quyền lợi Hợp đồng thuê và cho thuê FPSO Lam Sơn theo Thỏa thuận chấm dứt hợp đồng đã ký giữa Tổng công ty và Lam Son JOC, số tiền PTSC AP phải thanh toán cho Tổng công ty là USD59.667.741,05 và số tiền Tổng công ty phải thanh toán cho PVEP là USD59.667.741,05 và VND42.669.961.727.

(**) Hoàn nhập dự phòng bảo hành các công trình xây dựng thể hiện giá trị hoàn nhập số dư của khoản dự phòng bảo bành đã trích lập sau khi Tổng công ty đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ bảo hành theo phạm vi, thời gian bảo hành theo quy định của hợp đồng và đã được chủ đầu tư xác nhận.

39 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Tổng công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất 20% theo quy định của luật thuế hiện hành như sau:

	2023 VND	2022 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 46)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.277.307.632.960	1.275.923.773.262
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	1.277.307.632.960	1.275.923.773.262
Lỗ kế toán trước thuế TNDN	-	-
	1.277.307.632.960	1.275.923.773.262
Điều chỉnh tăng (*)	734.825.597.964	803.911.785.067
Điều chỉnh giảm (**)	(581.438.821.067)	(1.359.438.284.045)
Điều chuyển lỗ	(256.489.360.916)	(11.969.209.673)
Tổng thu nhập tính thuế	1.174.205.048.941	708.428.064.611
Trong đó:		
Thu nhập tính thuế	1.202.037.264.630	885.298.249.617
Lỗ tính thuế	(27.832.215.689)	(176.870.185.006)
Thuế TNDN tại thuế suất 20%	240.407.452.926	177.059.649.923
Ưu đãi thuế	(7.634.736.121)	(5.612.680.065)
Thuế TNDN nộp bổ sung năm trước	257.568.930	350.802.536
Thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài	(14.024.373.062)	(10.273.759.292)
Thuế TNDN hiện hành (***)	219.005.912.673	161.524.013.102

(*) Điều chỉnh tăng chủ yếu thể hiện giá trị của cổ tức, lợi nhuận Công ty mẹ được chia từ các công ty liên doanh, giá trị của các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ đến từ chi phí phải trả và các khoản dự phòng phải trả.

(**) Điều chỉnh giảm chủ yếu thể hiện giá trị của cổ tức, lợi nhuận Công ty mẹ được chia từ các công ty con.

(***) Chi phí thuế TNDN hiện hành cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

40 CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm tài chính từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2023 VND	2022 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 46)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.527.686.364.011	4.839.008.172.451
Chi phí nhân viên	3.030.809.817.838	2.665.829.516.626
Chi phí khấu hao TSCĐ	493.006.130.650	471.290.373.424
Chi phí liên quan các hợp đồng xây dựng	6.964.242.198.634	3.649.983.783.228
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.283.454.411.933	3.647.110.218.106
Chi phí khác	1.087.598.457.568	986.386.990.201
	19.386.797.380.634	16.259.609.054.036

41 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

PVN là cổ đông lớn nhất do PVN sở hữu 51,38% vốn cổ phần của Tổng công ty (Thuyết minh 27).

Theo đó, PVN, các công ty thành viên cùng Tập đoàn PVN, các công ty liên doanh, liên kết của Tổng công ty được xem là các bên liên quan của Tổng công ty. Ngoài các công ty liên doanh, liên kết được trình bày trong Thuyết minh 1 và Thuyết minh 4, trong năm Tổng công ty có các nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chủ sở hữu Công ty mẹ
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng công ty CP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng công ty Dầu Việt Nam	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Lọc Hóa dầu Bình Sơn	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP PVI	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Ban QLDA Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	Công ty thành viên cùng Tập đoàn

41 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan (tiếp theo)	Mối quan hệ (tiếp theo)
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí nước ngoài	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
PTSC Ca Rong Do Limited	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí trong nước	Công ty thành viên cùng Tập đoàn
Tổng công ty Khí Việt Nam	Công ty thành viên cùng Tập đoàn

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính gồm:

	2023 VND	2022 VND (Trình bày lại - Thuyết minh 46)
i) *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*		
Tổng công ty Khí Việt Nam	1.167.392.650.758	1.339.092.249.075
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	1.011.299.918.939	859.814.788.815
Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	608.781.796.657	396.424.346.251
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	575.582.779.765	452.065.990.360
Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn	404.089.346.148	405.541.429.471
Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited	313.738.422.478	300.252.282.587
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited	293.714.010.055	270.362.530.408
Tổng công ty CP Khoan và Dịch vụ khoan dầu khí	66.275.333.537	80.427.973.936
PTSC Ca Rong Do Limited	50.599.999.978	-
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	31.359.123.126	51.631.641.033
Bên liên quan khác	250.847.809.226	161.650.866.180
	4.773.681.190.667	4.317.264.098.116

41 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2023 VND	2022 VND
ii) *Mua hàng hóa và dịch vụ*		
PTSC Asia Pacific Private Limited	539.159.349.211	458.154.365.699
Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	416.004.742.502	144.899.290.513
PTSC South East Asia Private Limited	282.481.914.350	173.111.066.645
Công ty CP Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	237.983.445.082	8.086.243.652
Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	172.515.401.967	117.849.757.280
Tổng công ty Dầu Việt Nam	163.914.905.177	140.360.790.900
Công ty CP PVI	119.745.384.704	97.512.932.917
Tổng công ty CP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu Khí	71.769.485.529	184.378.153.567
Tổng công ty Khí Việt Nam	5.558.770.103	118.412.302.817
Bên liên quan khác	79.684.520.834	111.184.636.472
	2.088.817.919.459	1.553.949.540.462
iii) *Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt*		
Lương và các quyền lợi gộp khác	46.375.774.800	36.802.489.400
Trong đó:		
Ông Phan Thanh Tùng - Chủ tịch HĐQT	4.151.577.000	3.159.513.000
Ông Lê Mạnh Cường - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	4.120.638.000	3.072.405.000
Ông Đỗ Quốc Hoan - Thành viên HĐQT	3.332.537.000	2.627.957.000
Ông Nguyễn Xuân Ngọc - Thành viên HĐQT	3.169.933.000	2.435.920.000
Ông Trần Ngọc Chương - Thành viên HĐQT	2.933.107.000	2.216.434.000
Các quản lý khác	28.667.982.800	23.290.260.400
iv) *Chia cổ tức*		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	171.905.355.861	196.463.263.841
v) *Nhận tiền bồi thường bảo hiểm liên quan đến Dự án Đường ống vận chuyển khí mỏ Sao Vàng Đại Nguyệt*		
Công ty CP PVI	-	103.365.000.000

41 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm tài chính với các bên liên quan

	2023 VND	2022 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Tổng công ty Khí Việt Nam	246.109.537.585	289.178.126.432
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	208.119.814.551	1.674.097.577.097
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	161.483.574.380	157.176.228.387
Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited	139.273.415.504	55.521.290.635
Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	133.281.858.350	78.601.214.063
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	87.912.322.840	61.921.861.414
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited	80.783.250.733	87.004.855.241
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	59.680.270.655	42.333.538.764
Ban QLDA Công trình liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	37.203.110.659	37.203.110.659
Công ty Điều hành Dầu khí Phú Quốc	35.341.920.000	-
Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí	28.216.724.162	801.931.667
Tổng công ty CP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	20.077.945.885	27.422.792.587
Công ty CP Lọc hoá dầu Bình Sơn	5.676.200.150	42.018.944.002
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	1.858.550.326	58.047.251.404
Bên liên quan khác	50.216.734.541	48.176.284.338
	1.295.235.230.321	2.659.505.006.690
ii) Trả trước cho người bán (Thuyết minh 6)		
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	25.782.432.185	1.812.100.373
Bên liên quan khác	7.975.675.438	1.467.979.390
	33.758.107.623	3.280.079.763
iii) Các khoản phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 8(a))		
Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	43.407.857.358	24.394.736.436
Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited	14.615.893.392	10.201.866.972
Tập đoàn Dầu khí Việt nam	10.632.042.898	10.632.042.898
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Nước ngoài	-	10.061.561.353
Bên liên quan khác	23.190.979.017	13.953.311.721
	91.846.772.665	69.243.519.380

41 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm tài chính với các bên liên quan (tiếp theo)

	2023 VND	2022 VND
iv) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 17)		
PTSC Asia Pacific Private Limited	111.433.344.000	1.524.200.231.117
PTSC South East Asia Private Limited	91.719.078.000	14.789.841.150
Công ty CP Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	76.848.549.871	1.758.895.038
Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	69.995.801.322	25.172.836.075
Tổng công ty CP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	46.395.971.378	120.981.575.780
Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	20.131.034.593	31.472.096.144
Tổng công ty Dầu Việt Nam	19.419.837.506	18.563.245.744
Công ty TNHH Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn	14.834.843.567	10.192.872.876
Bên liên quan khác	30.814.825.549	21.509.027.034
	481.593.285.786	1.768.640.620.958
v) Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh 18(a))		
Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn	77.261.034.927	45.816.725.642
Tổng công ty Dầu Việt Nam	12.460.724.934	10.900.068.788
Tổng công ty Khí Việt Nam	-	51.514.955.821
Bên liên quan khác	4.375.940.936	2.557.192.175
	94.097.700.797	110.788.942.426
vi) Người mua trả tiền trước dài hạn (Thuyết minh 18(b))		
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1	781.044.054.435	781.044.054.435
Tổng công ty Khí Việt Nam	58.110.652.331	-
	839.154.706.766	781.044.054.435
vii) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 22(a))		
Công ty TNHH Lọc Hóa dầu Nghi Sơn	10.205.925.078	24.515.340.677
Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited	2.692.225.602	5.977.154.193
Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.669.212.234	1.669.212.234
Bên liên quan khác	1.052.269.583	1.092.203.471
	15.619.632.497	33.253.910.575
viii) Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh 22(b))		
Tổng công ty Khí Việt Nam	69.473.052.000	69.473.052.000

42 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Tổng công ty hoạt động chủ yếu ở Việt Nam. Do đó, Tổng công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng công ty được chia thành bảy bộ phận kinh doanh với hoạt động chủ yếu như sau:

Bộ phận kinh doanh	Hoạt động
Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí	Cung cấp dịch vụ cho thuê và cho thuê lại tàu dịch vụ dầu khí
Dịch vụ cung ứng kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô FSO, FPSO	Cung cấp dịch vụ quản lý, kinh doanh, vận hành khai thác các kho nổi chứa, xuất dầu thô ("FSO"), kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô ("FPSO")
Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV	Cung cấp dịch vụ quản lý, vận hành tàu khảo sát địa chấn 2D, 3D, khảo sát địa chất, khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV
Dịch vụ căn cứ cảng	Cung cấp dịch vụ căn cứ cảng, cung cấp dịch vụ khác có liên quan
Dịch vụ cơ khí, đóng mới và xây lắp	Cung cấp dịch vụ gia công, lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị dầu khí và năng lượng tái tạo
Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Cung cấp dịch vụ sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí
Dịch vụ khác	Cung cấp các dịch vụ khác phục vụ cho ngành dầu khí

42 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo):

Tổng công ty lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho tài sản và nợ phải trả như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023								
	Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí VND	Dịch vụ cung ứng kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô FSO/FPSO VND	Khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV VND	Dịch vụ căn cứ cảng VND	Dịch vụ cơ khí, đóng mới và xây lắp VND	Sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng công trình biển VND	Dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	3.582.354.195.790	4.534.992.642.935	1.007.024.088.425	3.613.281.231.755	9.471.967.466.819	2.248.688.919.352	1.281.956.560.593	(4.728.816.323.195)	**21.011.448.782.474**
Lãi từ công ty liên doanh, liên kết									**3.303.438.456.820**
Tài sản không phân bổ									**2.101.121.571.093**
Tổng tài sản									**26.416.008.810.387**
Nợ phải trả bộ phận	1.652.638.302.016	1.179.500.155.414	1.771.107.240.670	1.361.428.918.459	6.530.449.145.926	973.656.777.659	518.521.471.693	(2.322.104.385.764)	**11.665.197.626.273**
Nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ lãi công ty liên doanh, liên kết									**490.547.865.083**
Nợ phải trả không phân bổ									**716.040.403.790**
Tổng nợ phải trả									**12.871.785.895.146**

42 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo):

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022								
	Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí VND	Dịch vụ cung ứng kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô FSO/FPSO VND	Khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV VND	Dịch vụ căn cứ cảng VND	Dịch vụ cơ khí, đóng mới và xây lắp VND	Sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng công trình biển VND	Dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	2.601.343.806.495	5.149.693.712.210	1.063.541.041.183	3.151.000.002.047	8.662.701.320.429	1.952.513.213.105	1.379.934.260.571	(4.417.451.767.506)	**19.543.275.588.534**
Lãi từ công ty liên doanh, liên kết									**3.276.056.600.426**
Tài sản không phân bổ									**3.104.698.101.715**
Tổng tài sản									**25.924.030.290.675**
Nợ phải trả bộ phận	1.765.620.915.515	2.471.666.639.338	1.730.234.208.925	1.077.434.807.294	5.686.983.543.257	758.265.474.304	464.623.555.970	(2.116.440.187.777)	**11.838.568.956.826**
Nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ lãi công ty liên doanh, liên kết									**525.118.026.591**
Nợ phải trả không phân bổ									**505.542.057.602**
Tổng nợ phải trả									**12.869.229.041.019**

42 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo):

Tổng công ty lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho doanh thu và giá vốn như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023								
	Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí VND	Dịch vụ cung ứng kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô FSO/FPSO VND	Khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV VND	Dịch vụ căn cứ cảng VND	Dịch vụ cơ khí, đóng mới và xây lắp VND	Sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng công trình biển VND	Dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần cho bên thứ ba	1.607.098.023.446	2.207.232.210.925	405.223.890.154	1.412.057.051.633	11.172.484.215.516	1.912.867.636.855	656.599.335.232	-	**19.373.562.363.761**
Doanh thu thuần cho bên liên quan	385.121.064.069	411.057.362.656	52.592.137.208	271.343.148.469	379.617.704.833	84.555.849.452	224.277.542.366	(1.808.564.809.053)	-
	1.992.219.087.515	2.618.289.573.581	457.816.027.362	1.683.400.200.102	11.552.101.920.349	1.997.423.486.307	880.876.877.598	(1.808.564.809.053)	**19.373.562.363.761**
Giá vốn thuần cho bên thứ ba	(1.393.847.457.382)	(2.035.501.940.875)	(359.720.674.345)	(1.147.791.058.056)	(10.997.408.349.019)	(1.842.481.316.758)	(557.783.228.086)	-	**(18.334.534.034.521)**
Giá vốn thuần cho bên liên quan	(385.121.064.069)	(411.057.362.656)	(45.927.747.013)	(277.884.513.996)	(402.684.050.343)	(84.555.849.452)	(150.584.454.933)	1.757.815.042.462	-
	(1.778.968.531.451)	(2.446.559.303.531)	(405.648.421.358)	(1.425.675.572.052)	(11.400.092.399.362)	(1.927.037.166.210)	(708.367.683.019)	1.757.815.042.462	**(18.334.534.034.521)**
Lợi nhuận bộ phận gộp	**213.250.556.064**	**171.730.270.050**	**45.503.215.809**	**264.265.993.577**	**175.075.866.497**	**70.386.320.097**	**98.816.107.146**	-	**1.039.028.329.240**
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp									(1.052.263.348.113)
Lãi thuần từ hoạt động tài chính									560.085.428.627
Phần lợi nhuận trong các công ty liên doanh, liên kết									664.408.843.271
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh									**1.211.259.255.025**
Lãi thuần từ hoạt động khác									66.048.377.935
Lợi nhuận trước thuế									**1.277.307.632.960**
Chi phí thuế TNDN hiện hành									(219.005.912.673)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại									1.705.805.854
Lợi nhuận sau thuế									**1.060.007.526.141**

42 BỘ PHẬN BỘ PHẬN (tiếp theo)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo):

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022								
	Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí VND	Dịch vụ cung ứng kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô FSO/FPSO VND	Khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV VND	Dịch vụ căn cứ cảng VND	Dịch vụ cơ khí, đóng mới và xây lắp VND	Sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng công trình biển VND	Dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần cho bên thứ ba	1.569.961.573.888	1.874.174.246.051	510.485.548.290	1.455.197.718.558	8.714.869.189.491	1.530.897.858.317	710.827.519.974	-	**16.366.413.654.569**
Doanh thu thuần cho bên liên quan	375.955.966.824	391.377.104.331	-	161.154.507.850	463.125.194.861	343.492.877.916	124.392.471.069	(1.859.498.122.851)	-
	1.945.917.540.712	2.265.551.350.382	510.485.548.290	1.616.352.226.408	9.177.994.384.352	1.874.390.736.233	835.219.991.043	(1.859.498.122.851)	**16.366.413.654.569**
Giá vốn thuần cho bên thứ ba	(1.423.590.955.766)	(1.734.967.870.118)	(465.542.165.267)	(1.127.955.997.986)	(8.458.888.893.483)	(1.493.469.185.027)	(648.121.170.661)	-	**(15.352.536.238.308)**
Giá vốn thuần cho bên liên quan	(374.167.259.664)	(390.010.449.331)	-	(167.482.488.045)	(515.460.426.637)	(343.492.877.916)	(79.964.936.937)	1.870.578.438.530	-
	(1.797.758.215.430)	(2.124.978.319.449)	(465.542.165.267)	(1.295.438.486.031)	(8.974.349.320.120)	(1.836.962.062.943)	(728.086.107.598)	1.870.578.438.530	**(15.352.536.238.308)**
Lợi nhuận bộ phận gộp	**146.370.618.122**	**139.206.375.933**	**44.943.383.023**	**327.241.720.572**	**255.980.296.008**	**37.428.673.290**	**62.706.349.313**	-	**1.013.877.416.261**
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp									(907.072.815.728)
Lãi thuần từ hoạt động tài chính									326.428.184.678
Phần lợi nhuận trong các công ty liên doanh, liên kết									857.204.081.658
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh									**1.090.436.866.869**
Lãi thuần từ hoạt động khác									185.486.906.393
Lợi nhuận trước thuế									**1.275.923.773.262**
Chi phí thuế TNDN hiện hành									(161.524.013.102)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại									(63.741.374.516)
Lợi nhuận sau thuế									**1.050.658.385.644**

43 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ ("BCLCTT")

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2023 VND	2022 VND
Mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác chưa thanh toán	150.492.281.586	34.865.426.125
Xóa sổ các khoản nợ phải thu khó đòi	11.756.073.468	-

44 CÁC CAM KẾT

(a) Cam kết thuê hoạt động

(i) Tổng công ty là bên đi thuê

Tổng công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	2023 VND	2022 VND
Dưới 1 năm	1.093.233.229.955	447.849.951.123
Từ 1 đến 5 năm	1.879.793.889.169	174.682.663.939
Trên 5 năm	1.654.218.976.762	991.830.548.983
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	4.627.246.095.886	1.614.363.164.045

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động tàu dịch vụ, kho nổi, thuê văn phòng, thuê bãi và thuê đất trong đó:

- Các hợp đồng thuê kho nổi và tàu dịch vụ được ký với thời hạn 5 năm;
- Hợp đồng thuê đất tại Vũng Tàu có thời hạn thuê là 50 năm tính từ năm 2002;
- Hợp đồng thuê đất tại Cảng Dung Quất có thời hạn thuê là 50 năm tính từ năm 2004;
- Hợp đồng thuê đất tại Vũng Tàu có thời hạn thuê là 50 năm tính từ năm 2007;
- Hợp đồng thuê đất tại Cảng Sơn Trà có thời hạn thuê là 50 năm tính từ năm 2008;
- Hợp đồng thuê đất tại Cảng Hòn La có thời hạn thuê là 50 năm tính từ năm 2014;
- Hợp đồng thuê đất tại Vũng Tàu có thời hạn thuê là 20 năm tính từ năm 2015;
- Hợp đồng thuê bãi tại Cảng Sao Mai Bến Đình có thời hạn thuê là 50 năm tính từ năm 2016;
- Hợp đồng thuê bãi tại Cảng Vũng Tàu có thời hạn thuê lần lượt là 5 năm, 10 năm và 15 năm tính từ năm 2019; và
- Hợp đồng thuê văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn thuê là 1 năm tính từ năm 2023.

44 CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

(a) Cam kết thuê hoạt động (tiếp theo)

(ii) Tổng công ty là bên cho thuê

Tổng công ty có các khoản cam kết phải thu tối thiểu đối với các hợp đồng cho thuê hoạt động không hủy ngang như sau

	2023 VND	2022 VND
Dưới 1 năm	678.860.388.289	1.335.503.855.724
Từ 1 đến 5 năm	3.098.086.577.716	2.743.163.308.151
Trên 5 năm	951.179.164.883	1.204.373.573.382
Tổng cộng các khoản phải thu tối thiểu	4.728.126.130.888	5.283.040.737.257

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng công ty có các khoản cam kết cho thuê được ký kết trong các hợp đồng cho thuê hoạt động không hủy ngang về tàu dịch vụ với thời hạn là 15 năm, hợp đồng thuê kho nổi với thời hạn 5 năm và hợp đồng cho thuê bãi tại Cảng Sao Mai Bến Đình với thời hạn lần lượt là 48 và 49 năm.

(b) Cam kết vốn

Các cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng tại ngày kết thúc năm tài chính hợp nhất nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	2023 VND	2022 VND
Giá trị các hợp đồng mua sắm nhưng chưa thực hiện	35.164.673.843	24.896.664.758
Hệ thống thiết bị chống ăn mòn phục vụ dự án năng lượng tái tạo	20.191.844.270	-
Công trình nhà xưởng tạm phục vụ dự án năng lượng tái tạo	13.805.255.049	-
Công trình Nhà công vụ phục vụ vận hành và mở rộng Cảng Nghi Sơn	11.881.268.257	29.896.337.125
Công trình Nhà xưởng số 2 tại POS	1.864.668.207	-
Dự án Bến số 3, khu bến cảng Dung Quất, Quảng Ngãi	1.362.083.120	859.512.144
Dự án nối dài cảng hạ lưu Vũng Tàu	-	41.257.369.065
Công trình nhà kho chứa hàng tại cảng Hòn La, Quảng Bình	-	10.262.734.717
	84.269.792.746	107.172.617.809

45 NỢ TIỀM TÀNG

Dự án cảng Sao Mai Bến Đình

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình, một công ty con của Tổng công ty, đang trong quá trình tiếp tục xin điều chỉnh giấy phép đầu tư để dự án cảng Sao Mai Bến Đình được công nhận là dự án cảng biển thuộc danh mục đầu tư đặc biệt ưu đãi theo quy định tại Nghị định 118/2015/NĐ-CP ("Nghị định 118") ban hành ngày 12 tháng 11 năm 2015 và được thay thế bởi Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ("Nghị định 31") ngày 26 tháng 3 năm 2021. Theo quy định tại Nghị định 46/2014/NĐ-CP ("Nghị định 46") ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2014, các dự án đầu tư đặc biệt ưu đãi được miễn tiền thuê đất trong 11 năm tiếp theo sau khi được miễn tiền thuê đất tối đa 3 năm trong giai đoạn xây dựng cơ bản (từ ngày 12 tháng 2 năm 2015 đến ngày ngày 11 tháng 2 năm 2018).

Ngày 6 tháng 11 năm 2023, Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu – Côn Đảo có thông báo số 14318/7/TB-CCTKV về việc tiền thuế đất hàng năm của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình đối với lô đất 819.325,4m^2 tại đường 30/4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu để đầu tư Căn cứ Dịch vụ Dầu khí Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình. Theo đó, tiền thuê đất cho giai đoạn từ ngày 12 tháng 2 năm 2018 đến ngày 31 tháng 10 năm 2023 theo thông báo nêu trên là 548.056.658.738 Đồng. Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình đánh giá dự án Cảng Sao Mai Bến Đình đang triển khai sẽ được công nhận là dự án đầu tư đặc biệt ưu đãi theo quy định tại Nghị định 118 (được thay thế bởi Nghị định 31 ngày 26 tháng 3 năm 2021) nên sẽ tiếp tục được miễn tiền thuê đất theo Nghị định 46. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình chưa ghi nhận khoản tiền thuê đất theo thông báo nêu trên.

46 TRÌNH BÀY LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC

Căn cứ vào Biên bản kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước ("KTNN") ngày 20 tháng 10 năm 2023 về kết quả kiểm toán tại Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam đối với niên độ tài chính 2022, Ban Tổng Giám đốc đã quyết định trình bày lại một số khoản mục trên báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo kết quả kiểm toán của KTNN. Các điều chỉnh trọng yếu chủ yếu bao gồm:

(i) Điều chỉnh giảm doanh thu, giá vốn và tăng chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang liên quan đến ước tính hoàn thành công việc Dự án Gallaf – giai đoạn 3 và Dự án Hải Long OSS; và

(ii) Điều chỉnh tăng doanh thu liên quan đến ước tính hoàn thành công việc Dự án EPC kho chứa LNG Thị Vải.

Theo đó, ảnh hưởng của việc trình bày lại này đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

46 TRÌNH BÀY LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC (tiếp theo)

(a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Mã số		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 Theo báo cáo đã phát hành VND	Điều chỉnh lại VND	Trình bày lại VND
100	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**16.388.291.606.616**	**81.566.806.764**	**16.469.858.413.380**
130	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**5.043.467.850.735**	**3.542.335.283**	**5.047.010.186.018**
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.158.365.600.740	(17.096.808.192)	4.141.268.792.548
134	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	69.968.946.447	11.485.301.109	81.454.247.556
136	Phải thu ngắn hạn khác	656.830.079.339	8.898.477.812	665.728.557.151
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(147.664.923.941)	255.364.554	(147.409.559.387)
140	**Hàng tồn kho**	**1.012.219.488.343**	**77.440.848.481**	**1.089.660.336.824**
141	Hàng tồn kho	1.014.169.742.731	77.440.848.481	1.091.610.591.212
150	**Tài sản ngắn hạn khác**	**275.895.192.255**	**583.623.000**	**276.478.815.255**
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	37.994.410.644	583.623.000	38.578.033.644
200	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**9.439.480.033.302**	**14.691.843.993**	**9.454.171.877.295**
220	**Tài sản cố định**	**3.040.183.166.385**	**8.153.987.649**	**3.048.337.154.034**
221	Tài sản cố định hữu hình	2.973.164.199.046	8.153.987.649	2.981.318.186.695
222	Nguyên giá	12.400.929.737.366	8.271.897.263	12.409.201.634.629
223	Giá trị hao mòn lũy kế	(9.427.765.538.320)	(117.909.614)	(9.427.883.447.934)
260	**Tài sản dài hạn khác**	**1.016.693.553.978**	**6.537.856.344**	**1.023.231.410.322**
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	338.197.955.965	6.537.856.344	344.735.812.309
270	**TỔNG TÀI SẢN**	**25.827.771.639.918**	**96.258.650.757**	**25.924.030.290.675**
300	**NỢ PHẢI TRẢ**	**12.879.176.838.661**	**(9.947.797.642)**	**12.869.229.041.019**
310	**Nợ ngắn hạn**	**9.198.890.888.791**	**(7.214.903.124)**	**9.191.675.985.667**
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	98.873.145.235	12.067.050.134	110.940.195.369
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	902.067.010.917	(7.322.438.478)	894.744.572.439
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	81.376.634.813	(11.959.514.781)	69.417.120.032
330	**Nợ dài hạn**	**3.680.285.949.870**	**(2.732.894.518)**	**3.677.553.055.352**
342	Dự phòng phải trả dài hạn	1.245.471.401.158	(2.732.894.518)	1.242.738.506.640
400	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**12.948.594.801.257**	**106.206.448.399**	**13.054.801.249.656**
410	**Vốn chủ sở hữu**	**12.948.594.801.257**	**106.206.448.399**	**13.054.801.249.656**
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.790.999.491.754	105.783.266.474	3.896.782.758.228
421b	*- LNST chưa phân phối năm nay*	862.320.522.572	105.783.266.474	968.103.789.046
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	730.050.298.629	423.181.925	730.473.480.554
440	**TỔNG NGUỒN VỐN**	**25.827.771.639.918**	**96.258.650.757**	**25.924.030.290.675**

46 TRÌNH BÀY LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC (tiếp theo)

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Mã số		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022		
		Theo báo cáo đã phát hành VND	Điều chỉnh lại VND	Trình bày lại VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.378.973.957.230	(6.098.866.262)	16.372.875.090.968
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.372.512.520.831	(6.098.866.262)	16.366.413.654.569
11	Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	(15.457.885.001.543)	105.348.763.235	(15.352.536.238.308)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	914.627.519.288	99.249.896.973	1.013.877.416.261
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(827.935.784.059)	189.191.221	(827.746.592.838)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	990.997.778.675	99.439.088.194	1.090.436.866.869
31	Thu nhập khác	219.113.496.653	2.844.543.670	221.958.040.323
40	Lợi nhuận khác	182.642.362.723	2.844.543.670	185.486.906.393
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.173.640.141.398	102.283.631.864	1.275.923.773.262
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(158.908.973.293)	(2.615.039.809)	(161.524.013.102)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(70.279.230.860)	6.537.856.344	(63.741.374.516)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	944.451.937.245	106.206.448.399	1.050.658.385.644
	Phân bổ cho:			
61	Chủ sở hữu của Công ty mẹ	883.636.252.979	105.783.266.474	989.419.519.453
62	Cổ đông không kiểm soát	60.815.684.266	423.181.925	61.238.866.191
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.575	(137)	1.438
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.575	(137)	1.438

46 TRÌNH BÀY LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC (tiếp theo)

(c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Mã số		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022		
		Theo báo cáo đã phát hành VND	Điều chỉnh lại VND	Trình bày lại VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**	**1.173.640.141.398**	**102.283.631.864**	**1.275.923.773.262**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao TSCĐ	471.172.463.810	117.909.614	471.290.373.424
03	Các khoản dự phòng	171.301.288.691	(14.947.773.853)	156.353.514.838
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động**	**917.843.711.736**	**87.453.767.625**	**1.005.297.479.361**
09	Tăng các khoản phải thu	(350.311.498.468)	(3.286.970.729)	(353.598.469.197)
10	Giảm hàng tồn kho	1.082.924.544.326	(77.440.848.481)	1.005.483.695.845
11	Tăng các khoản phải trả	448.669.409.834	(6.142.325.415)	442.527.084.419
12	Tăng chi phí trả trước	(36.347.922.309)	(583.623.000)	(36.931.545.309)

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn Ngày 12 tháng 3 năm 2024.

Dương Thị Ngọc Quý	Nguyễn Văn Bảo	Lê Mạnh Cường
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc